



ISSN: 1859 - 042X
Số 7
2018

TẠP CHÍ

Môi trường

CƠ QUAN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM) Website: tapchimoitruong.vn

Tăng cường quản lý nhập khẩu và sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất tại Việt Nam



Phế liệu nhập khẩu: Nguyên liệu hay rác thải?

**Hội nghị GEF6
- Những định
hướng BVMT trên
toàn cầu trong
giai đoạn tới**

**Cần chuyển đổi các
kịch bản phát triển
kinh tế thông thường
sang kinh tế tuần hoàn**

**Tăng cường trách
nhiệm xã hội của
doanh nghiệp FDI về
bảo vệ môi trường và
người lao động**



CÔNG TY TNHH CHANGSHIN VIỆT NAM

CHANG SHIN VIETNAM COMPANY., LTD.

Địa chỉ: Ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Tel: 02513. 865201 * Fax: 02513. 865145



Công ty TNHH Changshin Việt Nam là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài của Hàn Quốc, chuyên sản xuất giày thể thao mang nhãn hiệu Nike. Công ty có trụ sở đặt tại KCN Thạnh Phú, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai và chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 1995 đến nay. Hiện tại có trên 30.000 lao động, trong đó có 80% là lao động nữ. Công ty được Nhà nước Việt Nam tặng Huân chương Lao động hạng Ba và nhiều bằng khen khác về các hoạt động xã hội, môi trường, an toàn lao động, thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước.



NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

■ Tổ chức bộ máy làm công tác bảo vệ môi trường bền vững tại doanh nghiệp:

Thành lập Hội đồng Môi trường tự quản tại mỗi xưởng năm 2014 theo Quyết định số 3879/QĐ-TC. Phân công trách nhiệm cho từng thành viên của Hội đồng Môi trường theo quy định.

+ Hàng tháng tổ chức sinh hoạt, kiểm điểm nhiệm vụ cho từng thành viên và đề ra kế hoạch hoạt động về việc thực hiện bảo vệ môi trường cho tháng kế tiếp.

+ Tổng số thành viên của Hội đồng: 250 người. Trong đó đại diện Ban quản lý là 62 người và đại diện người lao động là 152 người.

+ Cán bộ chuyên trách về công tác môi trường là 36 người.

■ Thực hiện các tiêu chuẩn quy trình, quy phạm, biện pháp bảo vệ môi trường (BVMT):

+ Thực hiện và xây dựng đầy đủ nội quy lao động, quy định của pháp luật về BVMT, xây dựng các quy trình vận hành và xử lý chất thải

+ Hàng năm tổ chức giám sát, đo kiểm môi trường, báo cáo định kỳ về quản lý chất thải

■ Các thành tích đạt được và cải thiện về môi trường:

+ Thành tích nổi bật: Công ty đạt giải thưởng của Bộ Tài nguyên và Môi trường 2002, giải thưởng đạt thành tích BVMT bền vững 5 năm liền 2006-2011 của UBND tỉnh Đồng Nai, giải nhất Trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực BVMT của VCCI-2012, được chứng nhận Vàng về tòa nhà Thân thiện Môi trường "LEED" năm 2012 theo tiêu chuẩn quốc tế.

+ Cải thiện môi trường giảm năng lượng, khí thải; Lắp đặt hệ thống Solar PV cho tòa nhà xanh PCC, hệ thống Solar Water cho các xưởng sản xuất đế giày, bảo ôn các máy ép để giảm thiểu tiêu thụ dầu DO, gắn bộ điều chỉnh Oxy trong quá trình đốt dầu DO. Xây dựng, vận hành và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn cho việc tái sử dụng để xả nhà vệ sinh và tưới cây.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU - VINACOMIN

HATU COAL JOINT STOCK COMPANY

(Đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới - Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân)

Địa chỉ: Phường Hà Tu - Thành phố Hạ Long - Quảng Ninh

Điện thoại: 02033 835 169 * Fax: 02033 836 120

Website: www.hatucoal.vn/

Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin tiền thân là mỏ than Hà Tu, là Doanh nghiệp nhà nước, thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty than Việt Nam (nay đổi tên thành Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) được thành lập theo quyết định số 2602/QĐ - TCCB ngày 17/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, đăng ký kinh doanh số 110947 ngày 14/10/1996 của UBND tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12/10/1996.

Năm 2006, Công ty thực hiện cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần than Hà Tu - Vinacomin. Năm 2008, cổ phiếu THT của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

Trải qua gần 60 năm hình thành và phát triển, Ban lãnh đạo cùng tập thể cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

Thăm dò, khai thác, chế biến kinh doanh than và các loại khoáng sản; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Kho bãi và lưu trữ hàng hoá; Thoát nước và xử lý nước thải; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Sửa chữa thiết bị điện; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Cung cấp dịch vụ ăn uống; Sản xuất các loại bánh từ bột; Hoạt động các cơ sở thể thao.



Huân chương Độc lập hạng Ba



Anh hùng Lao động



Anh hùng LLVTND



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU - VINACOMIN

VINACOMIN - COC SAU COAL JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Phường Cẩm Phả - Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0203.3862062 Fax: 0203.3863936 Website: <http://cocsau.com>

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 22.03.000745

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02/01/2007.



Giám đốc: Vũ Văn Khẩn

* Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, đơn vị Anh hùng Lao động - Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Tiền thân là Mỏ than Cọc Sáu. Thành lập ngày 01/8/1960. Là đơn vị khai thác than lộ thiên lớn thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

* Vốn điều lệ: 324.961.050.000 đồng

* Tổng số CBCNV hiện nay: 2624 người.

* Diện tích khai thác: 575ha

* Đáy mỏ năm 1960 tại mức + 110m. Năm 2017 khai thác mức - 230m.

* 57 năm liên tục sản xuất kinh doanh hoàn thành vượt mức kế hoạch đạt hiệu quả cao. Đời sống CBCNV năm sau cao hơn năm trước:

+ Bốc xúc đất đá 629 715 052 m³

+ Than sản xuất: 99 857 596 tấn

+ Than tiêu thụ: 99 610 280 tấn

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

* Khai thác, chế biến kinh doanh than và các loại khoáng sản khác.

* Xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, dân dụng và san lấp mặt bằng.

* Chế tạo, sửa chữa, gia công các thiết bị mỏ, phương tiện vận tải, các sản phẩm cơ khí.

* Vận tải đường thủy, đường bộ, đường sắt.

* Sản xuất các mặt hàng bằng cao su.

* Quản lý, khai thác cảng và bến thủy nội địa.

* Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

* Nuôi trồng thủy sản.

* Kinh doanh, dịch vụ khách sạn, nhà hàng, ăn uống.

* Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, hàng hoá.

NHỮNG PHÂN THƯỞNG CAO QUÝ ĐÁNG, NHÀ NƯỚC TRAO TẶNG CÔNG TY (ĐẾN T6/2018):

* Bắc Hồ tuyên dương tại Đại hội toàn quốc lần thứ III (7/9/1960)

* Bắc Hồ điện khen (1965) viết thư khen (1968)

* Năm 1968 đón nhận Cờ thưởng luân lưu của Bắc Hồ

* Năm 1996 Chủ tịch nước tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lao động

* Năm 2002 Chủ tịch nước tặng danh hiệu tập thể Anh hùng LLVTND

* 03 cá nhân được Chủ tịch nước tặng danh hiệu Anh hùng Lao động

* 02 Huân chương Độc lập: Hạng Ba (1991); Hạng Nhất (2006)

* 03 Huân chương Chiến công (hạng Nhì 1967, hạng Ba 1990, 1996)



Huân chương Độc lập hạng Nhất



Anh hùng Lao động



Anh hùng LLVTND

* 89 Huân chương Lao động các hạng

* 19 CBCNV được Bắc Hồ tặng Huy hiệu mang tên Người

* 06 cá nhân được tặng Danh hiệu CSTĐ toàn quốc

* 06 Cờ thi đua của Chính phủ (1986, 1987, 2000, 2003, 2005, 2011)

* 06 Cờ thi đua của Bộ (1992, 2007, 2010, 2012, 2014, 2015)

* 129 Cờ thi đua và Cờ thưởng các cấp.

* 117 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

* 258 Bằng khen của Bộ Công Thương

* 246 cá nhân được Bộ Công Thương tặng Danh hiệu CSTĐ

* 407 cá nhân được Tập đoàn tặng Danh hiệu CSTĐ và nhiều danh hiệu thi đua và Bằng - Giấy khen các cấp trao tặng.



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Văn Tài
(Chủ tịch)
GS. TS. Đặng Kim Chi
TS. Mai Thanh Dung
GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng
TS. Nguyễn Thế Đồng
GS. TS. Nguyễn Văn Phước
TS. Nguyễn Ngọc Sinh
PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn
PGS. TS. Lê Kế Sơn
PGS. TS. Lê Văn Thắng
GS. TS. Trần Thực
TS. Hoàng Văn Thúc
PGS. TS. Trương Mạnh Tiến
GS. TS. Lê Văn Trình
GS. TS. Nguyễn Anh Tuấn
TS. Hoàng Dương Tùng
GS. TS. Bùi Cách Tuyến

TỔNG BIÊN TẬP

Đỗ Thanh Thủy
Tel: (024) 61281438

● **Trụ sở tại Hà Nội:** Tầng 7, Lô E2, phố Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Phòng Trị sự: (024) 66569135
Phòng Biên tập: (024) 61281446
Fax: (024) 39412053
Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn
● **Thường trú tại TP. Hồ Chí Minh:**
Phòng A 403, Tầng 4 - Khu liên cơ quan Bộ TN&MT, số 200 Lý Chính Thắng, phường 9, quận 3, TP.HCM
Tel: (028) 66814471 - Fax: (028) 62676875
Email: tcmtphianam@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

Thiết kế mỹ thuật: Nguyễn Việt Hưng
Bìa: Rác thải nhập lậu bị phát hiện tại cảng TP. HCM

Ảnh: Báo Hải quan

Chế bản & in:

C.ty TNHH Thương mại Hải Anh

Số 7/2018

Giá: 20.000đ



SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG

- [4] ● Tăng cường quản lý nhập khẩu và sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất tại Việt Nam
- [6] ● Ngành TN&MT: Chủ động nắm bắt tình hình, tháo gỡ kịp thời các vướng mắc từ địa phương cơ sở
- [7] ● Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc thị sát hoạt động của Formosa Hà Tĩnh
- [8] ● Hoàn thiện hành lang pháp lý về BVMT
- [9] ● Hội nghị lần thứ 10 Nhóm công tác ASEAN về giáo dục môi trường
- [10] ● GEF đánh dấu sự trưởng thành của Việt Nam trên con đường hội nhập quốc tế



LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH

- [12] PHẠM ĐÌNH ĐỒN: Hoàn thiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải nuôi trồng thủy sản
- [14] DƯƠNG VĂN MÃO: Bạc Liêu: Tập trung nguồn lực phát triển năng lượng sạch, hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh
- [16] HUỖNH HUY VIỆT: Hiện trạng các nguồn thải vào đầm, vịnh tỉnh Phú Yên và giải pháp bảo vệ môi trường
- [18] LƯU TRỌNG QUANG: Thanh Hóa nỗ lực triển khai tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới



TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN

- [21] LÊ HOÀNG LAN: Phế liệu nhập khẩu: Nguyên liệu hay rác thải?
- [23] ĐỖ NAM THẮNG: Hội nghị GEF6 - Những định hướng BVMT trên toàn cầu trong giai đoạn tới
- [26] NAKO ISHII: Cần chuyển đổi các kịch bản phát triển kinh tế thông thường sang kinh tế tuần hoàn
- [28] ABEDAIRAZQ KHALIL: An ninh nguồn nước - Vấn đề cấp thiết cần giải quyết
- [30] NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG, NGUYỄN HẢI YẾN: Cơ chế phối hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường: Thực trạng và giải pháp



TRONG SỐ NÀY



GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH

- [32] NGUYỄN CÔNG VINH, NGUYỄN KIM PHƯƠNG: Xây dựng hệ thống cung cấp giải pháp kỹ thuật nhằm sử dụng hiệu quả nhiên liệu trong vận tải tàu biển
- [34] LÂM VĂN MIỄN: Triển khai phần mềm ứng dụng phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên điện thoại thông minh



TĂNG TRƯỞNG XANH

- [36] NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC: Tăng trưởng xanh tại Thanh Hóa: Từ tầm nhìn tới hành động
- [38] NGUYỄN VĂN LÂM: Hiệu quả từ mô hình canh tác lúa giảm phát thải khí nhà kính ở An Giang



MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

- [41] NGUYỄN MINH PHONG, NGUYỄN TRẦN MINH TRÍ: Tăng cường trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp FDI về bảo vệ môi trường và người lao động
- [44] PHẠM OANH: Phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới sản xuất, kinh doanh sản phẩm chè theo chuỗi tại Thái Nguyên



MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN

- [46] BÍCH PHƯƠNG: Tầm gương sáng trong xây dựng nông thôn mới ở Quảng Bình
- [47] VŨ CÚC: Nâng cao ý thức của người dân trong thu gom, xử lý bao bì, vỏ thuốc bảo thực vật ở Lâm Đồng
- [49] KIM DUNG: Tình hình buôn bán động, thực vật hoang dã qua thương mại điện tử tại Việt Nam
- [50] PHẠM THỊ LAN ANH: Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai: Mái nhà chung của nhiều loài động, thực vật quý hiếm



NHÌN RA THẾ GIỚI

- [52] HUYỀN TRANG: Hành trình của túi ni lông
- [53] TRANG LƯU: Cuộc chiến chống lại rác thải nhựa tại một số quốc gia
- [55] HUYỀN TRANG: Saerbeck - Thị trấn xanh của tương lai

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP KINH DOANH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP DƯƠNG LIỄU

Địa chỉ: Thôn Gia, xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội
Giám đốc: Ông Nguyễn Phi Đức - Điện thoại: 024 33669677





Tăng cường quản lý nhập khẩu và sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất tại Việt Nam



▲ Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc chủ trì cuộc họp Thường trực Chính phủ về tình hình nhập khẩu phế liệu vào Việt Nam và các giải pháp quản lý

Ngày 25/7/2018, tại Hà Nội, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã chủ trì cuộc họp Thường trực Chính phủ về tình hình nhập khẩu phế liệu vào Việt Nam và các giải pháp quản lý. Thủ tướng cho rằng, Bộ TN&MT với vai trò cơ quan chịu trách nhiệm chính cần tiếp thu các ý kiến của các Bộ/ngành liên quan để kiểm soát tốt hơn tình trạng nhập phế liệu vào nước ta trong thời gian qua.

LÀM RÕ NGUYÊN NHÂN NHẬP PHẾ LIỆU TRÁI PHÉP VÀO VIỆT NAM

Ngay sau khi có thông tin về sự tồn đọng các container phế liệu nhập khẩu tại một số cảng biển của Việt Nam, Bộ TN&MT đã chủ động khảo sát, nắm bắt thông tin và thành lập đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra công tác BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất. Đồng thời, dưới sự chủ trì của Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà và Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân, ngày 12/7/2018, Bộ TN&MT đã tổ chức cuộc họp với các Bộ/ngành, Hiệp hội ngành nghề về công tác quản lý nhập khẩu và sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất tại Việt Nam.

Theo Báo cáo về công tác quản lý môi trường trong hoạt động nhập khẩu và sử dụng

phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, trong những năm qua, nhu cầu nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu trong các ngành sản xuất thép, giấy, nhựa và xi măng tăng mạnh. Tổng khối lượng phế liệu nhập khẩu năm 2017 tăng gấp 2 lần so với khối lượng phế liệu nhập khẩu năm 2016, trong đó, khối lượng sắt, thép, nhựa, giấy, xỉ hạt nhỏ là những loại phế liệu có khối lượng tăng gấp 2 - 3 lần tổng khối lượng nhập khẩu năm 2016. Riêng 5 tháng đầu năm 2018, khối lượng nhựa phế liệu nhập khẩu tăng đột biến gần gấp 2 lần so với năm 2017. Lượng phế liệu nhập khẩu đang tồn đọng chủ yếu tại các cảng của TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Bà Rịa - Vũng Tàu... Cụ thể, số liệu thống kê của Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh và Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn cho thấy, tính đến ngày 26/6/2018, số

container phế liệu tồn đọng ở tất cả các cảng do Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn quản lý là 4.480 container, riêng cảng Cát Lái là 3.464 container. Tại cảng Hải Phòng cũng đang tồn đọng số 737 container phế liệu quá hạn trên 90 ngày và 507 container có thời hạn từ 30 - 90 ngày.

Nguyên nhân của tình trạng trên là do Trung Quốc đã ban hành quy định dừng nhập khẩu một số loại phế liệu phục vụ tái chế, dẫn đến tình trạng các nước xuất khẩu chất thải rắn, phế liệu (Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Canada, các nước Bắc Âu...) sẽ phải tìm đối tác, thị trường nhập khẩu mới (Việt Nam, Thái Lan, Malaixia...). Do đó, một số lượng lớn hàng phế liệu nhập khẩu từ các nước phát triển đã tràn về khu vực Đông Nam Á. Tại Việt Nam, nhiều chủ hàng hoặc doanh nghiệp (DN) nhập khẩu không đến làm thủ tục thông quan do chưa có Giấy xác nhận đủ điều kiện về BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất nhưng vẫn ký hợp đồng mua bán phế liệu...

Tại cuộc họp, đại diện các Bộ: Giao thông vận tải, Công thương, Tư pháp, Tài chính, Công an đã đề xuất nhiều giải pháp nhằm tăng cường quản lý phế liệu nhập khẩu trong thời gian tới; Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo các Bộ/ngành, địa phương triển khai các giải pháp nhằm xử lý dứt điểm vụ việc và kiểm soát chặt chẽ phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất theo đúng quy định của pháp luật.



Bộ trưởng Trần Hồng Hà cho biết, với sự tham mưu, tư vấn của các Bộ, ngành và các Hiệp hội ngành nghề sản xuất, Bộ TN&MT sẽ đưa ra những chủ trương, chính sách có tầm nhìn dài hạn về nhu cầu nhập khẩu phế liệu, trong đó chú trọng nhu cầu thực tế cần thiết và cân đối với năng lực cung ứng, cung cấp nguyên vật liệu trong nước. Đối với những đơn vị nhập khẩu phải đáp ứng được đầy đủ những điều kiện nghiêm ngặt của các Bộ, ngành đặt ra và chịu trách nhiệm chính nếu xảy ra những trường hợp vi phạm pháp luật.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ PHẾ LIỆU NHẬP KHẨU

Để xử lý số lượng container phế liệu nhập khẩu đang tồn đọng, trước mắt, Bộ Tài chính chỉ đạo cơ quan Hải quan các cửa khẩu phối hợp với các cơ quan môi trường rà soát những DN có hàng hóa nhập khẩu là phế liệu chưa làm thủ tục hải quan đang lưu giữ trên địa bàn cảng biển thuộc quyền quản lý; Rà soát quy trình, rút ngắn thời gian kiểm tra thực tế lô hàng phế liệu nhập khẩu theo quy định hiện hành, đảm bảo không phát sinh thủ tục hành chính, không kéo dài thời gian và chi phí lưu kho bãi của DN. Bên cạnh đó, khẩn trương phân loại để xử lý các container phế liệu tồn đọng quá 90 ngày theo quy định tại Thông tư số 203/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan; Kiên quyết yêu cầu chủ hàng, chủ tàu tái xuất các lô hàng vi phạm quy định về BVMT; Đơn giản hóa thủ tục và sớm bàn giao cho cơ sở có chức năng quản lý chất thải thực hiện tiêu hủy các lô hàng phế liệu vi phạm.

Bộ Giao thông vận tải có văn bản thông báo yêu cầu kiểm tra Giấy xác nhận của chủ lô hàng phế liệu trước khi đưa hàng lên tàu tại các cảng xuất khẩu; Chỉ đạo các DN kinh doanh cảng biển kiểm tra Giấy xác nhận đủ điều kiện về BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất trước khi cho hàng hóa dỡ xuống cảng.

Bộ TN&MT rà soát, rút ngắn thời gian cấp Giấy xác nhận đối với những cơ sở sản xuất đã đáp ứng điều kiện BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; Tăng cường áp dụng cơ chế hải quan ASEAN một cửa trên môi trường mạng; Công khai Giấy

xác nhận đủ điều kiện BVMT trong nhập khẩu phế liệu cấp cho DN, gửi bản sao Giấy xác nhận cho cơ quan liên quan; Thông báo lô hàng phế liệu được phép nhập khẩu trực tiếp và phối hợp với cơ quan Hải quan cửa khẩu làm thủ tục thông quan, giải phóng hàng hóa nhanh gọn, đúng quy định pháp luật.

UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc tăng cường thanh, kiểm tra, kiểm soát phế liệu nhập khẩu trên địa bàn và cơ sở sản xuất tái chế, làng nghề có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; Chấn chỉnh hoạt động kinh doanh, buôn bán phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất, xử lý nghiêm khi phát hiện sai phạm trên địa bàn.

Về giải pháp tăng cường quản lý phế liệu nhập khẩu, cần khẩn trương hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý phế liệu nhập khẩu theo hướng đồng bộ giữa các yêu cầu BVMT của các Luật: BVMT, Thương mại, Hàng hải; Rà soát, sửa đổi Thông tư, Nghị định hướng dẫn thi hành Luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật đối với phế liệu nhập khẩu... Cùng với đó, tăng cường thanh, kiểm tra, xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành để giám sát, chia sẻ thông tin về cơ sở nhập khẩu phế liệu và có hình thức xử phạt nghiêm minh khi phát hiện sai phạm; Đẩy mạnh giám định, giám sát chất lượng phế liệu nhập khẩu khi làm thủ tục thông quan.

Đồng thời, tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của các DN cũng như năng lực đội ngũ làm công tác

quản lý nhập khẩu phế liệu ở Trung ương, địa phương; Nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ sản xuất hiện đại, thân thiện với môi trường; Thực hiện giảm dần việc nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài và tăng cường tái sử dụng, tái chế phế liệu phát sinh trong nước...

Kết luận cuộc họp, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc yêu cầu cần đẩy mạnh phối hợp giữa các cấp, ngành trong việc ngăn chặn phế liệu vào Việt Nam. Ngoài ra, cần điều tra, xử lý, truy đến cùng các container phế liệu đã vào Việt Nam mà không có người nhận; làm rõ nguyên nhân, khởi tố một số vụ vi phạm pháp luật về môi trường, nhập phế liệu trái phép vào Việt Nam để răn đe; rà soát lại tất cả các giấy phép còn hạn ngạch, không cấp mới giấy phép doanh nghiệp nhập phế liệu. Bộ TN&MT làm rõ tác động của từng sản phẩm phế liệu, từ đó, có danh mục phế liệu đủ điều kiện, tiêu chuẩn để nhập vào Việt Nam; tiến hành thanh tra việc cấp phép phế liệu nhập khẩu thời gian qua, xử lý nghiêm cán bộ, doanh nghiệp vi phạm. Bộ Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính, các Bộ, địa phương liên quan xử lý tiêu hủy, di dời các container phế liệu trái phép; Bộ Công Thương rà soát lại vấn đề tạm nhập tái xuất phế liệu. Thủ tướng cũng nhắc nhở, cần ban hành Chỉ thị của Thủ tướng về việc ngăn chặn nhập khẩu phế liệu vào Việt Nam. Đây sẽ là văn bản quan trọng để Bộ TN&MT, các Bộ, ngành liên quan và địa phương trong cả nước thực hiện.

VŨ NHUNG



NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG:

Chủ động nắm bắt tình hình, tháo gỡ kịp thời các vướng mắc từ địa phương cơ sở

Ngày 11/7/2018, tại Hà Nội, Bộ TN&MT đã tổ chức Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018. Bộ trưởng Trần Hồng Hà cùng các Thứ trưởng: Nguyễn Thị Phương Hoa, Võ Tuấn Nhân, Trần Quý Kiên, Lê Công Thành chủ trì Hội nghị.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Bộ trưởng Trần Hồng Hà cho biết, trong nửa đầu nhiệm kỳ 2016 - 2021, Bộ TN&MT đã có những đổi mới cơ bản và toàn diện. Từng lĩnh vực, từng đơn vị đã có sự đổi mới, phát huy sức sáng tạo của các cán bộ, công chức, người lao động để hiệu quả công việc ngày càng được nâng lên. Thông qua thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ được giao, Bộ đã chủ động tham mưu cho Đảng, Nhà nước, Chính phủ ban hành nhiều Kế hoạch, Chương trình, Nghị quyết về phát triển đất nước theo hướng bền vững, chú trọng công tác BVMT, ứng phó biến đổi khí hậu... Đây là tiền đề quan trọng để ngành TN&MT tiếp tục ổn định và phát triển trong thời gian tới.

Trong 6 tháng đầu năm 2018, Bộ TN&MT đã theo sát tình hình thực tiễn, chủ động chỉ đạo triển khai các giải pháp phù hợp để tăng cường BVMT, quản lý tài nguyên, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật; Đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC), cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường hiệu lực thực thi pháp luật; Kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả; xây dựng nền hành chính kỷ luật, kỷ cương, liêm chính, kiến tạo phát triển, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Đối với hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, Bộ đã trình và được Quốc hội thông qua Luật Đo đạc và bản đồ; Tập trung xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều về quy hoạch của các Luật: Đất đai, BVMT, Khoáng sản, Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn, Đa dạng sinh học, Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương trình Bộ Chính trị báo cáo sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết số



▲ Bộ trưởng Trần Hồng Hà phát biểu khai mạc Hội nghị

19-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng khóa XI và triển khai việc sơ kết 5 năm tình hình thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng khóa XI; Trình Chính phủ 4 Nghị định, 1 đề xuất xây dựng Nghị định; trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo 10 Quyết định, ban hành theo thẩm quyền 1 Thông tư...

Trong công tác CCHC, Bộ đã trình Chính phủ Dự thảo Nghị định sửa đổi, bãi bỏ một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực TN&MT, trong đó đề xuất bãi bỏ và đơn giản hóa 99/163 điều kiện đầu tư kinh doanh (chiếm khoảng 60%); Công bố phương án cắt giảm 38/74 hàng hóa, sản phẩm phải kiểm tra chuyên ngành và bãi bỏ, đơn giản hóa 13/13 thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến kiểm tra chuyên ngành.

Về thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, Bộ đã triển khai 42 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 56 tổ chức và 2 cuộc giám sát hoạt động Đoàn thanh tra theo kế hoạch; tiếp 121 lượt công dân với tổng số 181 người, trong đó có 8 lượt đoàn đông người (giảm 61 lượt, 341 người so với năm 2017). Bộ đã phân loại và xử lý 1.479 lượt đơn khiếu nại, tố cáo; thẩm tra, xác minh 27/29 vụ việc Thủ tướng Chính phủ giao, 18/20 vụ việc thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ.

Đối với lĩnh vực môi trường, Bộ đã xây dựng khung Dự án Luật BVMT (sửa đổi); trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án kiểm soát đặc biệt đối với dự án, cơ sở có nguy cơ



ô nhiễm cao. Bên cạnh đó, Bộ đã trình Quốc hội, báo cáo Chính phủ về công tác BVMT năm 2017, kết quả 4 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực BVMT; báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình triển khai Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT. Đặc biệt, Bộ cũng giám sát chặt chẽ việc khắc phục các tồn tại, vi phạm và quá trình vận hành thử nghiệm Lò cao số 2 của Công ty Formosa Hà Tĩnh; hoạt động của Nhà máy Giấy Lee&Man Hậu Giang, Dự án tổ hợp bauxit nhôm Lâm Đồng; đánh giá tác động môi trường mô sát Thạch Khê...

Nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, trong 6 tháng cuối năm 2018, Bộ TN&MT tăng cường công tác phối hợp, chủ động nắm bắt tình hình, tháo gỡ kịp thời các vướng mắc từ địa phương cơ sở; Tập trung hoàn thành việc xây dựng trình các đề án, văn bản quy phạm pháp luật còn lại trong Chương trình công tác, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ; Rà soát điều chỉnh kế hoạch thanh tra phù hợp với những vấn đề phát sinh từ thực tiễn, tập trung vào những vấn đề bức xúc của nhân dân, dư luận xã hội quan tâm; Xác định các nội dung, đối tượng thanh tra, kiểm tra để hướng dẫn địa phương xây dựng kế hoạch thanh tra năm 2019 để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ, tránh chồng chéo giữa Trung ương và địa phương; Ban hành quy chế phối hợp giữa Bộ TN&MT và Bộ Công Thương trong thanh tra khoáng sản. Đồng thời, hoàn thiện cơ chế tương tác giữa Bộ với người dân, doanh nghiệp; Thực hiện gắn nghiên cứu với chuyển giao, cơ chế đấu thầu đặt hàng để khoa học công nghệ đóng góp vào sự phát triển của ngành; Thúc đẩy, mở rộng các diễn đàn đối thoại chính sách, tham vấn các nhà đầu tư, tài trợ, phục vụ trao đổi thông tin pháp luật về TN&MT; Hoàn thành xây dựng, ban hành kiến trúc chính phủ điện tử ngành TN&MT phiên bản 2.0...

HỒNG NHUNG

THỦ TƯỚNG NGUYỄN XUÂN PHÚC THỊ SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA FORMOSA HÀ TĨNH



▲ Thủ tướng cùng đoàn công tác kiểm tra chất lượng nước thải tại hệ thống hồ sinh học FHS

Ngày 20/7/2018, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc cùng đoàn công tác đã có buổi thị sát và làm việc với Công ty Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh (FHS). Tham dự đoàn công tác có Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà cùng các lãnh đạo Bộ, ngành Trung ương và địa phương.

Theo báo cáo của FHS, đến nay, FHS đã hoàn thiện các hạng mục cải thiện, bổ sung công trình xử lý chất thải, đảm bảo tiêu chuẩn quốc tế và đã được Bộ TN&MT xác nhận hoàn thành 11 hạng mục công trình BVMT. Ngoài ra, FHS cũng đã xây dựng 3 mức đề phòng sự cố tại nơi sản xuất, bên trong và ngoài nhà máy. Dữ liệu quan trắc các thông số xả thải được kết nối trực tiếp đến cơ quan chức năng để theo dõi, giám sát. Các thông số về nước thải, khí thải đều nằm trong giới hạn cho phép, chất thải rắn được thu gom và chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý.

Phát biểu tại buổi làm việc, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc ghi nhận những nỗ lực của FHS trong

công tác khắc phục các công trình, hạng mục BVMT. Để quá trình sản xuất ổn định và bảo đảm phát triển kinh tế gắn với BVMT bền vững, Thủ tướng đề nghị, FHS cần khẩn trương chuyển đổi phương pháp làm nguội cốc từ ướt sang khô theo đúng như cam kết (dự kiến hoàn thành vào tháng 6/2019); Tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm thiểu tác động đến môi trường, đáp ứng yêu cầu về khí thải, nước thải, chất thải rắn theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn của EU, Nhật Bản... Đồng thời, Thủ tướng giao các Bộ, ngành chức năng, đặc biệt là Bộ Công Thương, Tài chính, TN&MT hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền các thủ tục cho FHS như điều chỉnh tổng mức đầu tư, chuyển đổi đất mặt biển sang đất liền, đánh giá công nghệ làm nguội than coke (CDQ) từ ướt sang khô; Nghiên cứu ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn để tái chế, sử dụng tro bay, xỉ đáy lò làm vật liệu xây dựng...

HỒNG ĐIỀN



Hoàn thiện hành lang pháp lý về bảo vệ môi trường

Ngày 20/7/2018, tại Hà Nội, Tổng cục Môi trường đã tổ chức Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018. Thủ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân tới dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị.

Tại Hội nghị, Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường Nguyễn Văn Tài cho biết, xác định rõ vai trò, trách nhiệm quan trọng của cơ quan quản lý nhà nước về BVMT ở Trung ương, ngay từ đầu năm, Tổng cục đã xây dựng, ban hành Chương trình công tác năm 2018, trong đó xác định mục tiêu trọng tâm là hoàn thiện hành lang pháp lý về BVMT; kiện toàn tổ chức bộ máy của Tổng cục; tăng cường nguồn lực cho hoạt động BVMT; chủ động phòng ngừa, kiểm soát, khắc phục ô nhiễm môi trường; cải cách thủ tục hành chính; đổi mới trong chỉ đạo điều hành.

Theo đó, trong 6 tháng đầu năm 2018, Tổng cục Môi trường đã tập trung hoàn thiện thể chế chính sách pháp luật về BVMT, tạo hành lang pháp lý cần thiết cho công tác quản lý nhà nước về BVMT trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Đến nay, Tổng cục đã tham mưu cho Bộ TN&MT trình Chính phủ 1 Nghị định; Thủ tướng Chính phủ 1 Quyết định. Hiện Tổng cục đang triển khai xây dựng 1 Luật, 1 Nghị định, 1 Thông tư theo đúng tiến độ. Ngoài ra, Tổng cục còn phối hợp với Bộ Xây dựng hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; chủ trì xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về bảo tồn và sử dụng bền vững đất ngập nước.

Đối với công tác kiểm soát các dự án, nguồn thải lớn, có nguy cơ gây sự cố môi trường, Tổng cục đã trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (ÔNMTNT) thuộc đối tượng công ích giai đoạn 2016 - 2020; xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Đề án kiểm soát đặc biệt đối với các cơ sở tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; triển khai thực hiện Đề án Xây dựng hệ



▲ Toàn cảnh Hội nghị

cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc TN&MT; hoàn thiện, trình Bộ trưởng ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng kết quả BVMT của các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương. Cùng với đó, tiến độ xử lý triệt để các cơ sở gây ÔNMTNT theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg đã có sự chuyển biến tích cực. Tính đến nay, đã có 404/439 cơ sở gây ÔNMTNT (đạt tỷ lệ 92%) theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và 230/435 cơ sở gây ÔNMTNT (đạt tỷ lệ 52,9%) theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg cơ bản hoàn thành các biện pháp xử lý ô nhiễm triệt để, không còn gây ô nhiễm môi trường.

Đặc biệt, Tổng cục đã duy trì hiệu quả hoạt động của đường dây nóng tiếp nhận, xác minh, xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường. Đến nay, Tổng cục đã tiếp nhận hơn 743 thông tin phản ánh, kiến nghị của người dân về ô nhiễm môi trường qua đường dây nóng, chuyển địa phương để

xử lý theo thẩm quyền; trong đó có gần 350 vụ việc đã được xử lý. Đồng thời, Tổng cục đã chủ động tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh trên phương tiện thông tin đại chúng, phản hồi, cung cấp thông tin và định hướng kịp thời về các thông tin sai lệch... Qua đó, Tổng cục đã chủ động ứng phó, giải quyết các sự cố, vụ việc ô nhiễm môi trường phát sinh trên phạm vi cả nước, góp phần làm giảm các bức xúc, điểm nóng về môi trường.

Công tác thanh tra, kiểm tra về BVMT tiếp tục được đẩy mạnh, chú trọng đến việc rà soát đối tượng đưa vào kế hoạch; tổ chức thanh tra tập trung chủ yếu vào các đối tượng thuộc ngành nghề có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường, cơ sở có nguồn phát thải lớn. Tổng cục đã tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra, xử lý 5 vụ việc về ô nhiễm, sự cố môi trường và đa dạng sinh học; duy trì thường xuyên Tổ giám sát quá trình vận hành



thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Nhà máy Giấy Lee&Man Việt Nam (tỉnh Hậu Giang), Dự án Nhà máy Bột - Giấy VNT19 tại Khu kinh tế Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi); quá trình vận hành dự án của Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (tỉnh Thanh Hóa). Đồng thời, Tổng cục tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình khắc phục các lỗi vi phạm và quá trình vận hành thử nghiệm Lò cao số 2 của Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh...

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, các hoạt động của Tổng cục trong 6 tháng đầu năm còn có một số hạn chế như: Việc giải quyết kiến nghị của Bộ, ngành, địa phương, người dân, doanh nghiệp và xử lý thủ tục hành chính về môi trường trong một số trường hợp còn chậm; tiến độ thẩm định, phê duyệt và tổ chức triển khai nhiệm vụ chưa đạt được kết quả như mong muốn so với chương trình công tác đầu năm đã đề ra...

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân ghi nhận những nỗ lực, cố gắng của Tổng cục Môi trường trong việc khắc phục khó khăn, vượt qua thử thách, đặc biệt trong bối cảnh có nhiều thay đổi về tổ chức bộ máy để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Thứ trưởng đề nghị, trong 6 tháng cuối năm, Tổng cục cần tiếp tục tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về BVMT, cũng như việc tổ chức triển khai quy định pháp luật trên thực tế; Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thẩm định đẩy nhanh tiến độ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật BVMT; Kiện toàn, nhanh ổn định, phát huy hiệu quả của bộ máy tổ chức và triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ mới được giao. Đồng thời, thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra về BVMT; Rà soát điều chỉnh kế hoạch thanh tra năm 2018 phù hợp với những vấn đề phát sinh từ thực tiễn; Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Bộ/ngành, địa phương triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT; Xây dựng và triển khai các mô hình xã hội hóa nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và cộng đồng trong công tác BVMT nói chung, giám sát thực thi pháp luật về BVMT nói riêng.

MAI HƯƠNG

Hội nghị lần thứ 10 Nhóm công tác ASEAN về giáo dục môi trường



Từ ngày 18 - 20/7/2018, tại TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Bộ TN&MT đã tổ chức Hội nghị Nhóm công tác ASEAN về giáo dục môi trường lần thứ 10 (AWGEE 10). Các đại biểu quốc tế tham dự Hội nghị là các Trưởng Nhóm công tác Giáo dục môi trường, đại diện 10 nước thành viên ASEAN, các nước đối tác và tổ chức quốc tế có liên quan như Bộ Môi trường Nhật Bản, Trường Đại học Liên hợp quốc Nhật Bản, Chương trình Môi trường Liên hợp quốc, Trung tâm Đa dạng sinh học ASEAN, Quỹ Hanns Siedel Foundation, Ban Thư ký ASEAN. Đoàn Việt Nam gồm các đại diện thuộc Bộ TN&MT, Bộ Ngoại giao, UBND tỉnh Lâm Đồng.

Hội nghị AWGEE 10 là một sự kiện có ý nghĩa quan trọng nhằm tổng kết các hoạt động hợp tác ASEAN về giáo dục môi trường năm 2017, cũng như thảo luận, xây dựng phương hướng hoạt động trong năm 2018. Theo đó, các nội dung chính được thảo luận gồm: Triển khai các chương trình theo Kế hoạch tổng thể Cộng

đồng văn hóa xã hội ASEAN (ASCC Blueprint) 2025 và Kế hoạch hành động của Nhóm công tác ASEAN về giáo dục môi trường; cập nhật hoạt động của các quốc gia thành viên ASEAN về giáo dục môi trường; tăng cường hợp tác ASEAN với các đối tác phát triển, các cơ quan liên quan về giáo dục môi trường...

Việc đăng cai tổ chức Hội nghị AWGEE 10 thể hiện vai trò và trách nhiệm của Việt Nam đối với việc tăng cường hiệu quả hợp tác ASEAN trong lĩnh vực môi trường nói chung và giáo dục môi trường nói riêng. Đây cũng là cơ hội tốt để Việt Nam chia sẻ thông tin về các hoạt động, chính sách quốc gia giáo dục môi trường và học hỏi kinh nghiệm từ các nước thành viên và các đối tác.

AWGEE 10 là Hội nghị chính, nằm trong khuôn khổ hợp tác ASEAN về môi trường. Bên cạnh đó là chuỗi các Hội thảo: Thiết kế lại Chương trình các nhà lãnh đạo ASEAN+3 về sản xuất và tiêu dùng bền vững (ngày 17/7) và Tiêu chí của Giải thưởng Nhà vô địch trẻ ASEAN về sinh thái (ngày 18/7) ■ **ĐỨC ANH**

GEF 6 đánh dấu sự trưởng thành của Việt Nam trên con đường hội nhập quốc tế

Kỳ họp lần thứ 6 của Đại Hội đồng Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF 6) và các sự kiện liên quan diễn ra tại TP. Đà Nẵng trong những ngày cuối tháng 6/2018 có ý nghĩa quan trọng, đánh dấu sự trưởng thành của Việt Nam trên con đường hội nhập quốc tế trong lĩnh vực môi trường. Kỳ họp có sự tham dự của khoảng 1.500 đại biểu, gồm các quan chức cấp cao và Bộ trưởng phụ trách môi trường của 183 quốc gia thành viên, cùng lãnh đạo các cơ quan Liên hợp quốc (LHQ), tổ chức, định chế tài chính quốc tế và doanh nghiệp...



▲ Phiên khai mạc toàn thể Kỳ họp GEF6 ngày 28/6/2018 tại TP. Đà Nẵng

VAI TRÒ CỦA VIỆT NAM TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU

Với vai trò là nước chủ trì đăng cai tổ chức Kỳ họp GEF 6, Việt Nam đã nỗ lực triển khai các hoạt động cần thiết để Kỳ họp diễn ra thành công tốt đẹp, góp phần nâng tầm vị thế, uy tín trong khu vực và trên trường quốc tế. Qua đó, đã tạo nên dấu ấn về một Việt Nam thân thiện, mến khách và chuyên nghiệp; đồng thời, quảng bá danh lam, thắng cảnh và con người Việt Nam với cộng đồng quốc tế. Kỳ họp thể hiện Việt Nam là thành viên có trách nhiệm của GEF, luôn chủ động, tích cực tham gia giải quyết các thách thức môi trường toàn cầu; khẳng định quyết tâm trong thực hiện đường lối đối ngoại của Đại hội Đảng lần thứ XII về hội nhập quốc tế sâu rộng, cũng như Nghị quyết số 24/NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 3/6/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH), tăng

cường quản lý tài nguyên và BVMT.

Tại Kỳ họp và các sự kiện bên lề, Việt Nam đã đưa ra những cam kết, quan điểm rõ ràng, cũng như đề xuất các sáng kiến, góp phần giải quyết những vấn đề cấp bách hiện nay như rác thải nhựa trên biển, bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH). Thông qua Kỳ họp, Việt Nam đã thúc đẩy các mối quan hệ song phương, đa phương để tìm kiếm các cơ hội; tiếp nhận hỗ trợ, tăng cường năng lực, tài chính nhằm giải quyết các vấn đề môi trường và ứng phó với

BĐKH. Điều đó đã được Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc khẳng định tại Phiên Khai mạc toàn thể Kỳ họp GEF 6: Việt Nam kiên quyết “không đánh đổi môi trường để phát triển kinh tế” và sẽ tiên phong trong thực hiện tăng trưởng xanh, cũng như quản lý rác thải nhựa trên biển. Cam kết của Thủ tướng đã truyền cảm hứng cho tất cả các đại biểu quốc tế về quyết tâm chung tay cùng thế giới kiến tạo một “hành tinh an toàn, chất lượng và đáng sống hơn”.

Trong khuôn khổ Kỳ họp, Việt Nam đã



tổ chức thành công 3 sự kiện bên lề (gồm: Hội nghị Thành tựu và định hướng hợp tác Việt Nam - GEF: Hợp tác cho mục tiêu tăng trưởng bền vững; Hội nghị Quản lý rác thải nhựa đại dương; Hội nghị Bảo tồn ĐDSH và phát triển du lịch bền vững); đồng thời, tham gia sâu vào các phiên họp bàn tròn cấp cao. Đặc biệt, tại Hội nghị Quản lý rác thải đại dương, Việt Nam đã đề xuất sáng kiến thành lập quan hệ đối tác khu vực các biển Đông Á không có rác thải nhựa, nhằm thúc đẩy hợp tác, tăng cường phối hợp khu vực trong giảm thiểu rác thải nhựa ở khu vực biển Đông Á; tạo động lực giúp chuyển dịch mô hình tăng trưởng theo nguyên tắc giảm tiêu thụ, gia tăng tái chế và tái sử dụng nhựa; thiết lập tri thức về rác thải nhựa trên biển và nâng cao nhận thức cộng đồng, thay đổi hành vi đối với các sản phẩm nhựa, rác thải nhựa. Sáng kiến của Việt Nam đã được các đại biểu đánh giá cao và ủng hộ. Ngoài ra, tại các hội nghị khác, Việt Nam cũng đề xuất một số nội dung mà GEF có thể ưu tiên hỗ trợ như lồng ghép bảo tồn ĐDSH với du lịch bền vững tại Việt Nam; dự án TP bền vững; Kế hoạch hành động quốc gia để triển khai Thỏa thuận Pari về BĐKH....

ẤN TƯỢNG VỀ MỘT KỲ HỌP THÀNH CÔNG

Sự kiện GEF 6 tại TP. Đà Nẵng đã được các đại biểu đánh giá cao về công tác tổ chức. Theo ông Claus Pram Astrup (Ban Thư ký GEF), việc Việt Nam được lựa chọn làm quốc

gia đăng cai tổ chức GEF 6 khẳng định vai trò và vị thế của Việt Nam tham gia vào nỗ lực chung toàn cầu trong bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

Đồng tình với phát biểu của ông Claus Pram Astrup, ông Jose' Pedro De Oliveira Costa (Bộ Tài nguyên Môi trường Braxin) chia sẻ, Kỳ họp đã được tổ chức rất tốt. Đây là cơ hội để các quốc gia; tổ chức xã hội dân sự và các nhà lãnh đạo cùng trình bày ý tưởng, giải pháp và hành động cần thiết để BVMT toàn cầu trước những thách thức hiện nay. Ông Jose' Pedro De Oliveira Costa cho biết, trước đây, ông đã có dịp đến thăm bán đảo Sơn Trà - nơi có loài linh trưởng quý hiếm. Những kinh nghiệm trong việc bảo tồn các loài linh trưởng của các cấp chính quyền TP. Đà Nẵng sẽ là bài học cho Braxin để triển khai công tác bảo tồn ĐDSH.

Bà Shikha Garg (đại biểu GEF Ấn Độ) cho biết, bà rất ấn tượng với sự nhiệt tình của các tình nguyện viên, cũng như TP. Đà Nẵng. Theo bà, các chủ đề của GEF 6 rất thú

vị, đặc biệt là chủ đề phát triển du lịch bền vững và bảo tồn ĐDSH. Mối quan hệ giữa bảo tồn ĐDSH và khai thác phát triển du lịch không thể tách rời trong bối cảnh hiện nay.

Trao đổi về vai trò của phụ nữ trong công tác BVMT, bà Amy Luinstra (Tổ chức Tài chính Kinh tế toàn cầu) cho rằng, thế giới cần quan tâm nhiều hơn đến việc lồng ghép giữa BVMT và vấn đề giới. Bà đề xuất việc gắn bảo tồn ĐDSH và du lịch bền vững với cải thiện sinh kế cho phụ nữ. Đây là một trong những giải pháp quan trọng để phát triển bền vững.

Những ý kiến chia sẻ của các đại biểu quốc tế cho thấy, thành công của Kỳ họp đã để lại ấn tượng sâu sắc đối với mỗi cá nhân. Thông qua đó, vị thế của Việt Nam đã được nâng cao, tạo được tiếng vang và tầm ảnh hưởng lớn trong khu vực, cũng như trên trường quốc tế. Việt Nam sẽ đồng hành cùng thế giới giải quyết các vấn đề môi trường toàn cầu vì một hành tinh bền vững và chống chịu tốt hơn.

PHƯƠNG TÂM



▲ Các đại biểu tham dự GEF 6 cùng với 600 thanh niên tham gia làm sạch môi trường ở bãi biển Nguyễn Tất Thành, Đà Nẵng



Hoàn thiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải nuôi trồng thủy sản

PHẠM ĐÌNH ĐÔN

Cục Bảo vệ môi trường miền Nam

ĐỐI NÉT VỀ NƯỚC THẢI NUÔI TRỒNG THỦY SẢN (NTTS)

Nước thải NTTS (nuôi tôm, nuôi cá...) là nguồn nước thải sau khi thu hoạch các sản phẩm thải ra nguồn tiếp nhận. Theo đó, nước thải NTTS chứa thành phần các chất hữu cơ (BOD_5 , COD), các chất dinh dưỡng (phospho, nitơ), chất rắn lơ lửng (TSS) và nhóm các vi sinh coliforms... gây ô nhiễm môi trường và dịch bệnh cần phải được xử lý.

Đối với một số mô hình nuôi thâm canh, nuôi công nghiệp tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long, theo các Dự án nuôi tôm công nghiệp cho thấy, nước thải nuôi tôm công nghiệp có hàm lượng các chất hữu cơ (BOD_5 12 - 35 mg/l, COD 20 - 50 mg/l), phospho 0,24 - 0,45 mg/l ($P-PO_{43}$), ammoniac (0,5 - 1 mg/l), chất rắn lơ lửng (12 - 70 mg/l), coliforms (2,5.10² - 3.10⁴ MNP/100 ml). Theo Đề tài "Đánh giá tải lượng chất ô nhiễm của mô hình nuôi thâm canh cá tra và cá trê lai tại TP. Cần Thơ" năm 2012", nước thải nuôi cá trê lai có thành phần (BOD_5 56 mg/l, COD 118 mg/l, tổng N 11,50 mg/l, tổng P 5,02 mg/l); Nước thải nuôi cá tra có thành phần (BOD_5 50 mg/l, COD 112 mg/l, tổng N 4,81 mg/l, tổng P 2,17 mg/l). Nguồn nước nuôi trồng, canh tác thủy sản trong một vụ nuôi (nuôi tôm thường 2 vụ/năm, nuôi cá 1 vụ/năm) có thể đạt đến 15.000 - 25.000 m³/ha, tùy thuộc vào quy trình nuôi công nghệ canh tác, nuôi trồng các loại thủy sản và lượng nước thải NTTS sau thu hoạch sản phẩm khoảng 40 - 60% lượng nước canh tác nuôi

trồng...Tuy nhiên, nguồn nước thải này có chứa nhiều thành phần độc hại, gây dịch bệnh... do đó phải được xử lý triệt để đáp ứng yêu cầu BVMT trước lúc thải ra nguồn tiếp nhận.

Ngoài ra, bùn thải trong quá trình NTTS (tôm công nghiệp, tôm thâm canh, cá tra công nghiệp, cá trê...) chứa các nguồn thức ăn dư thừa bị phân hủy, các hóa chất và thuốc kháng sinh, chất lắng đọng phù sa, với chiều dày từ 0,1 - 0,3m...thải ra trong quá trình vệ sinh và nạo vét ao nuôi tác động xấu đến môi trường xung quanh, ảnh hưởng đến chất lượng thủy sản nuôi trồng. Kết quả tổng hợp từ các Dự án nuôi tôm công nghiệp cho thấy, bùn thải nuôi tôm công nghiệp có chứa khoảng 29,5%, Si 27.842 mg/kg, Ca 13.256 mg/kg, K5.642 mg/kg, Fe 11.210 mg/kg, H₂S 8,3 mg/kg, N - NH₃ 36,1 mg/kg, N - NO₃ 0,3 mg/kg, N - NO₂ 0,1 mg/kg, PO₄ 1,8 mg/kg. Theo Đề tài "Đánh giá tải lượng chất ô nhiễm của mô hình nuôi thâm canh cá tra và cá trê lai tại TP. Cần Thơ" năm 2012": Đối với bùn thải nuôi cá tra, với: pH

4,37 - 5,39, TOC 1,56 - 1,89%, tổng N 0,131 - 0,186%, tổng P 0,124 - 0,181%... là nguồn gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần được xử lý triệt để, nhằm phát triển bền vững nghề nuôi trồng thủy sản.

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NƯỚC THẢI NTTS

NTTS được xem là một hệ thống canh tác nông nghiệp, Bộ NN&PTNT có Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 02-19:2014/BNNTNT ngày 29/7/2014 về cơ sở nuôi tôm nước lợ - Điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, BVMT và an toàn thực phẩm: Đối với chất lượng nước cấp vào ao nuôi và nước ao nuôi tôm sú, tôm chân trắng (ô xy hòa tan (DO) ≥ 3,5 mg/l; pH từ 7 - 9; độ mặn = 5 - 35‰; độ trong = 20 - 50 cm; NH₃ < 0,3 mg/l; H₂S < 0,05 mg/l; nhiệt độ 18 - 33°C. QCVN 02-20:2014/BNNTNT ngày 29/7/2014 về cơ sở nuôi cá tra trong ao - Điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, BVMT và an toàn thực phẩm: Đối với chất lượng nước cấp vào ao nuôi cá tra (ô xy hòa tan (DO) ≥ 2,0 mg/l; pH từ 7 - 9; độ kiềm = 60 - 180mg CaCO₃/L; NH₃ < 0,3 mg/l; H₂S < 0,05 mg/l; Nhiệt độ 25 - 32°C. Đối với chất lượng nước thải từ ao nuôi trước khi thải ra môi trường bên ngoài (pH 5,5 - 9; BOD_5 (20°C) ≤ 50 mg/l; COD ≤ 150 mg/l; chất rắn lơ lửng ≤ 100 mg/l và coliform ≤ 5.000 MPN/100 ml (theo Thông tư số 22/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014)... cho thấy sự phân biệt giữa nước NTTS (chất lượng nước hệ canh tác nuôi trồng) và nước thải NTTS



▲ Mô hình nuôi tôm công nghiệp tại tỉnh Trà Vinh



thải ra môi trường tiếp nhận (tuy nhiên các thông số quan trắc, giám sát còn rất hạn chế đối với chất lượng nước thải NTTS...).

Tuy nhiên, hiện nay nước thải NTTS được các cơ quan quản lý nhà nước về BVMT (Trung ương và địa phương) áp dụng theo Quy chuẩn nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT (cho các cơ sở sản xuất công nghiệp...) và các bất cập đã diễn ra trong thực tế đời sống, đang đòi hỏi cách tiếp cận có cơ sở khoa học và thực tiễn để áp dụng.

Vì QCVN 40:2011/BTNMT được xây dựng và ban hành để áp dụng cho nước thải của các nhà máy sản xuất công nghiệp nên có 33 thông số ô nhiễm cần kiểm soát (Nhiệt độ; màu; pH; BOD₅ (20°C); COD; chất rắn lơ lửng; asen; thủy ngân; chì; cadimi; crom (VI); crom (III); đồng; kẽm; niken; mangan; sắt; tổng xianua; tổng phenol; tổng dầu mỡ khoáng; sunfua; amoni (tính theo N); tổng nitơ; tổng phốt pho (tính theo P); clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ); clo dư; tổng hóa chất bảo vệ thực vật CII hữu cơ; tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ; tổng PCB; coliform; tổng hoạt độ phóng xạ α; tổng hoạt độ phóng xạ β)... gồm quá nhiều thông số và quá phức tạp khi lựa chọn áp dụng đối với nước thải NTTS của các cấp quản lý môi trường địa phương (tỉnh/TP) trong phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư. Đặc biệt tạo ra sự khác biệt rất lớn khi lựa chọn các thông số quan trắc trong công tác quản lý môi trường của các địa phương, giữa các tỉnh/TP trong cùng lưu vực sông (thậm chí trên cùng đoạn sông (tả ngạn, hữu ngạn) ranh giới các tỉnh. Trong khi đó nuôi trồng thủy sản ở nước ta, đặc biệt ở ĐBSCL đang ngày càng trở thành là ngành kinh tế mũi nhọn, nhưng lại có các tác động môi trường rất đặc thù (sông rạch chằng chịt, dễ lan truyền ô nhiễm và dịch bệnh trong lưu vực sông, quy mô lớn, canh tác thâm canh cao...) đang rất cần được thống nhất quản lý về mặt môi trường để BVMT và hệ thống canh tác một cách bền vững...

Sự khác biệt rất lớn và khó khăn đối với các địa phương là việc quyết định lựa chọn các nhóm thông số kim loại nặng (Asen; thủy ngân; chì; cadimi; crom (VI); crom (III); đồng; kẽm; niken; mangan; sắt), nhóm thông số hóa chất (Tổng xianua; tổng phenol; tổng dầu mỡ khoáng; màu; tổng hóa chất bảo vệ thực vật CII hữu cơ; tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ; tổng PCB...) và nhóm thông số phóng xạ (Tổng hoạt độ phóng xạ α; tổng hoạt độ phóng xạ β)... từ QCVN 40:2011/BTNMT để áp dụng cho nước thải NTTS, gây khó khăn trong tổ chức thực hiện và có thể gây tổn kém chi phí phân tích mẫu, nhưng lại không phục vụ thiết thực cho hoạt động sản xuất canh tác NTTS của chủ doanh nghiệp và xã hội...

Điều đáng quan tâm hiện nay là các cơ quan quản lý môi trường địa phương chưa quản lý giám sát chặt chẽ được nguồn nước NTTS trong hệ canh tác (chất lượng nước của hệ thống canh tác NTTS) và nước thải (quản lý theo QCVN 40:2011/BTNMT) ra nguồn tiếp nhận. Đồng thời, chưa có hướng dẫn kỹ thuật chi tiết cho các doanh nghiệp thực hiện và ý thức tự giác thực hiện chưa cao... Ngoài ra, việc thống kê phân loại các loại nước thải NTTS (nuôi thủy sản bán thâm canh, thâm canh và công nghiệp...), nước nuôi thủy sản của hệ thống canh tác, chưa được tiến hành quản lý chất lượng và lưu lượng nguồn thải vào nguồn tiếp nhận chưa chặt chẽ, dẫn đến việc thu phí nước thải chưa đáp ứng theo quy định của nhà nước, gây thất thu cho ngân sách trong nhiều năm... Việc ban hành thu các loại phí, trong đó có phí nước thải NTTS phải được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh/thành phố ở địa phương thông qua, do đó cần cung cấp đầy đủ các cơ sở khoa học và thực tiễn về nước thải NTTS, để ban hành thu phí nước thải từ NTTS đảm bảo tính khả thi và hiệu quả xã hội...

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN QUY CHUẨN QUỐC GIA VỀ NƯỚC THẢI NTTS

Trong những năm gần đây lĩnh vực NTTS đã có bước phát triển nhanh chóng, trở thành ngành kinh tế động lực quan trọng phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương, thu hút vốn đầu tư tập trung, trọng điểm trong và ngoài nước cho phát triển NTTS, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở từng địa

phương, nâng cao trình độ công nghệ và hiệu quả của sản xuất, nâng cao đời sống cho người lao động, mở rộng thị trường cho tiêu dùng và xuất khẩu trong quá trình hội nhập quốc tế... Tuy nhiên hệ thống canh tác, NTTS (nuôi bán thâm canh, thâm canh và công nghiệp...), đang đòi hỏi phải hoàn thiện công cụ quản lý môi trường hữu hiệu có cơ sở khoa học và thực tiễn, để phát triển bền vững ngành NTTS trong tương lai.

Việc sử dụng QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, làm quy chuẩn xả thải của ngành NTTS thời gian qua gây khó khăn trong quản lý chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, gây lãng phí, khó khăn cho doanh nghiệp và xã hội, không thu được phí nước thải... Do đó, các Bộ TN&MT, NN&PTNT, KH&CN, Tài chính... cần có sự phối hợp chặt chẽ để nghiên cứu chuyên ngành về nước thải, bùn thải và giải pháp xử lý, thu phí thích hợp đối với ngành NTTS...

Cần ban hành kịp thời Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải NTTS (QCVN của Bộ TN&MT), để thay thế quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, đang áp dụng hiện nay (gây nhiều tranh cãi, khó khăn) cho ngành NTTS, đảm bảo tính khả thi khoa học và thực tiễn... Mặt khác, cần bổ sung nghiên cứu và ban hành hướng dẫn kỹ thuật về xử lý nước thải, bùn thải trong canh tác NTTS (đặc biệt đối với nuôi bán thâm canh, thâm canh và công nghiệp...) đáp ứng yêu cầu BVMT theo quy định của Luật BVMT■



Bạc Liêu: Tập trung nguồn lực phát triển năng lượng sạch, hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh

DƯƠNG VĂN MÃO

Bộ Công Thương

Bạc Liêu là 1 trong 5 tỉnh của khu vực đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) tham gia thực hiện Hợp phần 1 của Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) và tăng trưởng xanh (TTX) giai đoạn 2016 - 2020. Thời gian qua, Bạc Liêu đã tập trung các nguồn lực phát triển năng lượng sạch (NLS), BVMT, chủ động ứng phó với BĐKH, nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu TTX.

PHÁT TRIỂN CÁC DỰ ÁN NLS

Bạc Liêu có chiều dài bờ biển 56 km, với 16.000 ha bãi bồi ven biển, đây là điều kiện thuận lợi để phát triển NLS. Vùng ven biển Bạc Liêu có lượng gió mạnh và khá ổn định, nắng, gió quanh năm, cường độ bức xạ mặt trời bình quân hơn 5,0 kWh/m²/ngày. Do có nhiều tiềm năng để đầu tư các dự án điện gió, điện mặt trời, Bạc Liêu đã được Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển điện gió với công suất lắp đặt đến năm 2020 là 401 MW và đến năm 2030 là hơn 1.500 MW.

Hiện nay, tại Bạc Liêu, có 30 dự án điện gió, với tổng mức đầu tư 110.000 tỷ đồng, trong đó riêng lĩnh vực năng lượng tái tạo đã chiếm đến 81.000 tỷ đồng. Nhà máy điện gió Bạc Liêu là nhà máy lớn nhất cả nước, được khánh thành tháng 1/2016, với tổng công suất 99,2 MW, điện năng sản xuất đạt 320 triệu kWh/ năm. Nhà máy đã đi vào vận hành và hòa vào hệ thống lưới điện quốc gia. Đến nay, tỉnh đã ký quyết định phê duyệt 3 dự án đầu tư, gồm: Dự án Nhà máy điện gió Bạc Liêu giai đoạn 3 (công suất 142 MW); Nhà máy điện gió Hòa Bình 1 (công suất giai đoạn 1 là 60 MW, dự kiến mở rộng thêm 240 MW ở giai đoạn 2); Nhà máy điện gió Đông Hải 1 (công suất giai đoạn 1 là 50 MW, dự kiến mở rộng thêm 250 MW ở giai đoạn 2). Cả 3 dự án triển khai thi công trong năm 2018, dự kiến hoàn thành trong năm 2020.

Ngoài ra, còn 5 dự án điện gió đang thực

hiện nghiên cứu, khảo sát đo gió: Hòa Bình 2, Hòa Bình 3, Đông Hải 2, Đông Hải 3 và Nhà máy điện gió trên bờ tại Vĩnh Lợi, với tổng công suất là 2.000 MW.

Ngoài điện gió, Bạc Liêu còn có tiềm năng về năng lượng mặt trời (NLMT). Xuất phát từ việc một số doanh nghiệp lắp đặt hiệu quả các tấm pin thu NLMT trên mái che nuôi tôm siêu thâm canh trong nhà kín, nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đã chủ động đề nghị với tỉnh hợp tác đầu tư dự án điện NLMT như: Tập đoàn GROUP SY (Hàn Quốc), với Dự án điện mặt trời tại huyện Đông Hải, có quy mô 400 ha, tổng vốn hơn 10.240 tỷ đồng (tương đương 450 triệu USD). Thời gian thực hiện Dự án từ năm 2017 - 2019, được chia làm hai giai đoạn, giai đoạn 1 có quy mô 50MW và giai đoạn 2 sau khi hoàn thành sẽ nâng tổng công suất nhà máy lên 300MW; Tập đoàn Kimin (Anh) cũng đã xin phép UBND tỉnh Bạc Liêu đầu tư dự án điện NLMT có công suất 150 MW (Giai đoạn 1: công suất 40 MW, giai đoạn 2: 110 MW)...

Để thực hiện mục tiêu phát triển năng lượng đi đôi với BVMT, Bạc Liêu đã kiên quyết không cấp phép cho những dự án nhiệt điện, gây phát thải cao. Cụ thể, tháng 9/2016, tỉnh đã đề xuất xin rút Dự án Nhà máy nhiệt điện Cái Cù, với tổng quy mô công suất lên đến 3.600 MW, tại hai huyện Đông Hải và

Hòa Bình ra khỏi Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn đến 2020, tầm nhìn 2030 (Quy hoạch điện VII) nhằm hướng đến tìm kiếm nguồn năng lượng sạch thay thế. Theo Quy hoạch thì đến năm 2029, Bạc Liêu sẽ đưa vào vận hành tổ máy đầu tiên có công suất 600 MW và đến năm 2030 sẽ đưa vào vận hành tổ máy tiếp theo, công suất 600MW.

ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU TTX

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025, xác định mục tiêu thực hiện TTX gắn liền với tái cấu trúc nền kinh tế, tỉnh Bạc Liêu đã đẩy mạnh phát triển kinh tế từ tăng trưởng theo chiều rộng sang chiều sâu, dựa trên cơ sở khoa học - công nghệ hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng cao.

Theo đó, đến năm 2020, tỉnh sẽ giảm phát thải khí nhà kính từ 8 - 10%; năm 2025, mức giảm từ 33 - 79%, với sự hỗ trợ của quốc tế và đẩy mạnh việc triển khai các dự án NLS.

Đối với mục tiêu xanh hóa sản xuất đến năm 2020, Bạc Liêu phấn đấu 80% cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường, trong đó 100% các cơ sở sản xuất có công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; 100% các khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất đi vào hoạt động phải có hệ thống xử lý nước



▲ Cánh đồng điện gió ở Bạc Liêu

thải tập trung; đầu tư phát triển các ngành hỗ trợ BVMT và làm giàu vốn tự nhiên đạt 1,5% GDP.

Cùng với đó, thực hiện mục tiêu về tiêu dùng bền vững, Bạc Liêu phấn đấu đến năm 2020, toàn tỉnh có 25 xã đạt tiêu chí nông thôn mới (chiếm 51,02% tổng số xã trong tỉnh); 100% làng nghề có hệ thống xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn; 100% chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; 70% dân cư được cung cấp nước sạch...

Để thực hiện các mục tiêu TTX, Bạc Liêu đã xác định phát triển NLS là 1 trong 3 trụ cột phát triển kinh tế của tỉnh, góp phần giải quyết sinh kế cho người dân, nhằm hướng đến phát triển bền vững. Với mục tiêu đó, tỉnh đề ra các giải pháp:

Nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng trong hoạt động sản xuất, vận tải, thương mại bằng cách khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đổi mới công nghệ, áp dụng quy trình quản lý, vận hành tiên tiến; tiến hành lộ trình loại bỏ các công nghệ cũ, lạc hậu tiêu tốn nhiên liệu; khuyến khích khai thác, sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, ít phát thải, tăng cường sử dụng nhiên liệu khí nén tự nhiên, khí hóa lỏng, trong đó, tăng tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo trong sản xuất và tiêu thụ năng lượng.

Giảm phát thải khí nhà kính thông qua phát triển nông nghiệp hữu cơ, nâng cao tính

cạnh tranh của sản xuất nông nghiệp; rà soát, điều chỉnh quy hoạch các ngành sản xuất, hạn chế những ngành phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm môi trường; tạo điều kiện phát triển các ngành sản xuất xanh; đẩy mạnh phát triển, áp dụng rộng rãi công nghệ cao và thực hành khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên; thúc đẩy các ngành kinh tế xanh phát triển để tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập; phát triển kết cấu hạ tầng bền vững, gồm hạ tầng giao thông, năng lượng, thủy lợi và các công trình xử lý nước thải.

Đổi mới công nghệ, áp dụng phổ biến sản xuất sạch hơn, cụ thể, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách thúc đẩy sản xuất sạch hơn, phấn đấu đến năm 2020 có 50% cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh áp dụng sản xuất sạch hơn; tập trung đầu tư nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ xanh; khuyến khích doanh nghiệp trong và ngoài

nước đầu tư vào lĩnh vực phát triển kinh tế xanh, sử dụng và nội địa hóa công nghệ xanh....

Phát triển đô thị bền vững, xây dựng nông thôn mới với lối sống hòa hợp với môi trường; thúc đẩy tiêu dùng bền vững và lối sống xanh; huy động nguồn lực thực hiện TTX; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong thực hiện Chiến lược TTX; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khu vực tư nhân và nhà nước trong thực hiện chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực...

Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của nhân dân về TTX, những hành động thiết thực đóng góp vào thực hiện TTX; khuyến khích và hỗ trợ kỹ thuật để người dân, cộng đồng phát triển mô hình nông thôn xanh, nhà ở xanh; phân loại rác thải tại nguồn theo phương pháp giảm thiểu - tái chế - tái sử dụng, cải thiện hiệu suất sử dụng năng lượng■



Hiện trạng các nguồn thải vào đầm, vịnh tỉnh Phú Yên và giải pháp bảo vệ môi trường

ThS. HUỖNH HUY VIỆT

Chi cục BVMT Phú Yên

Trên địa bàn tỉnh Phú Yên hiện có 4 đầm, vịnh tập trung tại khu vực vùng bờ, cụ thể: thị xã Sông Cầu (vịnh Xuân Đài, đầm Cù Mông), huyện Tuy An (đầm Ô Loan, một phần vịnh Xuân Đài) và huyện Đông Hòa (vịnh Vũng Rô)... đây là một trong những điều kiện thuận lợi để Phú Yên phát triển kinh tế biển. Tuy nhiên, đầm, vịnh còn là nơi tiếp nhận phần lớn các chất thải từ vùng núi đến đồng bằng do các sông lớn cuốn theo nên môi trường đang chịu nhiều tác động. Để kiểm soát môi trường đầm, vịnh, trong thời gian qua, Sở TN&MT Phú Yên đã tiến hành đánh giá tổng thể các nguồn thải vào đầm, vịnh và triển khai nhiều giải pháp BVMT.

ĐÁNH GIÁ NGUỒN THẢI CỦA CÁC ĐẦM, VỊNH TỈNH PHÚ YÊN

Nguồn thải phát sinh vào các đầm, vịnh tại tỉnh Phú Yên gồm 2 nguồn: Các hoạt động kinh tế (nuôi trồng và khai thác thủy sản, dịch vụ - du lịch, cảng biển) trong đầm, vịnh; Khu vực đất liền vùng ven. Bên trong các đầm, vịnh hoạt động nuôi trồng thủy sản là nguồn phát sinh chất thải chủ yếu, tiếp đến là các hoạt động tàu thuyền, du lịch, dịch vụ. Trên đất liền, ven các đầm, vịnh hoạt động dân sinh, cơ sở ăn uống là nguồn phát sinh chất thải (rác thải, nước thải), sau đó đến các hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (cơ sở sản xuất, làng nghề)... Ngoài ra, còn có chất thải do rửa trôi đất theo sông, kênh, suối đổ vào các đầm, vịnh (đặc biệt khu vực ven biển thường có địa hình dốc từ tây sang đông sẽ làm gia tăng lượng chất thải vào đầm, vịnh).

Hoạt động nuôi tôm hùm lồng bè trên các đầm, vịnh của tỉnh Phú Yên có tỷ lệ trung bình thức ăn dư thừa thải vào môi trường khoảng 25% (nếu thức ăn là ốc thì tỷ lệ thức ăn dư thừa khoảng 35 - 40 %, nếu là cá tạp thì tỷ lệ thức ăn dư thừa khoảng 15 - 20%); Quá trình

nuôi lấy nước từ đầm và thải trực tiếp ra ngoài môi trường đầm, không qua xử lý, hiện nay chưa xác định được tỷ lệ thức ăn dư thừa thải vào môi trường. Hoạt động dân sinh của các xã quanh đầm, vịnh đang phát sinh một lượng nước thải và rác thải sinh hoạt. Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt tại khu vực chỉ đạt 60 - 70%, riêng rác thải sinh hoạt thôn Vũng Rô - xã Hòa Xuân Nam (tại vịnh Vũng Rô) chưa được thu gom; nước thải sinh hoạt của hộ dân được thải ra môi trường đầm, vịnh hoặc ngấm xuống đất thông qua bể tự hoại (đối với nước thải từ nhà vệ sinh).

Tùy vào quy mô phát triển KT - XH tại các đầm, vịnh mà mức độ các nguồn thải có khác nhau. Đối với vịnh Xuân Đài, bên cạnh hoạt động nuôi trồng thủy sản, hoạt động du lịch - dịch vụ rất phát triển, tuy nhiên, đây cũng là một nguồn tác động lớn gây ô nhiễm. Đối với vịnh Vũng Rô, hoạt động

cảng biển, cảng xăng dầu đang và sẽ phát triển mạnh trong tương lai nên các chất thải từ hoạt động tàu thuyền tại cảng, sự cố tràn dầu là nguồn gây ô nhiễm môi trường lớn tại vịnh cần đặc biệt quan tâm.

Qua theo dõi diễn biến môi trường đầm, vịnh tại các điểm quan trắc cho thấy, chất lượng tầng nước mặt, tầng đáy trong các đầm, vịnh có dấu hiệu ô nhiễm cục bộ, trong đó đáng lưu ý nhất là vịnh Xuân Đài và một số điểm ở đầm Cù Mông, đầm Ô Loan. Về lâu dài, việc tiếp tục nhận lượng chất thải từ dân sinh, sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là chất thải từ hoạt động nuôi trồng thủy sản, trong khi cơ chế trao đổi nước kém và không có các giải pháp xử lý môi trường kèm theo sẽ tiếp tục làm tích tụ một lượng chất thải lớn, tăng nguy cơ xảy ra các tai biến, sự cố môi trường (gây chết các loài thủy sinh trong tự nhiên cũng như các đối tượng nuôi trong khu vực).



▲ Rác thải tại vịnh Xuân Đài



▲ Khảo sát thực địa tại vịnh Xuân Đài

TĂNG CƯỜNG CÁC GIẢI PHÁP BVMT ĐẦM, VỊNH

Trước thực trạng trên, đặc biệt là sau sự cố tôm hùm chết tại vịnh Xuân Đài vào cuối tháng 5/2017, Sở TN&MT triển khai nhiều giải pháp quản lý môi trường tại đầm, vịnh cụ thể:

Thứ nhất, tăng cường công tác quản lý, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về BVMT vùng ven biển: Sở TN&MT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về tăng cường công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường vùng ven biển, đặc biệt là tại các vùng nuôi thủy sản tập trung. Tổ chức nhiều đợt công tác làm việc trực tiếp với địa phương có các đầm, vịnh để bàn bạc các giải pháp nhằm quản lý môi trường vùng đầm, vịnh.

Thứ hai, chủ động phối hợp với địa phương tăng cường năng lực quản lý chất thải rắn: Để tăng cường cho hoạt động thu gom chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, nuôi trồng thủy sản tại khu vực đầm, vịnh, Sở TN&MT đang phối hợp với UBND thị xã Sông Cầu xây dựng mô hình điểm về thu gom lượng chất thải rắn phát sinh hoạt động sinh hoạt, nuôi trồng thủy sản tại vịnh Xuân Đài phù hợp với tình hình thực tế, làm cơ sở nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

Thứ ba, tăng cường công tác quan trắc môi trường đầm, vịnh: Nhằm tăng tần suất và mật

độ lấy mẫu nước, tăng cường trao đổi thông tin và kết quả quan trắc chất lượng môi trường đầm, vịnh phục vụ cho công tác cảnh báo kịp thời cho người nuôi trồng thủy sản, Sở TN&MT đã phối hợp với Sở NN&PTNT xây dựng kế hoạch phối hợp quan trắc, cảnh báo môi trường ở các vùng nuôi tại đầm Cù Mông và vịnh Xuân Đài. Ngoài ra, tại các điểm nhạy cảm khác của đầm Ô Loan, vịnh Vũng Rô, Sở TN&MT chủ động chú trọng tăng cường mật độ quan trắc môi trường định kỳ nhằm xây dựng chuỗi số liệu phục vụ công tác đánh giá diễn biến chất lượng môi trường và cảnh báo kịp thời các nguy cơ ô nhiễm.

Thứ tư, xây dựng Đề án “Thu phí BVMT đối với nước thải nuôi trồng thủy sản tại các đầm, vịnh ven biển trên địa bàn tỉnh Phú Yên”: Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong việc BVMT,

đồng thời góp phần tạo nguồn thu ngân sách nhà nước phục vụ cho việc xử lý ô nhiễm môi trường, hiện nay Sở TN&MT đang chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương tham mưu UBND tỉnh xây dựng Đề án “Thu phí BVMT đối với nước thải nuôi trồng thủy sản tại các đầm, vịnh ven biển trên địa bàn tỉnh Phú Yên”.

Thứ năm, xây dựng “Quy định tạm thời việc giao, cho thuê khu vực biển để sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản bằng lồng, bè trên địa bàn tỉnh Phú Yên”: Từng bước quản lý việc giao, cho thuê mặt nước biển phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh trong khi chờ các quy định của Trung ương, Sở TN&MT đang chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương tham mưu UBND tỉnh xây dựng “Quy định tạm thời việc giao, cho thuê khu vực biển để sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản bằng lồng, bè trên địa bàn tỉnh Phú Yên”.

Thứ sáu, phối hợp với các cơ quan nghiên cứu khoa học và tổ chức JICA - Nhật Bản để đưa ra các giải pháp xử lý ô nhiễm môi trường vịnh Xuân Đài: Được sự cho phép của UBND tỉnh, thời gian qua, Sở TN&MT đã chủ động phối hợp với các chuyên gia của Đại học Khoa học tự nhiên Hà Nội, Công ty tư vấn môi trường Nhật Bản Nippon Koei, tổ chức JICA tiến hành khảo sát, điều tra các vấn đề ô nhiễm môi trường tại vịnh Xuân Đài. Đồng thời, Sở TN&MT đang làm việc với tổ chức JICA - Nhật Bản để kêu gọi sự hỗ trợ, giúp đỡ nhằm đưa ra kế hoạch xử lý ô nhiễm môi trường tại vịnh Xuân Đài■



Thanh Hóa nỗ lực triển khai tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới

Với sự chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền và đồng thuận của nhân dân, đến nay Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (NTM) ở Thanh Hóa đã đạt được những kết quả quan trọng. Góp phần vào thành công trên, ngành TN&MT tỉnh Thanh Hóa đã nỗ lực triển khai tiêu chí môi trường (tiêu chí 17) trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh. Để hiểu rõ về những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện tiêu chí 17 tại Thanh Hóa, Tạp chí Môi trường có cuộc phỏng vấn Phó Giám đốc Sở TN&MT tỉnh Thanh Hóa Lưu Trọng Quang.



▲ Các cấp hội phụ nữ trong tỉnh Thanh Hóa tích cực tham gia vệ sinh môi trường góp phần thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

★Thời gian qua, ngành TN&MT tỉnh Thanh Hóa đã triển khai việc thực hiện tiêu chí 17 trong Bộ tiêu chí NTM như thế nào, thưa ông?

Ông Lưu Trọng Quang: Sau 7 năm thực hiện Chương trình xây dựng NTM (2011 - 2018), Thanh Hóa đã có 244/571 xã (chiếm 42,37 % tổng số xã) đạt 19/19 tiêu chí và được công nhận xã đạt chuẩn NTM.

Việc thực hiện tiêu chí thứ 17 trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn. Để đạt và duy trì được các yêu cầu của tiêu chí cần sự thay đổi mạnh mẽ về công tác quản lý, ý thức của người dân.

Nhằm triển khai thực hiện tốt tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM, ngành TN&MT Thanh Hóa được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh giao nhiệm vụ tham mưu triển khai thực hiện và cử 1 đồng chí Phó Giám đốc Sở tham gia thành viên Ban Chỉ đạo (BCĐ) Chương trình xây dựng NTM và Hội đồng xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM của tỉnh.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, năm 2017, Sở đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1988/2017/QĐ-UBND quy định về vệ sinh môi trường (VSMT) nông thôn tỉnh Thanh Hóa. Trong đó, các biện pháp và điều kiện đảm bảo VSMT nông thôn; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong công tác VSMT đã được quy định rõ. Đây là cơ sở giúp các địa phương thực

hiện tốt công tác BVMT, góp phần hoàn thành tiêu chí môi trường (TCMT) trong xây dựng NTM.

Hàng năm, Sở kết hợp với phòng TN&MT các huyện, thị xã/TP kiểm tra và hướng dẫn thực hiện TCMT tại cấp cơ sở. Cùng với công tác kiểm tra, thẩm định, năm 2016 đến nay, Sở đã tổ chức 42 lớp tập huấn về công tác BVMT và hướng dẫn thực hiện TCMT trong xây dựng NTM cho hơn 6.000 cán bộ cấp huyện, xã, thôn, hội viên các tổ chức chính trị - xã hội, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Thông qua Chương trình phối hợp hành động BVMT giữa Sở TN&MT với 15 ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh các nội dung về BVMT trong xây dựng NTM đã được triển khai sâu rộng tới quần chúng nhân dân.

Bên cạnh đó, Sở đã tham mưu cho UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí cho công tác BVMT đối với các xã phần đầu đạt

chuẩn NTM, trung bình mỗi xã được hỗ trợ 60 triệu đồng. Theo BCĐ xây dựng NTM của tỉnh, phong trào thi đua "Thanh Hóa cùng cả nước chung sức xây dựng NTM" đã được triển khai sâu rộng, huy động sự vào cuộc của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn vào việc tham gia xây dựng NTM.

★Để duy trì TCMT tại các xã NTM của tỉnh, Sở TN&MT có những giải pháp gì, thưa ông?

Ông Lưu Trọng Quang: Ở các địa phương, TCMT luôn là tiêu chí hoàn thành cuối cùng. Nguyên nhân là do nguồn lực hạn chế, các địa phương thường ưu tiên triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng, thay đổi mô hình sản xuất... nên chưa ưu tiên thực hiện TCMT. Bên cạnh đó, ý thức của người dân về VSMT còn hạn chế, nhiều nơi chưa có công trình thoát nước mưa, nước thải; chưa có khu xử lý rác thải tập trung; các trang trại chăn nuôi gia súc, gia



cầm chưa có công trình xử lý chất thải; các làng nghề chưa có hệ thống tiêu, thoát và xử lý nước thải... Tuy nhiên để đạt chuẩn NTM các địa phương đã nỗ lực, quyết tâm hoàn thành TCMT.

Bên cạnh đó, TCMT là tiêu chí “mềm” dễ biến động, phụ thuộc rất lớn vào ý thức của người dân. Thực tế cho thấy, nhiều xã đã đạt chuẩn NTM nhưng việc duy trì, nâng cao chất lượng TCMT vẫn còn rất hạn chế. Để tăng cường công tác tham mưu trong lĩnh vực này, trong thời gian tới, Sở TN&MT xác định một số nhiệm vụ cụ thể sau: Tiếp tục phối hợp với UBND các huyện, thị xã/TP, ban ngành phối hợp hành động tuyên truyền, triển khai Quyết định số 1988/2017/QĐ-UBND quy định về VSMT nông thôn một cách sâu rộng hơn.

Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra và hướng dẫn các xã đang phấn đấu đạt chuẩn NTM, tiến hành công tác hậu kiểm đối với các xã đã về đích, đảm bảo TCMT được duy trì và nâng cao.

Đồng thời, tổ chức các lớp tập huấn về thực hiện TCMT cho các thành viên BCĐ xây dựng NTM cấp huyện, xã để triển khai xuống thôn, xóm và người dân; Chủ động phối hợp với UBND các huyện, thị xã/TP để nắm bắt tình hình thực hiện, duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn NTM của các xã.

★Thưa ông, để tăng cường công tác BVMT trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, Sở TN&MT đã triển khai những hoạt động gì?

Ông Lưu Trọng Quang: Để tăng cường quản lý môi trường trong sản xuất nông nghiệp, xác định phương châm BVMT phải lấy phòng ngừa và hạn chế những tác động đối với môi trường là chủ yếu. Vì vậy, đối với các dự án đầu tư, bao gồm các dự án trong lĩnh vực nông nghiệp đều phải hoàn thiện đầy đủ hồ sơ môi trường, phải được xem xét tất cả các yếu tố tác động đến môi trường. Để tạo điều kiện cho các dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, Sở TN&MT đã cắt giảm thời gian thẩm định hồ sơ môi trường đối với các dự án này để sớm triển khai thực hiện.

Đồng thời, hàng năm, Sở TN&MT chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, xã tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về BVMT tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Thông qua các đợt thanh tra, kiểm tra, đã kết hợp tuyên truyền pháp luật về BVMT, hướng dẫn thực hiện các thủ tục môi



▲ Xã Nga Thành, huyện Nga Sơn có nhiều thay đổi từ khi thực hiện tốt TCMT trong xây dựng NTM

trường, đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại, đầu tư công trình xử lý chất thải và kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT.

★ Thời gian tới, tỉnh có kế hoạch gì nhằm triển khai hiệu quả công tác BVMT khu vực nông thôn, thưa ông?

Ông Lưu Trọng Quang: Trước hết, tỉnh cần ưu tiên bố trí nguồn vốn để triển khai các nhiệm vụ: Tổ chức tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về BVMT trong xây dựng NTM cho đội ngũ cán bộ, công chức phụ trách công tác môi trường cấp huyện, xã.

Xây dựng, triển khai và nhân rộng các mô hình BVMT phù hợp với địa phương: Phân loại rác tại nguồn; xử lý rác thải nông thôn; xây dựng lò đốt rác thải sinh hoạt hộ gia đình; khu dân cư tự quản BVMT...

Hướng dẫn các xã thực hiện TCMT và tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện tiêu chí này tại các xã/huyện đã được công nhận và đang trong quá trình công nhận đạt chuẩn NTM.

Đồng thời, bồi dưỡng, đào tạo nguồn theo quy hoạch, đảm bảo về cơ cấu

số lượng, chất lượng, trình độ chuyên môn để phát huy năng lực công tác trong lĩnh vực BVMT.

Tăng mức hỗ trợ kinh phí trung bình 200 triệu/xã để thực hiện các hoạt động BVMT (mua sắm phương tiện thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt, xây dựng khu tập kết rác, bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật... cho các xã đăng ký về đích NTM đến năm 2020.

Hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống thoát nước, xử lý nước thải các làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (khoảng 30 làng nghề) với mức 10 tỷ đồng/làng nghề. Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và công trình xử lý nước thải tập trung cho các cụm công nghiệp, trung bình 15 tỷ đồng/cụm.

Mặt khác, hỗ trợ công tác quy hoạch và di dời các làng nghề, cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư; Thực hiện các dự án xử lý bãi rác gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật.

★Trân trọng cảm ơn ông!

PHẠM ĐÌNH (Thực hiện)



● Hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

Ngày 16/5/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 77/2018/NĐ-CP quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. Theo đó, đối tượng áp dụng của Nghị định là những tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) có liên quan trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Nghị định nêu rõ: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha; Hỗ trợ tối đa 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha.

Điều kiện hỗ trợ đối với cá nhân: Quy mô khu tưới phải đạt từ 0,3 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 0,1 ha trở lên và phải thông qua tổ chức thủy lợi cơ sở. Đối với tổ chức thủy lợi cơ sở: Quy mô khu tưới phải đạt từ 02 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 01 ha trở lên và phải có hợp đồng liên kết với hộ gia đình hoặc cá nhân trực tiếp sản xuất. Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước phục vụ các loại cây trồng là cây chủ lực của quốc gia, địa phương, có lợi thế, phù hợp với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu từng vùng miền.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2018.

● Thông tư về bảo vệ, phát triển và hỗ trợ trồng rừng

Ngày 14/5/2018, Bộ KH&ĐT ban hành Thông tư số 02/2018/TT-BKHĐT về hướng dẫn thực hiện một số nội dung quy định tại Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng (BV&PTR) và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp.

Thông tư quy định, quy mô một dự án BV&PTR, dự án trồng rừng tối thiểu là 500 ha; đối với rừng ngập mặn tối thiểu là 300 ha. Trường hợp tỉnh, TP trực thuộc Trung ương không có đủ diện tích trên, UBND cấp tỉnh được lập một dự án BV&PTR.

Trên địa bàn một huyện được lập tối đa một dự án BV&PTR sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ do địa phương quản lý, việc hỗ trợ ngân sách Trung ương theo quy định tại Khoản 4, Điều 17, Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg. Trường hợp trên địa bàn đã có ban quản lý rừng đặc dụng thì ban quản lý rừng đặc dụng làm chủ đầu tư.

Việc triển khai các dự án BV&PTR, trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung cần được khoán ổn định cho người dân từ khâu trồng, chăm sóc, bảo vệ theo chu kỳ lâm sinh và hưởng lợi theo quy định. Chủ đầu tư ký hợp đồng trồng rừng, bảo vệ và phát triển rừng với hộ dân, nhóm hộ tham gia trồng rừng bao gồm hướng dẫn thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình lâm sinh được duyệt. Người dân khi được giao khoán đất trồng rừng, phát triển rừng có thể tự trồng rừng trước và được hỗ trợ sau theo định mức quy định... Danh sách các hộ tham gia trồng rừng, phát triển rừng được niêm yết công khai tại UBND xã, nhà văn hóa thôn, bản về diện tích và số tiền được nhận.

● Điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh

Ngày 16/3/2018, HĐND TP. Hồ Chí Minh ban hành Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND điều chỉnh mức thu

phí BVMT đối với nước thải công nghiệp (NTCN) trên địa bàn TP. Theo đó, đối tượng thu phí BVMT đối với NTCN là các cơ sở sản xuất, chế biến được quy định tại Điều 2, Khoản 2 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 về phí BVMT đối với nước thải; Cơ sở xử lý chất thải rắn.

Về mức thu phí BVMT với cơ sở thuộc đối tượng thu phí có tổng lượng nước thải dưới 5 m³/ngày-đêm (áp dụng mức thu phí cố định $f = 1.500.000$ đồng/năm); đối tượng có tổng lượng nước thải từ 5 m³/ngày - đêm trở lên sẽ tính phí theo công thức: $F = (f \times K) + C$ (F là số phí phải nộp (đồng); $f = 1.500.000$ đồng; K là hệ số lưu lượng xả thải; C là số phí biến đổi phải nộp).

Đối với các cơ sở có đồng hồ đo lượng nước thải, lượng nước thải ra được xác định căn cứ vào số đo trên đồng hồ; các cơ sở không có đồng hồ đo lượng nước thải thì lượng nước thải được xác định dựa trên kết quả đo đạc thực tế của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường hoặc tính bằng 80% lượng nước sử dụng...

Phương pháp xác định hàm lượng chất gây ô nhiễm có trong nước thải gồm: Đối với các cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải (XLNT) thì hàm lượng chất gây ô nhiễm có trong nước thải được tính dựa theo kết quả đo đạc phân tích mẫu thực tế; các cơ sở chưa có hệ thống XLNT thì hàm lượng chất gây ô nhiễm có trong nước thải chưa qua xử lý được tính theo từng loại hình sản xuất đặc thù.



● Quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Ngày 25/6/2018, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 56/2018/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) do cơ quan Trung ương thực hiện thẩm định. Theo đó, Thông tư quy định, người nộp phí là các cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương thực hiện thẩm định báo cáo ĐTM. Người nộp phí thực hiện nộp phí thẩm định trong thời gian từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, thẩm định lại đến trước khi tổ chức họp Hội đồng thẩm định. Phí nộp trực tiếp cho tổ chức thu phí hoặc nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc nhà nước.

Thông tư cũng quy định cụ thể về mức thu, quản lý và sử dụng phí, cụ thể: Tổ chức thu phí nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước (NSNN). Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động thẩm định, thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước thuộc diện khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí thì được trích để lại 90% tổng số tiền phí thẩm định thực thu được để chi cho hoạt động thẩm định, thu phí và nộp 10% vào NSNN...

PHẾ LIỆU NHẬP KHẨU: Nguyên liệu hay rác thải?

TS.LÊ HOÀNG LAN

Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam

Thu hồi và tái chế rác thải sẽ mang lại những cơ hội thực sự để tạo thêm nhiều việc làm cũng như những lợi ích kinh tế to lớn. Sử dụng nguyên liệu phế liệu để tái chế với công nghệ cao sẽ giúp tiết kiệm chi phí và BVMT là điều mà quốc gia nào cũng đang hướng đến. Tuy nhiên việc quản lý và thu hồi rác thải không hiệu quả luôn tiềm ẩn rủi ro về sức khỏe và an toàn cho công nhân tái chế phế liệu, cũng như nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng sức khỏe toàn cộng đồng nếu không có biện pháp phòng ngừa thích hợp.

Để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Việt Nam đã đưa ra chủ trương cho phép các doanh nghiệp nhập khẩu phế liệu. Nhưng khi thực hiện đã có không ít tổ chức, cá nhân không tuân thủ các quy định về BVMT, nhất là lợi dụng nhập khẩu phế liệu (NKPL) để đưa rác thải vào Việt Nam. Từ đó đã có cảnh báo Việt Nam là một trong những nước NKPL nhiều nhất thế giới, đặc biệt sau khi Trung Quốc ngừng hầu hết các hoạt động NKPL đã qua sử

dụng. Một số lượng lớn hàng phế liệu nhập khẩu từ các nước phát triển đã tràn về khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Năm 2016, khối lượng sắt thép phế liệu nhập khẩu là 2,7 triệu tấn thì năm 2017 là 5,2 triệu tấn; giấy phế liệu từ 338 nghìn tấn lên 1,3 triệu tấn; nhựa phế liệu từ 18 nghìn tấn lên 90 nghìn tấn. Đầu năm 2018 tình trạng nhập khẩu phế liệu ở ạt đang tạo áp lực đến kho bãi các cảng do lượng lớn hàng tồn kho tại các cảng, chủ yếu là phế liệu nhựa và giấy.

Theo Hiệp hội Giấy và Bột giấy Việt Nam, trong nhiều năm qua ngành giấy Việt Nam nhập khẩu giấy phế liệu từ nước ngoài với tỉ lệ bình quân từ 30 - 45% tổng khối lượng giấy phế liệu dùng để sản xuất bột giấy. Mặt khác, nguồn giấy phế liệu ở trong nước chưa được thu hồi hết và phải tồn nhiều chi phí xử lý rác thải hàng năm. Thực tế trên cho thấy, thị trường giấy phế liệu nội địa còn rất nhiều tiềm năng nhưng lại chưa được khai thác hợp lý.

Giấy phế liệu chứa nhiều thành phần khác



không phải là xơ sợi, trong đó phải kể đến mực in, vật liệu tráng phủ làm bóng, keo dính (để ghép các trang vào với nhau). Đây là những hóa chất cần phải loại bỏ trước khi tái chế. Thêm nữa, nếu cần sản xuất giấy trắng thì bột sẽ phải được tẩy trắng với hydrogen peroxide, chlorine dioxide hay oxygen. Vì thế nước thải từ sản xuất giấy với nguyên liệu giấy phế liệu chứa nhiều hóa chất độc hại không kém sử dụng nguyên liệu sợi cellulose, thậm chí có thể còn độc hại hơn tùy thuộc nguồn giấy phế liệu.

Quá trình tái chế thực sự chỉ sử dụng được nhiều nhất là 80% lượng giấy phế liệu. Phần chất thải còn lại phải được chở tới các cơ sở xử lý chất thải để quản lý và xử lý tùy theo tính chất nguy hại của chất thải. Chia khóa giúp gia tăng tỷ lệ sử dụng giấy phế liệu cũng như kiểm soát chất thải nguy hại nằm ở chất lượng giấy thu hồi. Các nước trên thế giới đã có cảnh báo về sự ô nhiễm giấy phế liệu ngày càng gia tăng.

Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra các quy định nghiêm ngặt về phế liệu nhập khẩu sẽ được áp dụng từ ngày 1/3/2018, theo đó tỷ lệ tạp chất trong giấy phế liệu, nhựa phế liệu và sắt phế liệu không được vượt quá 0,5%.

Trong thực tế, giấy phế liệu nhập khẩu vào Trung Quốc trong những năm gần đây thường có tỉ lệ tạp chất 1% - 5%. Các công ty Trung Quốc thậm chí vẫn chấp nhận tỉ lệ tạp chất trong giấy phế liệu nhập khẩu 5%, và cao hơn 5%. Trong khi đó, Việt Nam quy định tổng lượng các loại tạp chất được phép còn lẫn trong phế liệu giấy nhập khẩu không vượt quá 2% khối lượng của khối hàng (QCVN 33:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường đối với phế liệu giấy nhập khẩu).

Vừa qua, Hải Phòng đã thông báo từ chối Tập đoàn Giấy Cửu Long (Trung Quốc) đầu tư Dự án Nhà máy giấy tại KCN Nam Đình Vũ vì nguy cơ ảnh hưởng xấu đến môi trường. Đây là Dự án sản xuất bột giấy và giấy từ nguyên liệu giấy phế liệu nhập khẩu với nguồn vốn

800 triệu đô la, công suất dự kiến 1 triệu tấn. Quyết định của Hải Phòng thể hiện sự đúng đắn và hợp lòng dân, cần được trở thành chủ trương chung của quốc gia về kiểm soát nghiêm ngặt và ngăn chặn kịp thời các dự án đầu tư không thân thiện môi trường.

Cùng với đó, Chính phủ cần ban hành những chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp thu gom và tái chế nguyên liệu giấy đã qua sử dụng nguồn gốc trong nước, đồng thời ngăn chặn nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài. Tăng cường thu gom và sử dụng nguồn phế liệu trong nước là phù hợp với định hướng phát triển bền vững, vừa giúp đất nước tiết kiệm chi phí nhập khẩu nguyên liệu và xử lý rác thải, vừa ngăn ngừa nguy cơ Việt Nam trở thành bãi rác của thế giới■



▲ Thu gom, phân loại và tái chế giấy đã qua sử dụng tại làng nghề



Hội nghị GEF lần thứ 6 - Những định hướng bảo vệ môi trường trên toàn cầu trong giai đoạn tới

TS. ĐỖ NAM THẮNG

Quỹ Môi trường toàn cầu

Sau một tuần diễn ra các phiên họp chính và chuỗi các sự kiện liên quan, kỳ họp Đại hội đồng Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF) lần thứ 6 đã kết thúc tốt đẹp vào ngày 29/7/2018 tại Đà Nẵng. Đây là sự kiện quốc tế có tầm vóc và quy mô lớn nhất về tài nguyên và môi trường từ trước đến nay do Việt Nam đăng cai. Tại các kỳ họp này, nhiều vấn đề môi trường toàn cầu quan trọng đã được thảo luận và xác định giải pháp thông qua chương trình nghị sự và kế hoạch ngân sách cho chu kỳ 7, chính sách thực hiện và một số chủ đề liên ngành trọng tâm.

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ VÀ KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH CHO CHU KỲ 7

Quá trình thương lượng về Chương trình nghị sự và kế hoạch ngân sách cho chu kỳ 7 diễn ra hơn 1 năm thông qua 4 vòng đàm phán. Đây là quá trình thương lượng phức tạp nhất kể từ khi GEF thành lập từ năm 1992 đến nay với một số lý do chính. Thứ nhất, các nước tài trợ cho GEF ngày một chặt chẽ hơn trong việc đưa ra yêu cầu sử dụng kinh phí hiệu quả. Ngoài việc chất lượng dự án, các nước tài trợ còn yêu cầu tăng tỷ lệ kinh phí đồng tài trợ từ nguồn lực khác, cũng như sự tham gia của khối tư nhân. Thứ hai, việc Hoa Kỳ là nước tài trợ lớn của GEF trong các chu kỳ trước cắt giảm ngân sách hỗ trợ các hoạt động BVMT nói chung và ngân sách tài trợ cho GEF nói riêng cũng ảnh hưởng đáng kể đến nguồn lực của GEF cũng như các cam kết tài trợ từ các nước khác. Thứ ba, số lượng cơ quan thực hiện của GEF từ 12 năm 2013 đã tăng lên 18 năm 2018. Các cơ quan này có những chính sách và định hướng khác nhau, dẫn đến những ý kiến không đồng nhất trong quá trình thương lượng cho chu kỳ 7. Ngoài ra, các nước nhận viện trợ cũng đã quyết liệt hơn, đòi hỏi tính chủ động và tự chủ quốc gia trong phần ngân sách phân bổ.

Sự khác biệt về quan điểm giữa các bên liên quan đã tạo áp lực lớn trong việc đạt được

thỏa thuận chung. Tuy nhiên, sau 3 ngày nhóm họp từ 24-26/6/2018, Hội đồng GEF đã thông qua Chương trình nghị sự và kế hoạch ngân sách cho chu kỳ 7 từ 1/7/2018 đến 30/6/2020. Nội dung này đã được Hội nghị Đại hội đồng GEF thông qua trong các phiên họp từ 27- 28/7/2018. Đây là kết quả quan trọng nhất của Hội nghị. Theo các kế hoạch được phê duyệt, trong 4 năm tới, ngân sách GEF toàn cầu là 4,1 tỷ USD, được phân bổ cho các dự án và hoạt động quản lý hành chính. Phần kinh phí được phân bổ cho các lĩnh vực trọng tâm, gồm: Đa dạng sinh học (ĐDSH) 1,292 tỷ USD; Biến đổi khí hậu (BĐKH) 802 triệu USD và 475 triệu USD cho suy thoái đất (Hinh). Trong đó, phần phân bổ trực tiếp cho các nước thông qua hệ thống phân bổ nguồn lực minh bạch (STAR) lần lượt: ĐDSH 1,031 tỷ USD; BĐKH 511 triệu USD và suy thoái đất 354 triệu USD. Phần còn lại sẽ dành cho các dự án khu vực và toàn cầu. Trong 3 lĩnh vực ưu tiên được phân bổ trực tiếp cho các nước, BĐKH bị cắt giảm nhiều nhất, khoảng 40% so với chu kỳ 6, do sự ra đời

của Quỹ Khí hậu xanh GCF, một cơ chế tài chính riêng biệt cho BĐKH.

Với Việt Nam, kinh phí cho chu kỳ 7 trong hệ thống STAR là 18,1 triệu USD, giảm gần 30% so với chu kỳ 6. Nguyên nhân là kinh phí cho các nước nhận viện trợ giảm, do tổng kinh phí toàn cầu giảm từ 4,43 trong chu kỳ 6 còn 4,1 tỷ USD cho chu kỳ 7. Ngoài ra, GDP là một trong những trọng số quan trọng để tính ngân sách phân bổ theo STAR, và GDP bình quân đầu người trong 4 năm qua của Việt Nam đã tăng từ 1,870 USD năm 2013 lên 2,343 năm 2017. Phần kinh phí cho Việt Nam thông qua STAR bao gồm: ĐDSH 13 triệu USD, BĐKH 3,62 triệu USD và suy thoái đất 1,39 triệu USD.

Trong phần ngân sách thông qua STAR, các nước sẽ có quyền chủ động điều chỉnh giữa các lĩnh vực ưu tiên. 61 nước có tổng kinh phí từ STAR dưới 7 triệu đô la có thể điều chỉnh mà không có hạn mức. Các nước kinh phí STAR trên 7 triệu có thể điều chỉnh giữa các lĩnh vực trọng tâm nhưng không được quá 2 triệu đô hoặc 13% tổng kinh



▲ Nguồn: GEF Secretariat 2018.



▲ Các đại biểu quốc tế tọa đàm tại phiên bế mạc Hội nghị GEF6

phí STAR, tùy thuộc con số nào cao hơn. Việt Nam nằm trong số các nước này, với mức trần có thể điều chỉnh giữa các lĩnh vực trọng tâm là 2,34 triệu USD.

Theo đó, mục tiêu chính của 3 lĩnh vực trọng tâm trong phân bổ STAR bao gồm: Tăng cường lồng ghép ĐDSH vào các lĩnh vực, cũng như sinh cảnh đất liền và trên biển; tập trung các hoạt động chính yếu bảo tồn loài và nơi cư trú của loài; tiếp tục đẩy mạnh xây dựng thể chế và chính sách ĐDSH; cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm tạo đột phá cho năng lượng bền vững; trình diễn các phương án giảm phát thải có hiệu quả hệ thống; tăng cường điều kiện hỗ trợ lồng ghép giảm phát thải vào các chiến lược phát triển bền vững; hỗ trợ các giải pháp cụ thể nhằm quản lý đất bền vững và tăng cường điều kiện hỗ trợ thực hiện giảm suy thoái đất.

Ngoài 3 lĩnh vực trọng tâm được phân bổ kinh phí qua STAR, GEF 7 tiếp tục hỗ trợ dự án thuộc lĩnh vực các vùng nước quốc tế, hóa chất, chất thải và quản lý rừng bền vững thông qua kinh phí ngoài STAR. Phân bổ kinh phí cho các dự án ngoài STAR sẽ duy trì theo nguyên tắc đề xuất dự án nào chất lượng tốt sẽ được xem xét trước. Mục tiêu chính của các lĩnh vực trọng tâm ngoài STAR bao gồm: Tăng cường các cơ hội phát triển kinh tế biển; quản lý các vùng biển ngoài quyền tài phán quốc gia; tăng cường an ninh nguồn nước tại các hệ sinh thái nước ngọt; các chương trình hóa chất công nghiệp, nông nghiệp; hỗ trợ các đảo quốc, các quốc gia kém phát triển và hoạt động hỗ trợ

thực hiện các công ước.

Bên cạnh đó, GEF 7 tiếp tục 3 Chương trình tổng hợp và đã triển khai từ GEF 6, bao gồm lương thực và sử dụng đất, thành phố bền vững, quản lý rừng bền vững. Kinh phí cho các chương trình này được phân bổ ngoài STAR, theo tiêu chí mức độ đóng góp vào giải quyết các vấn đề môi trường toàn cầu.

CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN GEF

Cũng trong kỳ họp Đại hội đồng, một số chính sách thực hiện dự án GEF cũng được thông qua, bao gồm: tỷ lệ đồng tài trợ giữa dự án GEF và các nguồn lực khác, tăng cường quan hệ đối tác trong thực hiện các dự án GEF và lồng ghép các nội dung về giới.

Về tỷ lệ đồng tài trợ, Đại hội đồng đã thông qua việc nâng tỷ lệ 5:1 trong chu kỳ 6 lên 7:1 trong chu kỳ 7, nghĩa là 1 USD viện trợ của GEF sẽ có 7 USD đồng tài trợ từ các nguồn khác, bao gồm: Chính phủ, các tổ chức quốc tế đối tác, khối tư

nhân, cộng đồng. Tuy nhiên, đây là mục tiêu cho tổng các dự án do GEF tài trợ, không bắt buộc riêng từng dự án. Ngoài ra, khái niệm về đồng tài trợ cũng được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm các các nguồn lực được huy động để cùng thực hiện các dự án GEF.

Về tăng cường quan hệ đối tác trong việc thực hiện các dự án GEF, Đại hội đồng đã thông qua đề xuất xóa bỏ yêu cầu giới hạn kinh phí dự án GEF chiếm 20% tổng kinh phí các dự án của 8 cơ quan thực hiện mới tham gia GEF. Qua đó giảm sự phân biệt giữa các cơ quan thực hiện GEF truyền thống (ngân hàng đa phương và tổ chức thuộc UN) với các cơ quan thực hiện mới của GEF (như IUCN và WWF). Nhờ chính sách mới này, các cơ quan mới của GEF sẽ có điều kiện tiếp cận và thực hiện nhiều dự án hơn.

Đại hội đồng cũng thông qua một số chính sách liên quan đến việc tăng cường các nội dung về giới trong các dự án GEF, tham vấn với các tổ chức phi chính phủ, sự tham gia của khối tư nhân. Tuy nhiên, các nội dung này mới có tính định hướng, cần tiếp tục các văn bản cụ thể hóa.

Có thể nói, Hội nghị Đại hội đồng GEF lần thứ 6 đã mở ra những định hướng quan trọng cho hoạt động BVMT trên toàn cầu trong giai đoạn 4 năm tới. Mặc dù không có nhiều thay đổi về các lĩnh vực trọng tâm ưu tiên song sẽ cần có những cải tiến trong cách thức xây dựng đề xuất dự án và vận động tài trợ để tăng cường tiếp cận và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ GEF, cơ chế tài chính cho môi trường lớn nhất toàn cầu■



Một số chủ đề liên ngành trọng tâm tại GEF6

Trong thời gian diễn ra kỳ họp Đại hội đồng, 12 Hội nghị bàn tròn đã được tổ chức với các chủ đề liên ngành trọng tâm, bao gồm:

*** Lương thực, sử dụng và phục hồi đất:** Các thảo luận xoay quanh những vấn đề như mối liên quan chặt chẽ giữa an ninh lương thực và sử dụng đất, bảo tồn ĐDSH, quan hệ đối tác nhằm quản lý, sử dụng đất bền vững, chống suy thoái đất. Các vấn đề chủ yếu tập trung vào khu vực Nam Mỹ và châu Phi.

*** TP bền vững:** Tập trung vào giải pháp đô thị hóa bền vững, giải quyết các vấn đề tổng hợp của đô thị liên quan đến quy hoạch đô thị, sử dụng đất, phát thải, xử lý chất thải, thích ứng BĐKH và cơ chế tài chính cho TP bền vững. Dự án Diễn đàn toàn cầu về TP bền vững do GEF tài trợ bắt đầu từ chu kỳ 6 và sẽ tiếp tục được nhân rộng tại chu kỳ 7.

*** Quan hệ đối tác thực hiện Chương trình nghị sự 2030:** Đây là chủ đề rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực như chính sách, luật pháp, cơ chế tài chính, quan hệ đối tác, công nghệ. Thảo luận đều thống nhất, các nguồn lực để thực hiện Chương trình nghị sự 2030 còn nhiều hạn chế và cần tiếp tục bổ sung.

*** Các mục tiêu khoa học vì Trái đất:** Nêu lên sự cần thiết của việc xây dựng các mục tiêu trên cơ sở khoa học liên quan đến sự bền vững của hành tinh. Đề xuất thành lập Ủy ban khoa học liên chính phủ nhằm xây dựng các mục tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực, như Ủy ban liên chính phủ về

BĐKH (IPCC) và mục tiêu giảm 2°C trong lĩnh vực BĐKH.

*** Nền kinh tế tuần hoàn:** Đây là lĩnh vực tiềm năng thu hút sự tham gia của khối tư nhân. Nền kinh tế tuần hoàn không những giúp giải quyết các vấn đề chất thải, đạt các Mục tiêu Phát triển bền vững và Thỏa thuận Pari, mà còn tạo lợi nhuận từ việc tái chế, tái sử dụng chất thải. Nhiều đại diện các tập đoàn công nghiệp đa quốc gia đã bày tỏ quan tâm trong việc hợp tác với GEF và các Chính phủ thúc đẩy vấn đề này.

*** Rác thải nhựa biển:** Là một trong những chủ đề được thảo luận sôi nổi nhất tại Hội nghị. Đại diện của Chính phủ Na Uy, Việt Nam, Ấn Độ, Tập đoàn Unilever, Ngân hàng Thế giới và UNEP đã trao đổi những vấn đề như huy động nguồn lực tài chính từ các bên liên quan, thiết kế chương trình nâng cao nhận thức và hành động cụ thể của nhà sản xuất, người tiêu dùng, thay đổi công nghệ, thiết kế, vật liệu sản phẩm. Đặc biệt, sáng kiến của Việt Nam trong việc tiên phong xây dựng chương trình khu vực vì một đại dương không rác thải nhựa, được đánh giá cao.

*** Chuyển đổi nền công nghiệp hóa chất:** Các ý kiến tham luận nêu lên sự cần thiết duy trì và đẩy mạnh các hoạt động giảm ô nhiễm hóa chất, từ sản xuất đến tiêu dùng, đồng thời cần có các mục tiêu và dự án riêng biệt cho lĩnh vực này.

*** Động vật hoang dã:** Thảo luận xoay quanh giải pháp chống nạn buôn bán động vật hoang dã, tác động xuyên quốc gia của các chính sách cấm buôn bán sản

phẩm động vật hoang dã cũng như gắn kết giữa sinh kế của người dân địa phương và công tác bảo tồn, đặc biệt quyền lợi của người dân trong việc phát triển du lịch sinh thái.

*** Giới và Môi trường:** Vai trò của phụ nữ trong giải quyết các vấn đề môi trường được tái khẳng định. Các kiến nghị cụ thể để tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong tất cả các giai đoạn dự án môi trường cũng được thảo luận và xem xét trong chính sách của GEF.

*** Cải tiến năng lượng sạch:** Để giải quyết thực trạng 1,2 tỷ người còn thiếu năng lượng và 2,8 tỷ người đang chịu ô nhiễm không khí trong nhà do sử dụng nhiên liệu than củi, cần nhiều giải pháp liên quan đến công nghệ và cơ chế tài chính bền vững, bao gồm trái phiếu xanh.

*** Tài chính cho bảo tồn:** Thách thức lớn nhất của bảo tồn là không đem lại lợi nhuận trực tiếp cho nhà đầu tư. Vì vậy, cần có cơ chế khuyến khích khối tư nhân tham gia, tạo thị trường để hỗ trợ cho khối chính phủ trong đầu tư cho bảo tồn, bao gồm cả các hệ sinh thái trên biển.

*** Các vùng đất khô bền vững:** Các kinh nghiệm quản lý đất khô tại châu Phi được chia sẻ, với vai trò của người dân bản địa được đề cao như yếu tố chính của thành công.

Trong các chủ đề nêu trên, TP bền vững, nền kinh tế tuần hoàn và rác thải nhựa biển là 3 chủ đề mới nổi bật, thu hút nhiều sự quan tâm. Trong chu kỳ 7, sẽ có một số dự án tập trung giải quyết các vấn đề toàn cầu này■



Cần chuyển đổi các kịch bản phát triển kinh tế thông thường sang kinh tế tuần hoàn

Đó là thông điệp đã được Chủ tịch kiêm Giám đốc Điều hành Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF) Naoko Ishii đưa ra tại Kỳ họp Đại Hội đồng GEF lần thứ 6 (GEF6) và các sự kiện liên quan từ ngày 23 - 29/6/2018 tại TP. Đà Nẵng. Bên lề Kỳ họp, Tạp chí Môi trường đã có cuộc phỏng vấn bà Naoko để làm rõ nội hàm của nền kinh tế tuần hoàn, cũng như các khuyến nghị dành cho Việt Nam trong việc giải quyết những thách thức về môi trường trong thời gian tới.



▲ Bà Naoko Ishii - Chủ tịch kiêm Giám đốc Điều hành GEF

★Bà đánh giá thế nào về Kỳ họp GEF6 được tổ chức tại Việt Nam? Theo bà, kết quả lớn nhất của Kỳ họp là gì?

Bà Naoko Ishii: Trước hết, tôi xin chân thành cảm ơn Chính phủ Việt Nam, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà, TP. Đà Nẵng và các cơ quan liên quan về sự đón tiếp chu đáo, cũng như hợp tác tích cực với Ban Thư ký GEF để tổ chức Kỳ họp thành công. Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã tham dự Phiên khai mạc và truyền cảm hứng đến tất cả chúng tôi với nỗ lực cùng cộng đồng quốc tế giải quyết các vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu (BĐKH) trên phạm vi toàn cầu. Thông điệp mà Thủ tướng đưa ra rất rõ ràng, khẳng định Chính phủ Việt Nam “Kiên quyết không đánh đổi môi trường để phát triển kinh tế, làm ảnh hưởng tới phát triển bền vững”. Đặc biệt, Thủ tướng đã cam kết, Việt Nam sẽ là quốc gia đi đầu trong việc quản lý rác thải nhựa - một vấn đề đang rất nóng hiện nay.

Kỳ họp Đại Hội đồng lần này diễn ra vào một thời điểm quan trọng, quyết định cho tương lai của Trái đất

và nhân loại. Đây là cơ hội để xác định các giải pháp sáng tạo nhằm giải quyết các vấn đề môi trường ưu tiên như ô nhiễm nhựa trên các đại dương và phát triển nền kinh tế tuần hoàn. Kỳ họp đánh dấu sự kết thúc chu kỳ 4 năm của GEF6 và mở ra một thời kỳ mới cho chu kỳ GEF7. Tại các phiên họp, hội nghị bàn tròn trong khuôn khổ Kỳ họp đã có nhiều ý tưởng hay, hoặc bài học kinh nghiệm thành công của các quốc

gia, tổ chức, khối tư nhân được các đại biểu thảo luận sôi nổi. Những ý tưởng đó sẽ giúp ích cho việc thực hiện GEF7 trong thời gian tới. Để bắt đầu cho chu kỳ tiếp theo, chúng ta cần phải đa dạng hóa trong thiết lập quan hệ đối tác giữa các Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp tư nhân, nhà nghiên cứu... nhằm xây dựng một liên minh lớn mạnh thực hiện mục tiêu chung là giải quyết các vấn

Bà Naoko Ishii chính thức đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch kiêm Giám đốc điều hành GEF từ tháng 8/2012. Nhận thấy những nỗ lực và quyết tâm giải quyết các vấn đề môi trường toàn cầu của bà Naoko Ishii, tháng 10/2015, Hội đồng GEF đã nhất trí gia hạn nhiệm kỳ thứ hai đến tháng 8/2020 đối với bà Naoko Ishii.

Khi được bầu làm Chủ tịch kiêm Giám đốc điều hành GEF nhiệm kỳ thứ nhất, bà Naoko Ishii đang là Thứ trưởng Bộ Tài chính Nhật Bản. Trước đó, bà đã giữ nhiều vị trí quan trọng trong các cơ quan, tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Viện Phát triển Quốc tế Harvard... Với những thành công trong sự nghiệp, bà Naoko Ishii đã đạt được một số giải thưởng danh giá trong nước, cũng như thế giới: Suntory (1990), Okita Memorial (2004) cho nghiên cứu phát triển quốc tế; giải thưởng Tưởng niệm Enjoji Jiro (2006).



▲ Tọa đàm "Nền kinh tế tuần hoàn" trong khuôn khổ Kỳ họp GEF6

để môi trường mang tính toàn cầu và phức tạp hiện nay. Hãy nhớ rằng "Nếu bạn muốn đi nhanh, hãy đi một mình. Nhưng nếu bạn muốn đi xa, hãy đi cùng nhau".

★Thông điệp quan trọng được đưa ra tại GEF6 là gì, thưa bà?

Bà Naoko Ishii: Thông điệp quan trọng mà GEF muốn gửi đến các nước thông qua GEF6 là phải chuyển đổi từ nền kinh tế thông thường (là nền kinh tế chủ yếu dựa vào tài nguyên thiên nhiên, các nguồn năng lượng hóa thạch, phát triển nhanh nhưng thiếu bền vững) sang nền kinh tế tuần hoàn. Thông điệp đó dựa trên các nghiên cứu khoa học trên thế giới, trong đó có một số nghiên cứu đã được trình bày tại Kỳ họp này. Theo các nghiên cứu, hoạt động sản xuất lương thực, thực phẩm, năng lượng, phát triển đô thị, các nhà máy nhiệt điện... đang tạo sức ép lớn đối với Trái đất. Chúng ta cần phải thay đổi cách thức phát triển, tiêu dùng, sinh hoạt để giảm thiểu những áp lực lên môi trường tạo dựng một môi trường bền vững cho thế hệ tương lai. Những vấn đề trên đã được GEF và đại diện của 183 quốc gia thành viên trao đổi, thảo luận và thống nhất trong những ngày diễn ra Kỳ họp GEF6.

★Như vậy, để giải quyết những thách thức toàn cầu hiện nay, cần phải thực hiện nền kinh tế tuần hoàn? Bà có khuyến nghị gì đối với Việt Nam trong việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững?

Bà Naoko Ishii: Nền kinh tế tuần hoàn có thể hiểu là chất thải của ngành này sẽ trở thành nguyên liệu của ngành khác. Thực hiện chuyển dịch sang nền kinh tế tuần hoàn sẽ đem lại lợi ích môi trường toàn cầu, góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu tác động tiêu cực đối với môi trường và phát triển công nghiệp xanh. Đây là lý do để GEF7 cung cấp các chương trình sáng tạo hỗ trợ các quốc gia chuyển đổi hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm, sử dụng đất, giảm thiểu ô nhiễm ở các thành phố. Các chương trình của GEF7 sẽ giúp các quốc gia bảo vệ nguồn tài nguyên, quần xã sinh học và đại dương thông qua những cơ chế tài chính của GEF.

Để đạt được các mục tiêu phát triển

bền vững, Việt Nam cần chuyển đổi mô hình phát triển, thúc đẩy sự tham gia của các lĩnh vực kinh tế và khai thác thế mạnh của các nhóm cộng đồng. Việt Nam, cũng như các nước phát triển khác đang phải đối mặt với các thách thức về môi trường như suy thoái rừng, ô nhiễm nguồn nước, gia tăng rác thải trên đại dương... và Việt Nam đang đi đầu trong việc giải quyết những thách thức đó. Kỳ họp lần này là diễn đàn để Việt Nam chia sẻ kinh nghiệm, cũng như tìm kiếm giải pháp phù hợp. Thời gian tới, GEF sẽ tiếp tục triển khai các hoạt động hỗ trợ để giúp Việt Nam thực hiện tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

★Xin cảm ơn bà!

HƯƠNG TRẦN
(Thực hiện)



An ninh nguồn nước - Vấn đề cấp thiết cần giải quyết

Hiện nay, do tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH), Việt Nam đang phải đối mặt với tình trạng suy giảm nguồn nước mặt, cũng như nước ngầm. Trong khi đó, mực nước biển có xu hướng dâng cao, triều cường và xâm nhập mặn ngày càng gia tăng; quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, sự gia tăng dân số, nhu cầu sử dụng nước phục vụ sản xuất, đời sống... đã và đang đe dọa đến an ninh nguồn nước. Để hiểu rõ hơn về vấn đề này, Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với ông Abedalrazq Khalil - Chuyên gia cao cấp về quản lý tài nguyên nước (TNN), Ngân hàng Thế giới (WB).



▲ Ông Abedalrazq Khalil - Chuyên gia cao cấp về quản lý TNN thuộc WB

***Xin ông cho biết, Việt Nam hiện đang phải đối mặt với những thách thức nào về an ninh nguồn nước? Nguyên nhân dẫn đến những thách thức đó là gì?**

Ông Abedalrazq Khalil: Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa mạnh mẽ đang làm suy thoái nguồn nước, trong khi việc sử dụng, quản lý nguồn nước và xử lý ô nhiễm chưa được coi trọng; BĐKH với diễn biến khó lường gây ra sự xung đột về sử dụng nguồn nước... Đây là những thách thức lớn mà Việt Nam đang phải đối mặt.

Nguyên nhân chính dẫn đến các thách thức trên là do công tác quản lý TNN gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Cụ thể, việc lập quy hoạch TNN còn chậm; việc điều hòa, phân bổ nguồn nước giữa các ngành, địa phương đòi hỏi phải có sự tính toán cụ thể và sự đồng thuận cao. Đồng thời, tình trạng ô nhiễm nước trên các lưu vực sông, khu đô thị, vùng phát triển kinh tế trọng điểm ngày càng nghiêm trọng. Công tác kiểm tra việc thi hành pháp luật về TNN chưa được thường xuyên; bộ máy quản lý nhà nước về TNN ở địa phương chưa đáp ứng yêu cầu. Mặt khác, người dân chưa hiểu đúng về vai trò của nước và mối nguy hại khi thiếu nước...

Tại Việt Nam, tổng lượng nước đang được khai thác, sử dụng hàng năm khoảng 80,6 tỷ m³, chiếm 10% tổng lượng nước của cả nước. Trong đó, hơn 80% lượng nước được sử dụng cho mục đích nông nghiệp (khoảng 65 tỷ m³/năm).

Nước dưới đất được khai thác, sử dụng chủ yếu cho cấp nước sinh hoạt và công nghiệp, với gần 40% lượng nước cấp cho đô thị và 80% lượng nước cho sinh hoạt nông thôn. Theo Hội TNN quốc tế, quốc gia nào có lượng nước bình quân đầu người dưới 4.000 m³/người/năm được xem là quốc gia thiếu nước. Như vậy, nếu chỉ tính riêng lượng TNN mặt trên lãnh thổ, thì hiện nay, Việt Nam là quốc gia thiếu nước và sẽ gặp phải nhiều thách thức về TNN trong tương lai.

***Ông đánh giá như thế nào về việc triển khai chính sách bảo vệ an ninh nguồn nước tại Việt Nam trong thời gian qua?**

Ông Abedalrazq Khalil: Để đạt được mục tiêu bảo đảm an ninh nguồn nước trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam đang nỗ lực hoàn thiện chính sách, pháp luật, chiến lược về TNN nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm TNN; chủ động

thích nghi, ứng phó với những diễn biến của BĐKH, nước biển dâng; đẩy mạnh quy hoạch, điều tra cơ bản, quan trắc, giám sát TNN, đặc biệt là các nguồn nước liên quốc gia. Đồng thời, tăng cường hợp tác quốc tế, nhất là với các quốc gia ở thượng nguồn để cùng bảo vệ, chia sẻ, khai thác công bằng, hiệu quả nguồn TNN.

Cùng với đó, nhiều phương pháp, cách tiếp cận quản lý mới đã được nghiên cứu và ứng dụng như phương pháp quản lý tổng hợp TNN; quản lý nước theo lưu vực sông; tiếp cận theo hệ thống: Nước - năng lượng - lương thực; tăng trưởng xanh... Đặc biệt, Bộ TN&MT đã phê duyệt nghiên cứu đánh giá an ninh nguồn nước phục vụ xây dựng quy hoạch TNN và xem đây là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt. Theo đó, trên cơ sở khoa học đánh giá an ninh nguồn nước các lưu vực sông chính ở Việt Nam là sông Hồng, Thái Bình, Bắc Giang - Kỳ Cùng, Mã, Cả, Vu Gia - Thu Bồn,



Đồng Nai và Cửu Long xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh tế sử dụng nước ở Việt Nam. Từ đó, đề xuất các giải pháp đảm bảo an ninh nguồn nước, quản lý, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả trong điều kiện BĐKH và nước biển dâng.

Tuy nhiên, hoạt động quản lý, kiểm soát ô nhiễm nguồn nước mới tập trung chủ yếu ở khu vực đô thị, các TP và khu công nghiệp, nhưng tại khu vực nông thôn vẫn chưa được quan tâm. Mặt khác, các vấn đề mang tính liên ngành như quy hoạch, phát triển, khôi phục rừng đầu nguồn, bảo vệ nguồn sinh thủy; bảo vệ nguồn nước trong quá trình thực hiện các dự án thủy điện, thủy lợi, nuôi trồng thủy sản... chưa có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa cơ quan quản lý với Bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, TP. Nhiều địa phương chưa có sự quan tâm đúng mức, tổng thể, dài hạn về vấn đề bảo vệ nguồn tài nguyên quý giá này.

★Nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước ở Việt Nam trong bối cảnh BĐKH, theo ông, Việt Nam cần phải thực hiện những giải pháp gì?

Ông Abedalrazq Khalil: Bảo đảm an ninh nguồn nước, nhất là đối với nguồn nước các sông liên quốc gia với Việt Nam là vấn đề quan trọng, đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ các giải pháp, đồng thời, có cơ chế hợp tác, thuyết phục, đấu tranh, hạn chế rủi ro, đồng thời, cũng phải có phương án, giải pháp để giải quyết vấn đề phát sinh. Trong đó, cần tập trung nghiên cứu cơ chế hợp tác để bảo đảm việc xây dựng, vận hành các công trình thủy điện lớn ở quốc gia thượng nguồn, nhằm điều tiết hài hòa dòng chảy cho hạ du trong mùa lũ và mùa cạn. Đặc biệt, cần đẩy mạnh điều tra cơ bản, quy hoạch, thông tin, dữ liệu và dự báo, cảnh báo về TNN song song với việc xây dựng cơ chế điều tiết, điều hòa, phân bổ nguồn nước; thực hiện khai thác, sử dụng tổng hợp nguồn nước, nhất là vận hành điều tiết của các hồ chứa nước lớn. Mặt khác, cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia để cùng bảo vệ, chia sẻ, khai thác công bằng, hiệu quả TNN, cũng như hoàn thiện chính sách, pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm TNN. Bên cạnh đó, cần thay đổi nhận thức và hành động ở các cấp, ngành, người dân trong bảo đảm an ninh nguồn nước.



▲ Người dân sống tại các vùng nông thôn được tiếp cận với nguồn nước sạch

★Xin ông cho biết, WB sẽ hỗ trợ như thế nào để giúp Việt Nam trong việc giải quyết bài toán an ninh nguồn nước?

Ông Abedalrazq Khalil: Để hỗ trợ Việt Nam, năm 2013, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giám đốc quốc gia WB tại Việt Nam đã ký kết Hiệp định tài trợ và các văn kiện pháp lý liên quan của “Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng (ĐBSH)”. Theo Hiệp định, Chương trình có tổng trị giá hơn 230 triệu USD, trong đó vốn vay WB là 200 triệu USD, vốn đối ứng từ ngân sách là 10 triệu USD, đóng góp từ cộng đồng là 20 triệu USD, nhằm mục tiêu tăng cường khả năng tiếp cận bền vững và sử dụng hiệu quả dịch vụ cấp nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn vùng ĐBSH; hướng đến xây dựng, cải tạo điều kiện tiếp cận nước sạch và vệ sinh môi trường cho hơn 1,7 triệu người dân tại 240 xã, thuộc 8 tỉnh ĐBSH và các tỉnh lân cận.

Năm 2016, WB đã phê duyệt khoản tín dụng 310 triệu USD giúp Việt Nam

nâng cao khả năng thích ứng với BĐKH và bảo đảm sinh kế bền vững cho 1,2 triệu người dân tại 9 tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đang bị ảnh hưởng bởi hiện tượng xâm nhập mặn, xói lở bờ biển và lũ lụt.

Hiện nay, WB đang hỗ trợ các cơ quan liên quan xác định và ưu tiên hóa đầu tư về tài chính để Việt Nam xây dựng Quy hoạch tổng hợp vùng có sự tham gia của các tỉnh thuộc ĐBSCL nhằm ứng phó với BĐKH. Trong thời gian tới, WB đề xuất hỗ trợ TP. Hà Nội quy hoạch mạng lưới thoát nước giai đoạn từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, WB sẽ hỗ trợ Hà Nội về kỹ thuật cải tạo sông hồ, kênh mương nhằm nâng cao chất lượng nguồn nước, xây dựng đề án chống ngập úng, cải thiện hệ thống nước thải các vùng lưu vực như khu vực tả ngạn sông Nhuệ, quận Long Biên, Gia Lâm...

★Trân trọng cảm ơn ông!

HƯƠNG MAI (Thực hiện)



Cơ chế phối hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường: Thực trạng và giải pháp

ThS. NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG, TS. NGUYỄN HẢI YẾN

Tổng cục Môi trường

ThS. HOÀNG XUÂN HUY

Bộ TN&MT

Hiện nay, tranh chấp, khiếu nại tố cáo về môi trường trong nước và quốc tế đang ngày càng gia tăng, diễn ra phức tạp trong bối cảnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh có nhiều nguy cơ gây ô nhiễm. Trong khi đó, cơ sở pháp lý về cơ chế phối hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường từ Trung ương đến địa phương chưa được hoàn thiện, đặc biệt trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp quốc tế còn thiếu kinh nghiệm và thực tiễn triển khai gặp một số bất cập.

THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ CƠ CHẾ PHỐI HỢP GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ MÔI TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Trong thời gian qua, nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của Đảng và Nhà nước, công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường trong nước đã đạt được những kết quả nhất định. Hệ thống văn bản pháp luật được ban hành tương đối đầy đủ như Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tố cáo năm 2011, Luật BVMT năm 2014 và Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại, Nghị định số 76/2012/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Tố cáo... đã quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ về giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường. Gần đây, Bộ TN&MT đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-BTNMT ngày 10/10/2017 về việc tăng cường tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường thông qua đường dây nóng.

Bên cạnh đó, một số văn bản hướng dẫn việc phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực môi trường giữa một số cơ quan Trung ương và địa phương đã được ban hành như Chương trình số 01/CTPH-TTCT-BTTUBTWMTTQVN ngày 25/11/2014 về



▲ *Họp nhóm chuyên gia Nghiên cứu về giải quyết tranh chấp môi trường tại Việt Nam do Viện Chiến lược, Chính sách TN&MT tổ chức năm 2015*

phối hợp công tác trong lĩnh vực tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của công dân giữa Thanh tra Chính phủ và Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam. Đối với công tác giải quyết tranh chấp môi trường, trách nhiệm phối hợp giữa cơ quan nhà nước với các bên liên quan trong xác định khu vực, phạm vi, mức độ ô nhiễm và đánh giá rủi ro, xác định nguyên nhân; trách nhiệm của từng đối tượng trong việc khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 107 của Luật BVMT năm 2014.

Với hành lang pháp lý tương đối đầy đủ, phần lớn các đơn thư khiếu nại, tố cáo về môi trường trong nước đã được xem xét giải quyết. Vai

trò chủ trì của từng cấp từ Trung ương (Bộ TN&MT) đến địa phương (UBND cấp tỉnh, huyện, xã) trong giải quyết tranh chấp, khiếu nại tố cáo về môi trường đã được quy định rõ ràng. Tuy nhiên, công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường vẫn còn một số tồn tại, hạn chế liên quan đến việc phối hợp giải quyết, xử lý những vụ việc khiếu nại phức tạp, kéo dài, vượt cấp. Nguyên nhân do chưa có quy định về cơ chế phối hợp giữa Bộ TN&MT với các Bộ, ngành khác hoặc giữa UBND các cấp trong việc theo dõi, giám sát việc thực thi các kết quả giải quyết tranh chấp môi trường của các bên liên quan. Đồng thời, chưa có quy định đầy đủ về cơ chế phối hợp trong thực hiện giải quyết tranh chấp thông qua cơ chế hòa giải.



CƠ CHẾ PHỐI HỢP GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP QUỐC TẾ VỀ MÔI TRƯỜNG

Hiện nay, Việt Nam đã tham gia các cam kết về môi trường trong khuôn khổ các cam kết đa phương về môi trường (MEAs) và Hiệp định thương mại tự do (FTA). Trong đó, các giải pháp để giải quyết tranh chấp trong MEAs thường là thông qua quá trình tham vấn, nhằm đạt được sự đồng thuận hoặc tìm các biện pháp hợp tác để giải quyết tranh chấp. Việt Nam hiện là thành viên của khoảng 20 Điều ước quốc tế liên quan đến môi trường. Việc thực hiện các Điều ước quốc tế này thường không tập trung ở một Bộ mà được phân công cho các Bộ, ngành liên quan làm Cơ quan đầu mối quốc gia. Nhìn chung, việc thực hiện các MEAs của Việt Nam không xảy ra vấn đề tranh chấp quốc tế do Việt Nam đã và đang thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ của một thành viên.

Đối với các FTA, việc giải quyết tranh chấp thường qua nhiều bước phức tạp hơn, cơ chế giải quyết mang tính kinh tế, sử dụng công cụ kinh tế (như trừng phạt hay trả đũa thương mại). Đối với những cam kết và nghĩa vụ về môi trường trong khuôn khổ các FTA, cơ chế giải quyết tranh chấp được thực hiện tương tự như đối với các cam kết và nghĩa vụ về thương mại. Đặc biệt, trong các FTA thế hệ mới mà Việt Nam tham gia đàm phán, ký kết thời gian qua, một số Hiệp định có những cam kết và nghĩa vụ cao hơn về môi trường, điển hình là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA). Trong các Hiệp định này sử dụng cơ chế tham vấn, giải quyết tranh chấp, trong đó có áp dụng chế tài (sử dụng biện pháp kinh tế) đối với việc vi phạm các cam kết của Hiệp định.

Trong khi đó, chính sách, pháp luật của Việt Nam hiện nay chưa có văn bản pháp lý quy định cụ thể về cơ chế giải quyết và phối hợp giải quyết tranh chấp quốc tế về môi trường. Theo phân công của Chính phủ, Bộ Tư pháp là cơ quan

đại diện pháp lý cho Chính phủ chịu trách nhiệm chính trong các tranh chấp quốc tế. Khi có các tranh chấp quốc tế phát sinh, các Bộ, ngành liên quan sẽ phối hợp với Bộ Tư pháp tiến hành các thủ tục giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, Việt Nam còn thụ động trong việc thu thập bằng chứng, thiếu sự tham gia hỗ trợ doanh nghiệp của các cơ quan quản lý liên quan. Việc sử dụng ngôn ngữ (tiếng Anh) trong việc giải trình các bằng chứng cũng là một rào cản lớn. Bên cạnh đó, nguồn lực phục vụ cho việc tham gia giải quyết các tranh chấp quốc tế còn hạn chế và thiếu sự kết nối giữa doanh nghiệp, các hiệp hội với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong quá trình đấu tranh pháp lý... Đặc biệt, việc áp dụng chế tài đối với các cam kết và nghĩa vụ về môi trường đối với Việt Nam là vấn đề hoàn toàn mới và chưa có kinh nghiệm giải quyết. Do vậy, năng lực và kinh nghiệm giải quyết các vấn đề phát sinh hay các tranh chấp thương mại quốc tế liên quan đến môi trường còn nhiều hạn chế.

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, các vấn đề môi trường sẽ ngày càng trở nên phức tạp hơn. Các chính sách, pháp luật và cơ chế phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp môi trường trong nước và liên quan đến thương mại quốc tế cần phải được Việt Nam hoàn thiện và chuẩn bị đầy đủ năng lực để đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Ngày 9/3/2018, CPTPP đã được 11 quốc gia thành viên ký kết. Sự kiện này cũng là nhiệm vụ lớn cho ngành TN&MT thực thi hiệu

quả các cam kết môi trường trong FTA thế hệ mới.

Để tăng cường cơ chế phối hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường, Việt Nam cần rà soát, đánh giá thực trạng thực thi và sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về cơ chế phối hợp trong theo dõi, giám sát việc thực thi các kết quả giải quyết tranh chấp môi trường của các bên liên quan; Phối hợp thực hiện giải quyết tranh chấp thông qua cơ chế hòa giải; Xây dựng quy chế phối hợp giải quyết các tranh chấp thương mại liên quan đến môi trường phát sinh trong quá trình thực thi các FTA trong các lĩnh vực (đầu tư, thương mại hàng hóa và dịch vụ môi trường, các cơ chế tự nguyện, năng lượng, bảo tồn, vệ sinh dịch tễ, chống buôn bán động thực vật hoang dã xuyên biên giới (Công ước CITES), lâm nghiệp, thủy sản, ngăn ngừa ô nhiễm biển từ tàu (Công ước MARPOL) và các lĩnh vực liên quan...).

Ngoài ra, xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo, tập huấn trong nước, nước ngoài nhằm nâng cao năng lực giải quyết các tranh chấp quốc tế về thương mại cho cán bộ, công chức liên quan. Trong quá trình thực hiện các cam kết và nghĩa vụ, với điều kiện hiện tại, cần phải tính đến việc chuẩn bị các phương án ứng phó với những tình huống hay trường hợp phát sinh các vấn đề tranh chấp thương mại. Do đó, cần một đội ngũ cán bộ có kiến thức và kinh nghiệm đấu tranh pháp lý được đào tạo, tập huấn bài bản trong việc xử lý, giải quyết các vấn đề liên quan đến tranh chấp thương mại quốc tế...■

Xây dựng hệ thống cung cấp giải pháp kỹ thuật nhằm sử dụng hiệu quả nhiên liệu trong vận hành tàu biển

PGS. TS. NGUYỄN CÔNG VINH
PGS. TS. NGUYỄN KIM PHƯƠNG
Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu biển (Công ước MARPOL) ra đời năm 1973. Nội dung công ước gồm nhiều quy định và liên tục được bổ sung, nhằm ngăn chặn ô nhiễm gây ra do vận chuyển hàng hóa là dầu mỏ, hàng nguy hiểm, độc hại, cũng như do nước, rác và khí thải từ tàu. Đến nay Công ước Marpol có 6 phụ lục, mỗi phụ lục có thời gian hiệu lực khác nhau được nêu tại công ước và sự tham gia của quốc gia thành viên cũng khác nhau.

Từ tháng 3/1991, Việt Nam đã tham gia các phụ lục I và II của công ước. Ngày 11/5/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 795 phê duyệt kế hoạch thực hiện các phụ lục III, IV, V, VI của Công ước với yêu cầu thực hiện đầy đủ các quy định tại mỗi phụ lục và tăng cường công tác phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động hàng hải. Thông qua nhiều giải pháp cụ thể, Chính phủ đang nỗ lực thực hiện các cam kết với quốc tế về giảm phát khí thải thông qua đầu tư chính sách, đầu tư

nghiên cứu ứng dụng, tuyên truyền thay đổi nhận thức của người dân trong việc sử dụng năng lượng...

Hiện Việt Nam có hơn 1.400 tàu biển, trong đó có hơn 400 tàu đăng ký chạy tuyến nước ngoài phải được trang bị Kế hoạch sử dụng hiệu quả nhiên liệu (SEEMP) theo quy định của Đăng kiểm Việt Nam cũng như Nghị quyết MEPC.282 (70) của Tổ chức hàng hải quốc tế (IMO).

Theo SEEMP và các hướng dẫn của IMO, nhiều giải pháp được khuyến nghị để tàu biển sử dụng hiệu quả nhiên liệu hơn. Việc sử dụng hiệu quả nhiên liệu đồng nghĩa với việc giảm phát khí thải vào môi trường. Với nhiệm vụ “Xây dựng hệ thống cung cấp giải pháp kỹ thuật nhằm sử dụng hiệu quả nhiên liệu trong vận hành tàu biển”, nhóm nghiên cứu đã lựa

chọn ba giải pháp có tác động trực tiếp đến mức tiêu hao nhiên liệu của con tàu để tiến hành triển khai thực hiện trong thực tế sản xuất. Các giải pháp đó là: Lựa chọn tốc độ tối ưu cho tàu; hiệu số mớn nước tối ưu cho tàu; phương án nước dẫn khi tàu nhẹ tải. Từ đó, nhóm nghiên cứu đã ứng dụng tin học, thực nghiệm trên tàu của Công ty CP VTB Việt Nam (VOSCO). Kết quả thực nghiệm cho thấy, việc áp dụng giải pháp mới giúp tiết kiệm nhiên liệu và BVMT.

Cơ sở để thực hiện các giải pháp trên là cơ sở dữ liệu về lực cản của tàu theo chiều chìm, hiệu số mớn nước và tốc độ. Bộ cơ sở dữ liệu này được thực hiện theo các bước sau: Số hóa bản vẽ thiết kế tàu; Xây dựng tuyến hình tàu bằng phương pháp số; Sử dụng phương pháp CFD tính toán và tạo bộ cơ sở dữ liệu.

	Thời gian			Tọa độ		Hướng tàu	Bơm chuyển	Mớn trung bình	Mớn nước		Hiệu số mớn nước	
	Ngày	Giờ BD	Giờ KT	Trước	Sau				Trước dA/dF	Sau dA/dF	Trước	Sau
1	1-Sep	8.00	9.00	16o58'00N 108o17'00E	16o46'50N 108o16'50E	155	Bơm chuyển 20 MT từ FPT về APT	7.98	7.80/8.15		0.35	0.45
2	8-Sep	7.00	7.18	18o31'80N 107o30'65E	18o34'80N 107o29'60E	344	Bơm vào WB No3	7.75	7.50/8.00	7.55/7.95	0.5	0.4
4	24-Sep	6.45	7.00	12o08.50N 109o26'20E	12o10'00 109o26'60E	11	Bơm 30MT vào WB No1(P/S)	8.02	7.75/8.28	7.82/8.22	0.53	0.4
5	2-Oct	16.15	16.30	13o26'60N 109o29'70E	13o29'00N 109o29'50E	354	Bơm dẫn 30MT vào BWT No.4	7.88	7.70/8.05	7.65/8.10	0.35	0.45
6	3-Oct	16.30	16.45	17o12'30N 108o02'50E	17o15'50N 108o02'10E	335	Bơm dẫn 25MT vào BWT No.1	7.88	7.60/8.15	7.70/8.10	0.55	0.4
7	7-Oct	5.55	6.10	13o14'30N 109o31'00E	13o14'30N 109o31'00E	174	Bơm 30MT vào BWT No4	7.98	7.85/8.10	7.80/8.15	0.25	0.35
8	11-Oct	6.25	6.45	15o13'30N 109o03'60E	15o16'20N 109o01'30E	335	Bơm 40MT vào BWT No.1	7.9	7.65/8.15	7.75/8.05	0.5	0.3

▲ Bảng kết quả thực nghiệm tại tàu



▲ Thực nghiệm trên tàu FORTUNE NAVIGATOR của Công ty CP VTB Việt Nam (VOSCO) đã mang lại hiệu quả tiết kiệm nhiên liệu và BVMT

Sau khi có bộ cơ sở dữ liệu, thuật toán tối ưu tìm bộ giá trị mớn nước, hiệu số mớn nước và tốc độ được sử dụng để tìm ra kết quả thỏa mãn yêu cầu của người khai thác tàu. Do giới hạn về thời gian và kinh phí, phần mềm mới hoàn thiện một phần nhưng đã đáp ứng được các chức năng chính sau: Căn cứ vào dữ liệu sức cản của tàu để tìm ra vận tốc mà tại đó máy chính có hiệu suất tốt nhất, con tàu đi được quãng đường dài với lượng tiêu hao ít nhất. Dựa vào tốc độ và chiều chìm yêu cầu của tàu để tìm ra hiệu số mớn nước có lực cản nhỏ nhất. Phương án đảm bảo tàu có sức cản nhỏ nhất, hiệu suất đẩy của chân vịt cũng như tính năng lái của tàu không bị ảnh hưởng.

Bộ cơ sở dữ liệu lực cản nói trên là kết quả của tính toán lý thuyết. Để đảm bảo những kết quả tính toán lý thuyết này sát với thực tiễn, nhóm nghiên cứu đã tiến hành thực nghiệm trên hai tàu của Công ty

VOSCO trong điều kiện tàu đang khai thác sản xuất.

Hoạt động thực nghiệm trên tàu được thực hiện như sau: Chọn một đoạn trong hành trình của tàu có điều kiện phù hợp như đường chạy tàu thẳng, sóng gió ổn định, vừa phải để tiến hành các bước thực nghiệm:

Bước 1: Ghi lại các chỉ số trên tốc độ kế và chỉ số tải của máy chính;

Bước 2: Tiến hành bơm nước dần chỉnh hiệu số mớn nước của tàu; Chờ cho tàu ổn định với hiệu số mớn nước mới;

Bước 3: Ghi chỉ số tốc độ kế và chỉ số tải của máy chính tại hiệu số mớn nước mới.

Bước 4: Tiến hành so sánh các giá trị lực của chỉ số tải, tốc độ tàu trước và sau khi thay đổi hiệu số mớn nước để rút ra kết luận về mối quan hệ của chúng với sự thay đổi hiệu số mớn nước.

Nhóm nghiên cứu đã thực hiện được 7 lần thực nghiệm trên tàu FORTUNE NAVIGATOR với kết quả thể hiện (bảng).

Do việc thực hiện trên tàu đang sản xuất, các tình huống thực nghiệm phải đảm bảo

không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của tàu nên không thể thực nghiệm được tất cả các tư thế tàu. Kết quả thực nghiệm đã triển khai cho thấy, giá trị tính toán lý thuyết phù hợp với thực nghiệm và chỉ bằng việc điều chỉnh hiệu số mớn nước, tốc độ của tàu FORTUNE NAVIGATOR thay đổi từ 1% - 2%.

Hiện tại, tàu FORTUNE NAVIGATOR chạy chuyên tuyến, một năm hơn 80 lượt từ Hòn Dấu đến Vũng Tàu và ngược lại. Khoảng cách từ Hòn Dấu đến Vũng Tàu là 738 hải lý, nếu tàu chạy với vận tốc 10 hải lý/giờ, mỗi lượt tàu chạy hết 73,8 giờ. Khi tốc độ tàu tăng lên 2%, đạt 10,2 hải lý/giờ, thời gian chạy chỉ còn 72,3 giờ, giảm 1,5 giờ. Mức tiêu thụ của tàu là 14 tấn FO/ngày. Vậy khi giảm 1,5 giờ sẽ, tàu tiết kiệm được 0,875 tấn. Không chỉ tiết kiệm được 0,875 tấn dầu, tàu còn giảm phát thải ra môi trường 2,625 tấn CO₂. Với hơn 80 chuyến một năm, tàu sẽ tiết kiệm được 80 x 0,875 = 70 tấn dầu (khoảng 26.000 USD) và giảm phát thải được 210 tấn CO₂ vào môi trường.

Như vậy, chỉ cần thay đổi hiệu số mớn nước, không tốn thêm chi phí nhưng có thể tiết kiệm nhiên liệu và giảm phát khí thải một lượng đáng kể. Từ kết quả nghiên cứu có thể làm thay đổi quan điểm của người vận hành tàu cũng như làm cơ sở để các công ty vận tải biển xem xét áp dụng các quy định cần thiết cho tàu. Đây là giải pháp hiệu quả góp phần tiết kiệm nhiên liệu, nhằm ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra trong vùng biển Việt Nam■

Tốc độ		Chỉ số tải		Điều kiện sóng		Điều kiện gió	
Trước	Sau	Trước	Sau	Cấp	Hướng	Cấp	Hướng
	11.1			4	SW	5	SW
	10.9			3	SE	4	SE
10.6	10.4	40	40.5	4	SW	5	SW
10.4	10.6	41.5	41.4	4	SE	3	SE
11.1	10.9	40.5	40.8	3	SE	4	SE
10.8	11	40.5	40	4	NE	5	NE
10.5	10.4	41	42	5	NE	6	NE



Triển khai phần mềm ứng dụng phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên điện thoại thông minh

Theo mục tiêu của Chương trình giảm thiểu ô nhiễm môi trường của TP giai đoạn 2016 - 2020, TP. Hồ Chí Minh phấn đấu đến năm 2020 sẽ thu gom và xử lý an toàn 100% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt (CTRSR). Nhằm đạt được mục tiêu trên, Sở TN&MT đã phối hợp với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam chi nhánh TP. Hồ Chí Minh xây dựng ứng dụng phân loại CTRSH tại nguồn trên điện thoại di động để người dân dễ dàng tiếp cận thông tin về hướng dẫn thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn TP.

Hiện nay, ước tính trung bình khối lượng CTRSH phát sinh của TP. Hồ Chí Minh khoảng 8.500 tấn/ngày, chủ yếu phát sinh từ các nguồn như: Khu vực dân cư, cơ quan, khách sạn, nhà hàng, cơ

sở sản xuất, khu vực công cộng, trung tâm thương mại, chợ... Bên cạnh đó, TP đang tiếp nhận gần 3.000 m³/ngày lượng bùn thải phát sinh từ các trạm và nhà máy xử lý cấp nước, nước thải; hơn 2.000 nhà máy công suất lớn cùng khoảng 10.000 cơ sở sản xuất thải ra 1.500 - 2.000 tấn chất thải công nghiệp/ngày, trong đó, chất nguy hại khoảng 350 - 400 tấn. Dự báo đến năm 2020, nguồn rác thải tăng lên gần 10.100 tấn/ngày (tăng bình quân 5% mỗi năm) và đến năm 2025, tăng lên gần 13.000 tấn/ngày. Đây chính là nguyên nhân gây ra bệnh dịch và ô nhiễm môi trường trên địa bàn TP. Để xảy ra tình trạng ô nhiễm, một phần là do chưa quản lý được thu gom rác; thiết bị thu gom rác thải thô sơ, một số phương tiện vận chuyển rác đã cũ; việc kết nối giữa thu gom rác tại nguồn và vận chuyển không đồng bộ, đặc biệt, phần lớn người dân có thói quen bỏ CTRSH trước cửa nhà, trên vỉa hè gây mất mỹ quan đô thị...

Trước thực trạng trên, UBND TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Kế hoạch triển khai phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn TP giai đoạn 2017 - 2020. Theo đó, đến năm 2020, TP. Hồ Chí Minh phấn đấu hoàn thành cơ bản việc triển khai phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn 24 quận, huyện.

Theo yêu cầu của UBND TP, CTRSH phải được phân loại tại nguồn nhằm tăng cường tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng và giảm chôn lấp CTRSH trên địa bàn TP; mỗi cá nhân, tổ chức có trách nhiệm thực hiện phân loại CTRSH khi có phát sinh. Hiện nay, TP đã và đang thực hiện thí điểm Chương trình Phân loại CTRSH tại các quận 1, 3, 5, 6, 12, Bình Thạnh và lắp đặt các thùng rác thông minh tại khu vực công cộng trên địa bàn quận 1, 2, 3, 4, 5, Tân Phú... Ngoài chức năng phân loại, mỗi thùng rác thông minh được gắn 1 tấm pin năng lượng mặt trời, khi ánh nắng đi qua tấm pin đó sẽ biến đổi thành điện năng, có chức năng lọc nước để tưới cho hai chậu cây được trang bị hai bên thùng rác. Để người dân thuận tiện trong việc phân loại CTRSH tại nguồn, UBND TP cũng chỉ đạo Sở TN&MT phối hợp với các quận, huyện lên kế hoạch bố trí thiết bị lưu chứa, phương tiện và phương án thu gom ở từng khu vực. Đặc biệt, Sở TN&MT đã xây dựng phần mềm ứng dụng phân loại CTRSH tại nguồn trên điện thoại thông minh. Đây là một trong những giải pháp giúp cho người dân tiếp cận với việc phân loại CTRSH nhanh và dễ dàng.

Hiện ứng dụng phân loại CTRSH tại nguồn đã được đưa lên ứng dụng Play



▲ Giao diện ứng dụng phân loại CTRSH tại nguồn trên điện thoại thông minh được thiết kế đơn giản, dễ sử dụng



store của hệ điều hành Android hoặc Apps store của hệ điều hành IOS, người dùng chỉ cần sử dụng các dòng điện thoại thông minh tìm kiếm ứng dụng với từ khóa “Phân loại CTRSH tại nguồn”, tải về và cài đặt. Trên phần mềm đó sẽ có các thông tin cụ thể về hướng dẫn cách phân loại, chất thải hữu cơ để phân hủy (bao gồm bã mía, bã trà, cà phê, bã trà túi lọc, thức ăn thừa, thực phẩm hết hạn sử dụng...) được cho vào túi màu xanh có dán nhãn trước khi chuyển cho đơn vị có chức năng thu gom, và được xử lý thành phân compost. Chất thải có khả năng tái chế gồm tạp chí, sách báo, giấy, đồ dùng bằng nhựa, các loại đồ vật bằng cao su, đồ kim loại, vỏ hộp giấy, đồ dùng bằng thủy tinh... được phân loại và tái sử dụng, tái chế. Các chất thải còn lại được cho vào túi màu xám, được vận chuyển đến nơi xử lý để chôn lấp hoặc đốt.

Ngoài ra, với ứng dụng này, người dân có thể xem hướng dẫn phân loại CTRSH tại nguồn dưới dạng văn bản đi kèm hình ảnh, hoặc video. Trên ứng dụng có mục "Gửi phản hồi" để tiếp nhận ý kiến, phản ánh của người dân trong lĩnh vực TN&MT về Sở TN&MT TP. Hồ Chí Minh. Người dùng cũng có thể chia sẻ rộng rãi ứng dụng trên mạng xã hội. Đặc biệt, ứng dụng cũng có các tiện ích như bản đồ hướng dẫn người dân vị trí bỏ rác, chi phí thu gom, các chính sách khác của TP, nhằm nâng cao nhận thức của người dân về BVMT. Đồng thời, ứng dụng cũng nêu rõ các mục tiêu, ý nghĩa, cách thức của việc phân loại và quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sau phân loại.

Để phổ biến rộng rãi ứng dụng đến người dân, Sở TN&MT TP. Hồ Chí Minh sẽ triển khai đến từng quận, huyện, phường, xã, tổ dân phố, gia đình. Sở TN&MT mong muốn nhận được nhiều thông tin đóng góp của người dân để tiếp tục hoàn thiện các nội dung trong ứng dụng, góp phần thực hiện hiệu quả công tác phân loại CTRSH tại nguồn. Thời gian tới, Sở sẽ nghiên cứu các phần mềm, ứng dụng về giám sát công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, phổ biến đến người dân để cùng kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý CTRSH, tạo sự chuyển biến tích cực đối với vấn đề quản lý rác thải cũng như nâng cao ý thức BVMT của người dân■

LÂM VĂN MIỄN

THÚC ĐẨY VAI TRÒ CỦA CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP TRONG TĂNG TRƯỞNG XANH

Từ ngày 18 - 19/7/2018, tại tỉnh Vĩnh Phúc, Bộ TN&MT phối hợp với Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam tổ chức Hội thảo “Tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH), BVMT, phát triển bền vững và sự tham gia của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp”.

Phát biểu tại Hội thảo, Thứ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân cho biết, mô hình tăng trưởng xanh gắn với phát triển kinh tế, BVMT, xóa đói giảm nghèo

được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Do vậy, những ý kiến của các nhà khoa học, đại diện tổ chức xã hội - nghề nghiệp tại Hội thảo sẽ được Bộ TN&MT tiếp thu để tham mưu cho Chính phủ quản lý tốt tài nguyên, BVMT và phát triển bền vững đất nước.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã trao đổi, chia sẻ những vấn đề liên quan đến thúc đẩy giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với BĐKH, sản xuất xanh, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, BVMT, phát triển bền vững... **BÙI HẮNG**

QUỸ KHÍ HẬU XANH HỖ TRỢ QUẢNG BÌNH ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

UBND tỉnh Quảng Bình vừa phê duyệt Dự án thành phần và kế hoạch tổng thể Dự án “Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam, tỉnh Quảng Bình” do Quỹ khí hậu xanh (GCF) viện trợ không hoàn lại thông qua Chương trình Phát triển Liên hợp quốc. Mục tiêu của Dự án nhằm tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của thiên tai và BĐKH gây ra cho cộng đồng dân ven biển dễ bị tổn thương ở Quảng Bình.

Theo đó, Quảng Bình tham gia 2 hợp phần, gồm: Hỗ trợ xây nhà chống chịu bão, lụt; Quản lý thông tin và dữ liệu rủi ro thiên tai. Hợp phần 1 sẽ hỗ trợ xây nhà cho các hộ nghèo theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ, bổ sung

những tính năng chống chịu bão, lụt cho 897 công trình xây mới của các hộ nghèo dễ bị tổn thương do Ban Quản lý Dự án GCF Quảng Bình thực hiện. Mức hỗ trợ từ nguồn vốn ODA là 1.700 USD/nhà ở.

Hợp phần 2 gồm: Quản lý thông tin, dữ liệu rủi ro thiên tai nhằm tăng cường khả năng tiếp cận các dữ liệu về tổn thất và thiệt hại do thiên tai, BĐKH để sử dụng cho mục đích phát triển trên toàn tỉnh. Kinh phí Dự án thành phần tại Quảng Bình hơn 49 tỷ đồng, trong đó vốn ODA viện trợ không hoàn lại của GCF hơn 36,5 tỷ đồng.

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của BĐKH cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam được thực hiện tại Hà Nội và 7 tỉnh: Nam Định, Thanh Hóa, Thừa Thiên - Huế, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Quảng Nam, Cà Mau...

PHƯƠNG LINH



TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI THANH HÓA:

Từ tầm nhìn tới hành động

Theo dự báo, tổng mức phát thải khí nhà kính (KNK) của Thanh Hóa (phương án cơ sở) đến năm 2020 ước đạt 22.353,2 nghìn tấn CO₂-eq và đến năm 2030, ước đạt 30.364,4 nghìn tấn CO₂-eq. Nhằm giảm phát thải, thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo, xây dựng lối sống xanh và đẩy mạnh sản xuất sạch hơn, ngày 28/1/2016, UBND tỉnh Thanh Hóa đã phê duyệt Kế hoạch hành động số 359/QĐ-UBND về thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh (TTX) tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Sau hơn 2 năm triển khai, tỉnh đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, trở thành tấm gương cho nhiều tỉnh, thành khác học tập.

Để thực hiện có hiệu quả Chiến lược TTX, Thanh Hóa chủ trương phát triển các ngành kinh tế xanh, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng, tài nguyên thiên nhiên hướng đến nền kinh tế các bon thấp, làm giàu vốn tự nhiên, giảm phát thải phù hợp với nguồn lực và tình hình thực tế của địa phương. Đồng thời, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao chất lượng cảnh quan môi trường, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường, góp phần thích ứng với biến đổi khí hậu.

Theo đó, tỉnh phấn đấu đến năm 2020, giảm lượng phát thải KNK so với phương án phát triển bình thường là 14%; (mức giảm địa phương tự nguyện là 7,5%; 6,5% còn lại là mức giảm khi có hỗ trợ từ quốc gia và quốc tế). Đến năm 2030, giảm lượng phát thải KNK so với phương án phát triển bình thường là 23%; (mức giảm địa phương tự nguyện là 13%; 10% còn lại là mức giảm khi có hỗ trợ từ quốc gia và quốc tế). Về xanh hóa sản xuất, lối sống, Thanh Hóa xác định, đến năm 2020, giá trị sản phẩm ứng dụng công nghệ cao, công nghệ xanh chiếm trên 30% GDP,



▲ Lễ công bố Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược TTX của tỉnh Thanh Hóa

tăng lên khoảng 45% vào năm 2025 và đạt trên 60% vào năm 2030; Tỷ lệ che phủ rừng đạt 52,5% năm 2020, khoảng hơn 60% diện tích toàn tỉnh được che phủ bởi rừng và cây xanh tập trung vào năm 2025; Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý tại đô thị đạt 91%, 85% chất thải rắn thông thường và 80% chất thải rắn nguy hại được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn. Ngoài ra, 50% đô thị loại IV trở lên đạt tiêu chí đô thị xanh...

Trên cơ sở mục tiêu đề ra, trong thời gian qua, Thanh Hóa tập trung mọi nguồn lực: Hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực bằng việc xây dựng cơ chế hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, khuyến khích phát triển vùng trồng thâm canh; đẩy mạnh chuyển đổi mô hình trồng lúa sử dụng phân bón từ vô cơ sang hữu cơ; phát triển vùng luồng thâm canh, rừng gỗ lớn, tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến lâm sản

và tạo bể hấp thụ khí CO₂; sử dụng các thiết bị điện, phương tiện giao thông tiết kiệm năng lượng; thu hút các dự án cải tạo, nâng cấp đê, hồ chứa nước ngọt khu vực ven biển. Bên cạnh đó, tỉnh còn tổ chức nhiều khóa tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ, chuyên viên các cơ quan dưới sự hướng dẫn của Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID), Tổ chức Phát triển nông nghiệp quốc tế (WinRock)...

Với nỗ lực trên, Thanh Hóa đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận. Cụ thể, năm 2017, tỷ lệ che phủ rừng đạt 53,03%, vượt mục tiêu đề ra (năm 2020 đạt 52,5%); 73% chất thải nguy hại, 82,5% chất thải rắn thông thường, 85% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn (năm 2020 đạt 80%, 85% và 91%); tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch đạt 89% (năm 2020 đạt 95%). Ngoài ra, tỉnh đã thực hiện



tái cơ cấu ngành nông nghiệp; đến nay, đã chuyển đổi được 12.927 ha đất lúa, 4.624,5 ha mía kém hiệu quả sang trồng các loại cây khác có giá trị, hiệu quả kinh tế cao hơn như ngô, ổi, cây ăn quả...

Về thu hút dự án đầu tư, hiện tỉnh đã cấp giấy chứng nhận đầu tư thực hiện dự án Nhà máy ép tre công nghiệp Tam Thanh (công suất 100.000 m³ sản phẩm/năm), dự án Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam (diện tích 160 ha) do Công ty CP Mía đường Lam Sơn thực hiện, dự án Nhà máy Điện mặt trời Thanh Hóa I tại Khu kinh tế Nghi Sơn (công suất 160 MW), cùng một số dự án chế biến gỗ công nghiệp. Cùng với đó, các nhà đầu tư đang tiến hành khảo sát, lập dự án đối với Nhà máy Điện mặt trời khu vực Lam Sơn - Sao Vàng.

Nhờ xác định thực trạng của tỉnh về TTX, nhất là mức phát thải KNK, trên cơ sở khai thác được tiềm năng, lợi thế, Thanh Hóa đã tập trung nguồn lực, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bước đầu đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo tiền đề vững chắc trong việc phấn đấu hoàn thành mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện kế hoạch hành động về TTX, tỉnh vẫn còn gặp phải một số khó khăn: Mô hình tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng, dựa vào tài nguyên đất đai, khoáng sản, nguồn nước, lao động để tăng quy mô sản xuất, việc phát triển theo chiều sâu, dựa vào công nghệ hiện đại còn hạn chế; biến đổi khí hậu làm gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan, suy giảm chất lượng hệ sinh thái, tác động tiêu cực đến đời sống và sản xuất của nhân dân...

Thời gian tới, Thanh Hóa cần được hỗ trợ về mặt kỹ thuật, phương pháp để xây dựng, thu thập số liệu đầu vào đối với các chỉ tiêu về TTX như: tỷ lệ đạt quy chuẩn môi trường của chất lượng không khí; thực hiện nông nghiệp xanh; giá trị sản phẩm ngành công nghệ cao, công nghệ xanh trong GDP. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện khung pháp lý về lồng ghép các tiêu chí TTX vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm■

NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC

NGÀNH CÔNG THƯƠNG TÍCH CỰC TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH THỰC HIỆN THỎA THUẬN PARI VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU



Vừa qua, Bộ Công Thương đã chủ trì tổ chức Hội thảo Phương pháp luận xây dựng kế hoạch thực hiện Báo cáo đóng góp quốc gia tự xác định lĩnh vực năng lượng, góp phần thực hiện Thỏa thuận Pari về biến đổi khí hậu (BĐKH).

Với tinh thần trách nhiệm, chủ động, Việt Nam đã gửi Ban thư ký Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH (UNFCCC) tại Hội nghị COP21 Dự kiến đóng góp quốc gia tự quyết định (INDCs) và nay là đóng góp quốc gia tự quyết định (NDCs) ngay sau khi Thỏa thuận Pari có hiệu lực.

Theo Báo cáo INDCs, Việt Nam cam kết giảm 8% lượng phát thải khí nhà kính (KNK) so với kịch bản phát thải thông thường. Trong đó, phát thải KNK từ lĩnh vực năng lượng ngày càng tăng nhanh, ước tính chiếm tới 80% tổng phát thải quốc gia vào năm 2030. Còn theo nghiên cứu của Bộ Công Thương, dự báo đến năm 2035, tổng nhu cầu năng lượng cuối cùng đạt gần 135

triệu tấn dầu quy đổi (MTOE) tăng gấp 2,5 lần so với năm 2015 là 54 MTOE.

Thực hiện Quyết định số 2053/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Pari về BĐKH, Bộ Công Thương đã giao Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững phối hợp với các Bộ/ngành liên quan, tổ chức quốc tế, nhà tài trợ thực hiện nghiên cứu, đánh giá và đề xuất giải pháp và kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Pari và NDCs trong lĩnh vực năng lượng.

Tại Hội thảo, các chuyên gia đã trình bày kết quả nghiên cứu và trao đổi, thảo luận về cách tiếp cận, phương pháp tính toán nhằm xây dựng kế hoạch triển khai NDCs trong lĩnh vực năng lượng. Điều này sẽ góp phần quan trọng trong quá trình tính toán, cập nhật NDCs của quốc gia, xác lập các mốc tính toán lượng giảm phát thải cho các ngành sản xuất và tiêu dùng năng lượng.

NHẬT MINH

Hiệu quả từ mô hình canh tác lúa giảm phát thải khí nhà kính ở An Giang



▲ Năng suất lúa tăng nhờ áp dụng mô hình thân thiện với môi trường

Tỉnh An Giang có hơn 80% dân số sống bằng nghề nông, với lúa là cây trồng chủ yếu, có vị trí quan trọng đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và đóng góp lớn vào tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Để đảm bảo sản xuất bền vững, nhiều mô hình canh tác lúa hiệu quả được người nông dân ứng dụng như sạ hàng, “3 giảm 3 tăng”, hệ thống thâm canh lúa (SRI), “1 phải 5 giảm” và gần đây nhất là “1 phải 6 giảm” (1P6G). Hợp tác xã nông nghiệp (HTX NN) Phú Thượng, xã Phú Thành, huyện Phú Tân được lựa chọn để triển khai thí điểm mô hình 1P6G.

MÔ HÌNH 1P6G THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

1P6G là mô hình tiên tiến, được xây dựng, phát triển dựa trên nền tảng của kỹ thuật “1 phải, 5 giảm” kết hợp với giảm phát thải KNK. “1 phải” là sử dụng giống lúa cấp xác nhận hoặc nguyên chủng mà ngành Nông nghiệp địa phương khuyến cáo đưa vào sản xuất. “5 giảm” gồm: Giảm lượng hạt giống gieo trồng; phân bón; sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV); lượng nước tưới và thất thoát sau thu hoạch. Mô hình có ưu điểm giúp nông dân cải tiến việc quản lý các số liệu theo dõi mực nước, sinh

trưởng, nông học và sâu bệnh trên ruộng lúa thí điểm tại nông hộ. Bên cạnh đó, nông dân còn có thể tự hạch toán chi phí sản xuất (lợi nhuận thu được/vụ) để có điều chỉnh quy trình canh tác nhằm giảm chi phí đầu tư, giảm ô nhiễm môi trường, đồng thời tăng thêm thu nhập.

Theo mô hình 1P6G, về lượng hạt giống, trước hết, người nông dân tiến hành cây lật phơi ải, dẫn nước thau chua rửa mặn, bừa ngả và kỹ, san phẳng mặt ruộng để gieo sạ. Đối với hạt giống, cần phơi nắng 2 h rồi pha nước muối 10% để loại bỏ hạt lép lửng, sau đó, rửa sạch ngâm 48 h ủ nứt nanh, tiếp tục thực hiện “ngày ngâm, đêm ủ” điều chỉnh rễ mầm cân đối, cuối cùng tiến hành gieo sạ bằng máy. Thực hiện mô hình này, lượng giống cho gieo sạ 1 ha là 35 kg, dự phòng 5 kg/ha, mật độ từ 100

- 110 cây/m², thấp hơn nhiều so với cách gieo truyền thống, lên đến 200 kg/ha.

Đối với phân bón, dùng phân lót NPK bón lót sâu trước bừa, để lắng bùn rút cạn nước mới sạ nhằm tránh giảm mất phân do rửa trôi và bốc hơi. Bón nhử khi lúa chuẩn bị đẻ nhánh sau sạ 41 ngày với 55 kg đạm urê/ha. Bón khi đất ẩm, mức nước nông nhằm giảm phát thải khí N₂O. Bón thúc lần một khi lúa đẻ nhánh kết hợp dặm tía sau sạ 48 ngày giúp lúa đẻ nhánh sớm, tập trung. Bón thúc lần hai khi lúa đứng cái, đồng thời tiến hành phun chế phẩm SH khi lúa 2,5 lá. Việc đo đếm khí phát thải KNK được thực hiện 4 lần: lần 1 sau sạ 40 ngày, lần 2 sau sạ 54 ngày, lần 3 sau sạ 90 ngày và lần 4 sau sạ 102 ngày. Với cách làm trên sẽ giúp hạn chế lượng phân, giảm phát thải cũng như hạn chế sâu bệnh hơn so với diện tích lúa đối chứng.

Về lượng nước tưới, phát thải KNK trong sản xuất lúa nước sinh ra chủ yếu do quá trình ruộng lúa bị ngập nước. Khi nước bao trùm lên toàn bộ bề mặt sẽ dẫn đến phản ứng hóa học xảy ra ở dưới đất, gọi là quá trình ô xi hóa khử. Quá trình chuyển hóa các chất dinh dưỡng, quang hợp của cây lúa, của hệ vi sinh vật yếm khí nằm ở dưới đất sẽ sinh ra những chất như N₂O hoặc khí metan gây KNK. Do đó, từ khi gieo đến lúc chuẩn bị đẻ nhánh, mặt ruộng cần được giữ ẩm. Khi lúa bắt đầu đẻ nhánh đến kết thúc đẻ nhánh mới đưa nước nông vào mặt ruộng từ 5 - 7



cm. Giai đoạn đẻ nhánh kết thúc được 7 - 10 ngày tiến hành rút cạn nước. Lúa trước trở và sau trở bông, ruộng được bơm ngập nước 7 - 10 cm. Trước thu hoạch 10 ngày, rút cạn nước để thúc đẩy quá trình chín và thuận tiện cho thu hoạch. Sử dụng phương pháp tưới nước như trên, lá lúa cứng hơn, khả năng đẻ nhánh cũng tập trung và sớm hơn, lên tới 350 dảnh/m² (phương pháp truyền thống là 290 dảnh/m²), tiết kiệm được lượng nước khá lớn (khoảng 7.000 m³/ha). Ngoài ra, kết quả đo khí thải trên ruộng còn cho thấy mô hình thí nghiệm chỉ còn 3 tấn khí thải, giảm được 4 tấn so với ruộng đối chứng.

Đối với sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, chỉ phun thuốc khi cần thiết và tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng: thuốc, liều lượng, thời điểm và phương pháp. Cùng với đó, để giảm thất thoát sau thu hoạch, theo mô hình, người nông dân sẽ thu hoạch lúa bằng máy gặt đập liên hợp, không phơi lúa trên đường mà sử dụng phương pháp sấy lúa để đảm bảo chất lượng hạt lúa. Bên cạnh đó, bỏ tập quán đốt rơm rạ trên đồng, thay vào đó nông dân đã đầu tư máy cuốn rơm để bán rơm cho những nơi khác trồng rẫy hoặc nấm.

Theo kết quả đánh giá, áp dụng mô hình 1P6G, lúa gieo cấy ít bị dịch hại và đạt năng suất cao 9 tấn/ha (vụ đông xuân), lợi nhuận đạt 37 triệu đồng/ha; sạ hàng đạt 8,5 tấn/ha, lợi nhuận 22 triệu đồng/ha; trong khi ruộng đối chứng theo hình thức sạ lang truyền thống của nông dân địa phương năng suất đạt 8,3 tấn/ha, lợi nhuận chỉ đạt 12 triệu đồng/ha. Như vậy, theo mô hình mới này, năng suất lúa trung bình cao hơn khoảng 10%, lợi nhuận tăng bình quân 7,3 triệu đồng/ha, tăng thêm thu nhập cho nông dân 5 - 10% thông qua việc giảm chi phí sản xuất như: Giảm mật độ gieo sạ, chi phí phân bón, thuốc BVTV, nước và công lao động. Ngoài ra, quy trình kỹ thuật này còn làm cho chất lượng lúa gạo nâng lên, giảm tác động môi trường, ô nhiễm nguồn nước ra kênh rạch và giảm các ảnh hưởng tác động bất lợi đến sức khỏe người nông dân.

NHÂN RỘNG MÔ HÌNH

Nếu như vụ đông xuân 2012 - 2013, tại HTX NN Phú Thượng chỉ có 9 hộ nông dân tham gia thực hiện mô hình 1P6G thì đến nay, đã có 150 hộ áp dụng kỹ thuật này, với tổng diện tích 286 ha, chiếm 60% thành viên của HTX và dự kiến tiếp tục tăng thêm.

Điển hình như hộ gia đình bà Nguyễn Thị Nương, xã viên HTX NN Phú Thượng đã áp dụng mô hình canh tác lúa giảm phát thải KNK 1P6G, với 2 ha sản xuất lúa. Sau khi gieo sạ, bà thấy ruộng hộ kế bên lên xanh trong khi ruộng nhà mình vẫn toàn thấy đất, lúa bị bệnh mà cán bộ hướng dẫn không cho phun xịt. Tuy nhiên, nhờ kiên trì áp dụng đúng kỹ thuật, qua 40 ngày, lúa của bà phát triển tốt, chỉ tốn 1 lần phun thuốc và giảm 30% lượng phân bón. Năng suất lúa tăng 10% so với trước, đặc biệt là lợi nhuận cao hơn hộ bên ngoài mô hình khoảng 7 triệu đồng/ha. Không chỉ áp dụng trong gia đình, bà Nương còn chia sẻ kinh nghiệm với nhiều hộ khác.

Canh tác lúa giảm phát thải KNK triển khai trên địa bàn HTX NN Phú Thượng đã mang lại những lợi ích về mặt kinh tế - xã hội và môi trường. Tuy nhiên, việc áp dụng kỹ thuật 1P6G chỉ dừng lại ở mức độ nhất định, một số hộ vẫn chưa thay đổi hoàn toàn theo quy trình của gói kỹ thuật 1P6G do phụ thuộc nhiều vào điều kiện canh tác cũng như mặt bằng ruộng, thủy lợi nội đồng, diện tích canh tác... Vì vậy, cần có nghiên cứu sâu hơn để khuyến

cáo các quy trình canh tác đối với kỹ thuật này trên nhiều vùng sinh thái khác nhau để nông hộ có thể linh hoạt, mềm dẻo trong việc áp dụng.

Thời gian tới, ngành nông nghiệp tỉnh An Giang sẽ dựa trên kết quả đánh giá đầy đủ về hiệu quả kinh tế, môi trường canh tác lúa giảm khí thải nhà kính để xây dựng và nhân rộng mô hình trên toàn tỉnh, liên kết sản xuất xây dựng cánh đồng lớn gắn với BVMT, giảm phát thải KNK ứng phó với BĐKH trong sản xuất nông nghiệp. Tỉnh cũng sẽ kêu gọi doanh nghiệp tham gia, liên kết sản xuất với nông dân; tập trung đầu tư hoàn thiện, đồng bộ hệ thống thủy lợi, thủy nông nội đồng nhằm chủ động điều tiết nguồn nước... Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền trên Bản tin của Sở NN&PTNT, Bản tin khuyến nông, báo, đài phát thanh truyền hình địa phương; in và phát hành tài liệu, poster về hướng dẫn quy trình; cử cán bộ kỹ thuật tham gia tư vấn giúp bà con về giống, phân bón, thuốc BVTV... trong sản xuất lúa nhằm ứng phó với hạn, mặn ■

NGUYỄN VĂN LÂM



▲ Nông dân An Giang sử dụng máy cuốn rơm phục vụ sản xuất nông nghiệp



TRAO GIẢI CUỘC THI "XÂY DỰNG Ý TƯỞNG TIÊU DÙNG BỀN VỮNG"

Ngày 18/7/2018, tại Hà Nội, trong khuôn khổ Dự án “Hỗ trợ tăng cường năng lực và đổi mới thể chế thực hiện tăng trưởng xanh và phát triển bền vững ở Việt Nam (CIGG)” do Vụ Khoa học, Giáo dục, TN&MT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ quản, đã tổ chức trao giải cho 3 bài dự thi xuất sắc, sáng tạo và có tính ứng dụng cao nhất Cuộc thi “Xây dựng ý tưởng tiêu dùng bền vững”.

Đây là chuỗi hoạt động thuộc Chương trình “Hành trình xanh vì Việt Nam xanh”. Chương trình được thực hiện dưới hình thức hành trình xuyên suốt dọc đất nước để tiếp cận hàng nghìn sinh viên chuyên ngành về kế hoạch, môi trường, kỹ thuật, chế tạo... tại 9 trường đại học lớn ở cả ba miền: Bắc, Trung, Nam, nhằm mục đích thúc đẩy sinh viên tìm hiểu về tăng trưởng xanh và đóng góp những ý tưởng sáng tạo, có khả năng ứng dụng cao, góp phần hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh với những tác động tích cực đến cộng đồng, thanh niên, sinh viên, giúp nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân về sản xuất xanh, lối sống xanh và tiêu dùng bền vững.

Ba bài dự thi đạt giải “Xây dựng ý tưởng tiêu dùng bền vững” đều khai thác các vấn đề thực tiễn của đời sống, đồng thời đề xuất giải pháp thực hiện tiêu dùng bền vững thiết thực và hiệu quả. Cảm hứng của các đề án nghiên cứu này đều xuất phát từ thực tế sử dụng tài nguyên thiếu bền vững, gây ô nhiễm môi trường trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và thương mại... Đây cũng là các bài dự thi có cách thể hiện độc đáo, phong phú



▲ Tác giả Nguyễn Vũ Đức Thịnh (Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh) - người đạt Giải Nhì và Ba chia sẻ tại buổi Lễ

bằng hình ảnh trực quan, sơ đồ quy trình cụ thể với các số liệu nghiên cứu chi tiết, công phu.

Kết quả, Ban Tổ chức đã trao Giải Nhất cho tác giả Nguyễn Thị Thúy Hằng và Đào Thị Tuyết Nhung (Đại học Khoa học Tự nhiên Hà Nội) với đề án: Tái sử dụng giấy in viết làm vật liệu trang trí; Giải Nhì cho tác giả Huỳnh Ngọc Thu Hương và Nguyễn Vũ Đức Thịnh (Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh) với đề án: Mô hình xử lý nước thải sinh hoạt bằng cây rau muống; Giải Ba cho tác giả Nguyễn Vũ Đức Thịnh

(Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh) với đề án: Nghiên cứu đánh giá khả năng xử lý chất hữu cơ tồn đọng trong nước thải chăn nuôi đã qua hầm biogas của than sinh học có nguồn gốc từ phế phẩm nông nghiệp (rơm rạ).

Đây là Chương trình có ý nghĩa, là cơ hội để thế hệ trẻ tiếp cận xu hướng phát triển xanh trên thế giới. Hy vọng rằng, những ý tưởng đạt giải sẽ có cơ hội được giới thiệu tới nhà đầu tư tiềm năng để trở thành các mô hình khởi nghiệp xanh tiên phong tại Việt Nam.

THANH TUẤN

NGÀNH CHĂN NUÔI PHÁT HÀNH HƠN 1 TRIỆU TÍN CHỈ CÁC BON

Vừa qua, Bộ NN&PTNT đã tổ chức Lễ công bố phát hành thêm hơn 1 triệu tín chỉ giảm phát thải khí nhà kính (KNK) từ các công trình khí sinh học (KSH) quy mô nông hộ trong khuôn khổ Dự án Chương trình KSH cho ngành chăn nuôi Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020.

Hiện nay, doanh thu từ bán tín chỉ các bon đã đóng góp hơn 50% tổng kinh phí thực hiện Chương trình trong bối cảnh nguồn vốn viện trợ ODA giảm dần và nguồn đối ứng của Chính phủ còn hạn chế.

Theo ông Tống Xuân Chinh, Phó Cục trưởng Cục Chăn nuôi kiêm Giám đốc Dự án, Chương trình KSH Việt Nam đã đăng ký thành công với Tổ chức Chứng nhận quốc tế Gold Standard (Tiêu chuẩn Vàng) kỳ phát hành đầu tiên vào năm 2013. Đến năm 2016, Dự án tiếp tục phát hành lần 2 với tổng số hơn 1,2 triệu tín chỉ các bon và thu về 2,5 triệu USD.

Trong giai đoạn 3 (2016 - 2020), Chương trình đã đề

trình lên Tổ chức chứng nhận quốc tế Gold Standard thẩm định, chứng nhận phát hành thương mại thêm 1.072.197 tín chỉ các bon. Đây sẽ là nguồn lực đáng kể để tái đầu tư, phát triển Chương trình trong thời gian tới nhằm đạt được mục tiêu xây dựng 500.000 hầm KSH đến năm 2020, góp phần giảm thải 1,46 triệu tấn CO₂ mỗi năm.

CHÍ VIỄN



Tăng cường trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp FDI về bảo vệ môi trường và người lao động

TS. NGUYỄN MINH PHONG

ThS. NGUYỄN TRẦN MINH TRÍ

Doanh nghiệp (DN) thời hội nhập cần nghiêm túc tuân thủ trách nhiệm đối với BVMT và người lao động, vì đó là động lực cho sự phát triển ổn định, bền vững... Bên cạnh đó, Nhà nước cần tăng cường năng lực thể chế, hoàn thiện cơ sở pháp lý, kiện toàn bộ máy, đồng bộ trong công tác BVMT và lao động, kiên quyết xử lý những hành vi vi phạm, đồng thời hỗ trợ tích cực cho các tổ chức xã hội, BVMT và người lao động.

BVMT VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI TRONG VĂN HÓA DN THỜI HỘI NHẬP

Văn hóa doanh nghiệp (VHDN) được coi là nét đặc trưng, tài sản và nền tảng để phát triển DN, là tổng hòa các nhận thức và hoạt động liên quan đến nghĩa vụ của DN đối với Nhà nước (nộp thuế, tuân thủ pháp luật...); với xã hội (tôn trọng quyền lợi người tiêu dùng, hợp đồng với đối tác và BVMT, làm từ thiện...) và trong ứng xử nội bộ của DN (quan hệ đồng nghiệp, cấp trên - cấp dưới, lao động với chủ sử dụng lao động, các ứng xử và giá trị truyền thống tinh thần giữa các đơn vị, cá nhân trong DN...).

Trách nhiệm xã hội (TNXH) của DN phản ánh sự quan tâm và phản ứng của DN với các vấn đề vượt ra ngoài việc thỏa mãn những yêu cầu pháp lý, kinh tế, công nghệ; bao gồm cả sự mong đợi của xã hội về kinh tế, luật pháp, đạo đức và tính bền vững, trách nhiệm môi trường đối với các tổ chức tại một thời điểm nhất định...

Như vậy, VHDN và TNXH của DN đều có điểm chung, bên cạnh những nguyên tắc và lợi ích phát triển riêng của từng DN phù hợp với pháp luật hiện hành. Do đó, mọi DN cần quan tâm và phải gắn kết quyền lợi và trách nhiệm của mình với lợi ích phát triển chung của cộng đồng xã hội. Trước hết, trách nhiệm

với thị trường và người tiêu dùng; trách nhiệm BVMT; với người lao động và cộng đồng. Đặc biệt, ứng xử của DN với môi trường và người lao động là 2 nội dung quan trọng về TNXH trong VHDN, bên cạnh các nội dung khác về mức độ tuân thủ pháp luật, sự tôn trọng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng...

Trách nhiệm với môi trường đòi hỏi DN sử dụng công nghệ và quản lý quá trình sản xuất, kinh doanh tiết kiệm các nguồn năng lượng, vật liệu và tài nguyên (đặc biệt là tài nguyên không tái tạo), ít phát thải và gây tổn hại môi trường...

Trách nhiệm với người lao động không chỉ yêu cầu DN trả lương, đóng bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp và bảo đảm các quyền lợi người lao động theo đúng hợp đồng mà còn cần quan tâm đào tạo tay nghề, cải thiện môi trường, thời gian làm việc và bảo vệ sức khỏe, việc làm lâu dài, ổn định cho lao động.

Ở Việt Nam, trong những năm gần đây, nhận thức và các thể chế về VHDN và TNXH của DN từng bước hình thành, phát triển được đề cao ở cả cấp vĩ mô, lẫn vi mô.

Ngày 25/9/2012, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1393/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh (TTX); ngày 20/3/2014, ban hành Quyết định số 403/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về TTX giai đoạn

2014 - 2020, với các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện TTX thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050.

Đặc biệt, từ năm 2016, Thủ tướng Chính phủ quyết định lấy ngày 10/11 hàng năm là "Ngày Văn hóa DN Việt Nam", khẳng định vai trò, vị trí và tầm quan trọng của VHDN; tôn vinh các doanh nhân, DN có thành tích xuất sắc trong việc xây dựng VHDN; tuyên truyền, phổ biến và nâng cao nhận thức về VHDN, thúc đẩy việc xây dựng, phát triển VHDN trong cộng đồng DN Việt Nam và toàn xã hội.

Trước đó, Hiệp hội Phát triển VHDN (VNACB) được thành lập theo Quyết định số 2179/QĐ - BNV, ngày 27/12/2003 của Bộ Nội vụ. VNACB là tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoạt động với mục đích tập hợp, đoàn kết, hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau trong việc phát triển VHDN, đạo đức kinh doanh, phát huy yếu tố đạo đức nghề nghiệp gắn với TNXH... giữ vai trò là cầu nối giữa hội viên với các cơ quan chức năng của Nhà nước; góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển DN.

Năm 2016, Bảng xếp hạng "DN vì người lao động" được Thủ tướng Chính phủ cho phép nâng lên thành Giải thưởng "DN vì người lao động" và được trao thưởng 3 năm/lần, nhằm khuyến khích DN tạo ra một môi trường làm việc lý tưởng, kiến tạo



nền những giá trị tốt đẹp cho xã hội; đồng hành cùng DN trong hội nhập kinh tế thế giới...

Từ năm 2005, Việt Nam đã có Giải thưởng "TNXH hướng tới sự phát triển bền vững" do VCCI khởi xướng, nhằm tôn vinh các DN thực hiện tốt TNXH trong bối cảnh hội nhập. Năm 2006, có 50 DN ngành dệt may và da giày tham dự. Kết quả khảo sát cho thấy, nhờ thực hiện các chương trình TNXH, doanh thu của các DN này đã tăng 25%, năng suất lao động cũng tăng từ 34,2 - 35,8 triệu đồng/lao động/năm, tỷ lệ hàng xuất khẩu tăng từ 94% - 97%. Ngoài hiệu quả kinh tế, các DN còn tạo dựng hình ảnh với khách hàng, sự gắn bó và hài lòng của người lao động, thu hút lao động có chuyên môn cao...

Đến năm 2017, vinh danh 100/500 DN tham gia Chương trình và ghi nhận thêm những đại diện mới của khu vực tư nhân trong các ngành nghề đa dạng thuộc 2 lĩnh vực sản xuất và thương mại - dịch vụ - xây dựng. Đồng thời, Bộ chỉ số DN bền vững (CSI) thu gọn từ 151 chỉ tiêu ban đầu xuống 134 tiêu chí trên 3 lĩnh vực kinh tế - xã hội - môi trường. Chương trình "Đánh giá, xếp hạng DN bền vững tại Việt Nam" được tổ chức thường niên, theo chỉ đạo của Chính phủ tại Thông báo số 398/TB-VPCP ngày 15/12/2015 về việc xếp hạng DN bền vững từ năm 2016, nhằm vinh danh và khích lệ các DN trong thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững như một yêu cầu và xu hướng cấp thiết mang tính toàn cầu, đã được 193 quốc gia thành viên của Liên hợp quốc thông qua từ năm 2015. Những điểm nhấn tích cực nêu trên cho thấy sự quan tâm và sự nỗ lực kiến tạo môi trường thuận lợi của Nhà nước và cải thiện kết quả hoạt động của cộng đồng DN về phát triển bền vững. Dù vậy, con số 500 DN đăng ký tham gia Chương trình, tức chỉ khoảng một phần nghìn trong tổng số hơn nửa triệu DN đang hoạt động trên mọi lĩnh vực và địa bàn cả nước. Điều này cho thấy sự khiêm tốn về số lượng và tiềm năng có thể mở rộng quy mô sân chơi mới này cho cộng đồng DN, nhất là trong lĩnh vực sản xuất tiêu thụ nhiều tài nguyên và năng lượng không tái tạo; không ngừng nhân rộng những điển hình phát triển bền vững, tạo "giấy thông hành thế hệ mới" cho sự tham gia của các DN vào nền kinh tế toàn cầu...

TĂNG CƯỜNG TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DN FDI ĐỐI VỚI BVMT VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, sau gần 30

mở cửa, Việt Nam đã đạt được nhiều thành công đáng ghi nhận về thu hút dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Tính đến năm 2017, Việt Nam thu hút 2.591 dự án FDI mới, với tổng 21,3 tỷ USD, tăng 3,5% về số dự án và tăng 42,3% về vốn so với cùng kỳ năm 2016; có 1.188 lượt dự án tăng vốn đầu tư đạt 8,4 tỷ USD, tăng 49,2%; 5.002 lượt nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần là 6,2 tỷ USD, tăng 45,1% so với năm 2016. Vốn FDI thực hiện ước đạt 17,5 tỷ USD, tăng 10,8% so với năm 2016. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 47,6% tổng vốn đăng ký mới và bổ sung. Trong đó, Thanh Hóa có số vốn FDI đăng ký lớn nhất, chiếm 14,8% tổng vốn đăng ký cấp mới của 58 tỉnh/ TP trực thuộc Trung ương có dự án FDI được cấp phép mới. Nhật Bản là nhà đầu tư lớn nhất chiếm 36,4% tổng vốn đăng ký cấp mới trong số 80 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong năm 2017.

Đến nay, FDI đã có mặt ở 63 tỉnh/TP trên cả nước và ngày càng mở rộng trên nhiều lĩnh vực, từ khai khoáng, nông lâm nghiệp đến công nghiệp chế biến và các ngành dịch vụ như bất động sản, y tế, giáo dục, khách sạn... Theo đó, công nghiệp chế biến chiếm tỷ trọng cao nhất (53,8%), tiếp theo là dịch vụ bất động sản (20,9%), còn lại các ngành khác có tỷ trọng dưới 5%. Tổng cộng có 101 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư vào Việt Nam, trong đó, đứng đầu là Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapo, Đài Loan, Hồng Kông...

Khu vực DN FDI đang chiếm khoảng 25% trong tổng đầu tư xã hội (tổng vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2017 theo giá hiện hành ước

tính đạt 1.667,4 nghìn tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm 2016 và bằng 33,3% GDP. Trong đó, vốn khu vực Nhà nước chiếm 35,7% tổng vốn và tăng 6,7% so với năm trước; khu vực ngoài Nhà nước chiếm 40,5% và tăng 16,8%; khu vực FDI chiếm 23,8% và tăng 12,8%); đóng góp 18,7% GDP, khoảng 19% tổng thu ngân sách Nhà nước, tạo ra là 4 triệu việc làm (năm 2017) và chiếm khoảng 70% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng năm (Riêng Samsung tại Việt Nam mỗi năm đã xuất khẩu khoảng 30 tỷ USD, chiếm khoảng 20% tổng xuất khẩu của Việt Nam) tạo động lực tích cực cải thiện cơ cấu xuất khẩu và cân đối ngoại thương của Việt Nam. Hiện có khoảng 30 DN Việt Nam tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia.

Lao động trong nhiều DN FDI cũng ngày càng được quan tâm, bảo vệ quyền lợi. Qua rà soát, đánh giá của Liên đoàn Lao động (LĐLĐ) tỉnh Bắc Giang thực hiện yêu cầu thành lập thư viện thỏa ước điện tử của Tổng LĐLĐ Việt Nam, có tới 80% thỏa ước trên địa bàn tỉnh có lợi cho người lao động (NLĐ), nằm ngoài các quy định bắt buộc của pháp luật lao động. Một số DN thực hiện nghiêm việc ký mới, ký lại hoặc bổ sung phụ lục phát sinh với điều khoản có lợi cho NLĐ như: Công ty TNHH Nichirin Việt Nam (KCN Quang Châu) có điều khoản cho phép công nhân nghỉ giữa ca để giảm căng thẳng; Công ty TNHH Việt Pan Pacific (TP. Bắc Giang) khen thưởng lao động tích cực theo tuần, tháng; Công ty TNHH Haem Vina (KCN Song Khê - Nội Hoàng) phát vitamin cho công nhân nữ có thai và ứng trước tiền lương 6 tháng nghỉ thai sản cho lao động nữ sinh



con để bảo đảm chi phí sinh hoạt...

Bên cạnh những thành công kể trên, thu hút FDI trong thời gian qua cũng bộc lộ nhiều bất cập, cụ thể: Chất lượng chưa tương xứng với số lượng; Các dự án FDI có công nghệ trung bình so với thế giới (80%), một phần đáng kể có công nghệ lạc hậu (14%) và chỉ có 6% có công nghệ cao. Việt Nam mới chỉ thu hút khoảng 100/500 Tập đoàn xuyên quốc gia hàng đầu thế giới, trong khi đó, Trung Quốc đã thu hút 400. Ngay cả trong trường hợp thu hút một số tập đoàn công nghệ cao nổi tiếng toàn cầu như Nokia, Samsung... sản xuất tại Việt Nam là công đoạn cuối, tức là chỉ lắp ráp, không đòi hỏi lao động chất lượng cao và công nghệ tiên tiến.

Mặt khác, mối liên kết giữa DN FDI và DN trong nước còn yếu, không hỗ trợ nhiều cho khu vực DN trong nước phát triển. Tỷ lệ sản phẩm đầu vào được mua từ các nhà chế biến, chế tạo trong nước ở tất cả loại hình DN FDI tương đối thấp. Các DN FDI nhập khẩu phần lớn thành phần đầu vào thông qua Công ty mẹ hay nhập trực tiếp, chỉ số ít sử dụng đầu vào từ các DN tư nhân trong nước. Hiện tượng thất thu thuế và chuyển giá trên thực tế là nghiêm trọng.

Thực tế cho thấy, nhiều Công ty hay Tập đoàn đang coi TNXH với môi trường và lao động là "gánh nặng, khi để xảy ra hàng loạt mặt hàng nông sản, thực phẩm không bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, gây hệ lụy tiêu cực đến môi trường. Đặc biệt, tình trạng lao động trong các khu DN có vốn FDI bị thất nghiệp sau tuổi 35 đang gia tăng về TNXH của DN đối với lao động và áp lực an sinh xã hội từ khu vực DN FDI...

Bởi vậy, cần tăng cường nhận thức và chỉ đạo, điều hành việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống luật thực hiện chính sách quốc gia liên quan đến hoàn thiện các giá trị cụ thể về TNXH của DN đối với môi trường và lao động trong VHDN, hướng cộng đồng dân cư và DN vào các giá trị dân chủ, tiến bộ và phát triển bền vững.

Tăng cường kết nối và kiểm tra theo quy trình đồng bộ trong công tác BVMT và lao động từ Trung ương đến địa phương, đồng thời hỗ trợ tích cực cho các tổ chức xã hội, BVMT và người lao động. Với tinh thần đó, từ 1/1/2018 Bộ luật Hình sự có hiệu lực sẽ xử lý hình sự đối với Pháp nhân thương mại phạm tội. Theo đó, có 33 trong tổng số 317 tội danh trong Bộ luật Hình sự được áp dụng xử lý đối với Pháp nhân thương mại, đó là các tội buôn lậu, trốn thuế, gây ô nhiễm môi trường, buôn bán hàng cấm và hàng giả... Đây là một bước tiến mới của Luật Hình sự Việt Nam



▲ Công ty CPHH Vedan Việt Nam phối hợp với Hội Khuyến học huyện Long Thành (Đồng Nai) trao học bổng cho học sinh, sinh viên vượt khó năm học 2017 - 2018

tiệm cận với luật pháp quốc tế. Các DN hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận (không kể các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể, tổ chức phi lợi nhuận) nếu vi phạm đều sẽ bị xử lý hình sự, không phân biệt DN FDI hay trong nước; không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế. Đây là một bước tiến bộ hướng tới kiện toàn hệ thống pháp luật của Việt Nam, để tiệm cận với khung khổ pháp lý các nước trên thế giới.

Trên cơ sở đó, các Bộ/ngành, địa phương cần chủ động phân công và phối hợp cụ thể, để cao trách nhiệm người đứng đầu và cá nhân được giao; đẩy mạnh tuyên truyền, triển khai nghiêm túc, hiệu quả các quy định của pháp luật... Đồng thời, tăng cường thanh tra, kiểm tra kịp thời xử lý các hành vi vi phạm pháp luật BVMT và người lao động; thành lập và giới thiệu các tổng đài, số điện thoại nóng, trang tin tư vấn, dịch vụ về BVMT và người lao động.

Cần khuyến khích các thiết chế đại diện, trung gian, các tổ chức phi Chính phủ,

Hiệp hội, nhóm lợi ích... là các tổ chức dân sự đóng vai trò lớn trong việc ngăn chặn và bảo vệ quyền lợi người lao động và người tiêu dùng về những vi phạm TNXH của DN với môi trường và lao động. Tăng cường giám sát và phản biện xã hội và cả sức ép xã hội cho xây dựng VHDN, đạo đức kinh doanh cho các doanh nhân về trách nhiệm với môi trường và lao động; kịp thời phát hiện và khen thưởng, tôn vinh thích đáng các đơn vị và cá nhân có thành tích, trừng phạt nghiêm khắc các sai phạm...

Xây dựng TNXH của DN với môi trường và lao động trong VHDN ở Việt Nam nhằm tăng cường cam kết của DN đóng góp cho việc phát triển kinh tế bền vững, thông qua việc tuân thủ chuẩn mực về BVMT, bình đẳng về giới, an toàn lao động... Đây là quá trình lâu dài, đòi hỏi sự kiên trì, bền bỉ và quyết liệt, nhằm khẳng định các giá trị chuẩn quốc gia, hình thành môi trường kinh doanh thượng tôn pháp luật, để cao đạo đức kinh doanh, TNXH, cạnh tranh lành mạnh trong cộng đồng DN■



Phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới sản xuất, kinh doanh sản phẩm chè theo chuỗi giá trị tại Thái Nguyên

TS. PHẠM THỊ TỔ OANH

Liên minh HTX Việt Nam



▲ Người dân thu hái chè theo chuỗi an toàn

Thái Nguyên là vùng chè trọng điểm của cả nước, với trên 60 nghìn hộ trồng và chế biến chè. Tuy nhiên, sức cạnh tranh sản phẩm không cao, thương hiệu chè Thái Nguyên đã có nhưng chưa được đầu tư phát triển đầy đủ để tương xứng với tiềm năng. Vì vậy, vấn đề cấp thiết đặt ra cho ngành chè Thái Nguyên hiện nay là cần hình thành những HTX kiểu mới liên kết sản xuất giữa các nhóm nông dân và nối liền giữa các khâu, từ cung cấp đầu vào, sản xuất, thu gom, sơ chế, tiêu dùng hay còn gọi là chuỗi giá trị trong sản xuất chè.

Thái Nguyên là tỉnh đứng thứ 2 cả nước về diện tích và sản lượng chè. Năm 2017, toàn tỉnh Thái Nguyên có trên 21.300 ha chè, đóng góp 17% giá trị sản xuất trong ngành trồng trọt

của tỉnh; trong đó 18.750 ha chè đã cho thu hoạch, năng suất bình quân 112,6 tạ/ha, sản lượng chè búp tươi đạt gần 211.250 tấn, giá trị sản phẩm đạt 95 triệu đồng/ha. Chè được trồng tập trung chủ yếu ở các địa phương trong tỉnh như: TP. Thái Nguyên, huyện Phú Lương, Định Hóa, Đông Hỷ, Đại Từ, thị xã Phổ Yên, Sông Công và Võ Nhai. Để phát huy tiềm năng thế mạnh về cây chè đặc sản, hiện tỉnh Thái Nguyên đã quy hoạch, mở rộng vùng chè Tân Cương gồm các xã phía Tây TP như Tân Cương, Phúc Triu, Phúc Xuân, với tổng diện tích khoảng 1.300 ha. Trong đó,

chè kinh doanh chiếm hơn 1.000 ha, sản lượng trung bình khoảng 14.000 tấn/năm. Tại huyện Đại Từ, nông dân các xã hình thành các vùng chuyên canh cây chè như Hùng Sơn, La Bằng Phú Thịnh, Phú Xuyên ...

Trong những năm qua, mặc dù được coi là sản phẩm quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế, có lợi thế về cơ chế, chính sách hỗ trợ nhưng việc phát triển cây chè ở Thái Nguyên vẫn còn nhiều hạn chế, nhất là diện tích chè sản xuất theo quy trình VietGAP còn thấp. Hiện toàn tỉnh mới có trên 350 ha chè được cấp chứng nhận VietGAP. Việc đầu tư phát triển cây chè, chế biến phần lớn vẫn là kinh tế hộ, chưa thu hút được nhiều nguồn vốn từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào sản xuất, đặc biệt là chế biến. Nhiều hộ trồng chè do sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BTVT) không rõ nguồn gốc, dẫn đến chất lượng chè không đảm bảo chất lượng...

Để khắc phục vấn đề trên, Thái Nguyên đã đẩy mạnh phát triển HTX kiểu mới sản xuất, chế biến và kinh doanh chè theo chuỗi giá trị. Khi tham gia sản xuất theo chuỗi giá trị, HTX đóng vai trò thay thế nhiều trung gian trong kênh phân phối sản phẩm, khi kênh phân phối sản phẩm (chủ yếu là



nông dân - HTX - Doanh nghiệp) thì giá trị tăng thêm của chuỗi sản phẩm được phân chia cho các tác nhân trong chuỗi. Trong chuỗi giá trị, người tiêu dùng yêu cầu phải đảm bảo chất lượng chè an toàn, HTX thu thập thông tin và đàm phán với công ty phân bón về chủng loại, số lượng để tiến hành sản xuất chè theo yêu cầu. Có thể hình thành hai kiểu chuỗi giá trị: Chuỗi liên kết ngắn - ít trung gian (HTX chế biến chè về đầu ra và cung cấp cho tư thương. Trong chuỗi liên kết này chủ yếu có 3 tác nhân chính là nông dân trồng chè - HTX - tư thương); chuỗi liên kết dài - nhiều trung gian: (Nông dân trồng chè - thương lái thu mua - HTX - các tiểu thương bán chè tại chợ - công ty chế biến chè).

Các hộ nông dân trồng chè tham gia HTX trong chuỗi giá trị sẽ có được vị thế thuận lợi trong liên kết với các doanh nghiệp cung ứng vật tư, thu mua chè nguyên liệu để chế biến và xuất khẩu chè; giảm chi phí giao dịch, chống bị ép giá. Liên kết giữa các hộ trồng chè thông qua HTX, còn cho phép các hộ trồng chè mua được các vật tư nông nghiệp đảm bảo chất lượng; nhận được sự hỗ trợ về kỹ thuật sản xuất chè an toàn thông qua hợp đồng kinh tế giữa hợp tác xã và doanh nghiệp; tạo ra vùng nguyên liệu chè đạt chất lượng, đảm bảo vệ sinh môi trường, có xuất xứ địa lý rõ ràng.

Hiện toàn tỉnh Thái Nguyên hiện có 36 HTX kiểu mới sản xuất kinh doanh chè theo chuỗi giá trị. Bước đầu các HTX đạt được kết quả nhất định, doanh thu bình quân hàng năm của các HTX chè tăng 10% -15%, khoảng 135 tỷ đồng/năm. Kết quả cho thấy, việc tham gia HTX kiểu mới chất lượng chè được nâng cao giúp người nông dân giải quyết nhiều khó khăn về vốn đầu tư, xây dựng thương hiệu cũng như hình thành, phát triển chuỗi giá trị sản phẩm

chè, tạo sự gắn kết giữa nhà quản lý, nhà khoa học trong định hướng phát triển ngành chè. Ngoài ra, các HTX kiểu mới còn đóng vai trò là đầu mối cho sự hợp tác của các hộ sản xuất chè với doanh nghiệp trong việc quảng bá, giới thiệu sản phẩm, đưa thương hiệu chè vươn xa. Tạo ra vùng nguyên liệu chè có chất lượng tốt, đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, có xuất xứ địa lý rõ ràng. Nhờ đó, sản phẩm chè sau chế biến có thể chiếm lĩnh được thị trường trong nước và quốc tế bền vững, đạt hiệu quả kinh tế cao.

Trong thời gian tới, để đẩy mạnh phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới sản xuất, kinh doanh sản phẩm chè theo chuỗi, Liên minh HTX tỉnh Thái Nguyên tiếp tục xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế hợp tác; phối hợp với các ngành liên quan triển khai thực hiện các nội dung Đề án phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2017 - 2020, trong đó tập trung hỗ trợ xây dựng mô hình HTX sản xuất, kinh doanh chè gắn với chuỗi giá trị như: Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, hướng dẫn để các HTX kiểu mới xây dựng phương án sản xuất - kinh doanh; Tạo điều kiện cho các HTX vay vốn ưu đãi để mở rộng đầu tư, tạo việc làm, tăng thu nhập cho thành viên và người lao động; Tổ chức các khóa

đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý HTX kiểu mới và đơn vị thành viên; Hỗ trợ ứng dụng khoa học kỹ thuật, đưa dây chuyền công nghệ cao trong sản xuất; xây dựng thương hiệu sản phẩm, nhãn hiệu hàng hóa; xây dựng mô hình tiêu thụ sản phẩm cho các HTX, chương trình kết nối cung cầu giữa người trồng chè...

Cùng với đó, Liên minh HTX tỉnh cần tăng cường công tác quản lý thuốc BVTV trong sản xuất chè thông qua các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về quản lý, sử dụng thuốc BVTV an toàn cho các HTX. Đồng thời, tổ chức thường xuyên các lớp tập huấn về sử dụng an toàn thuốc BVTV cho nông dân ở các vùng sản xuất chè trọng điểm; tăng cường tuyên truyền về ứng dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất như "bón phân 4 đúng", "3 giảm, 3 tăng"... trong sản xuất chè; triển khai áp dụng công nghệ mới trong khảo nghiệm, sản xuất thử giống chè mới...

Ngoài ra, cần tăng cường các hoạt động BVMT gắn với vai trò của người nông dân trong HTX sản xuất chè, giúp khắc phục khó khăn; nâng cao năng lực, mở rộng hoạt động phát triển sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy HTX kiểu mới phát triển hài hòa, bền vững■



Tấm gương sáng trong xây dựng nông thôn mới ở Quảng Bình



▲ Đoạn đường NTM kiểu mẫu tại xã Phú Thủy, huyện Lệ Thủy

Công tác tại Hội Liên hiệp Phụ nữ (HLHPN) huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình từ năm 2002, đến nay, chị Võ Thị Thanh Thủy, Chủ tịch HLHPN huyện Lệ Thủy đã có nhiều đóng góp tích cực cho phong trào thi đua và công tác Hội. Chị cũng là một trong những nhân tố quan trọng, góp phần đẩy mạnh phong trào xây dựng nông thôn mới (NTM) ở địa phương sớm cán đích.

Năm 2011, chị Võ Thị Thanh Thủy được bầu làm Chủ tịch HLHPN huyện Lệ Thủy, đây cũng là thời điểm Thủ tướng Chính phủ phát động phong trào “Cả nước chung sức xây dựng NTM”. Là người trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về hoạt động của HLHPN, chị xác định, phụ nữ có vai trò quan trọng trong việc xây dựng NTM tại địa phương, do phụ nữ chiếm hơn 60% lao động ở nông thôn. Vì vậy, chị đã chủ động tham mưu Ban Thường vụ HLHPN huyện xây dựng, triển khai Chương trình đến toàn thể hội viên thông qua nhiều hoạt động thiết thực gắn với các phong trào thi đua của Hội.

Nhận thấy việc tổ chức triển khai Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” sẽ góp phần thực hiện hiệu quả Chương trình xây dựng NTM, chị Thủy cùng với Ban Thường vụ HLHPN huyện có nhiều hoạt động tuyên truyền, vận động, thu hút sự tham gia tích cực của hội viên

phụ nữ, tiêu biểu như: Hội thi “Phụ nữ Lệ Thủy chung tay xây dựng NTM”; Lồng ghép tuyên truyền về xây dựng NMT trong các buổi sinh hoạt chi, tổ phụ nữ; Biểu dương các mô hình dân vận khéo tại cơ sở... Bên cạnh đó, xác định việc phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác Hội, chị đã tham mưu cho Hội Phụ nữ huyện chỉ đạo, gần việc hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế với thực hiện các chương trình kinh tế trọng điểm của huyện; Phối hợp với Phòng nông nghiệp, Trạm thú y, Trạm bảo vệ thực vật tổ chức tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng, chế biến thủy, hải sản; Mở lớp đào tạo nghề cho hội viên phụ nữ... Đồng thời, tổ chức Hội nghị biểu dương điển hình phụ nữ làm kinh tế giỏi, mạnh dạn đầu tư phát triển ngành nghề, khôi

phục nghề truyền thống, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Mặc khác, để góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung của toàn huyện, chị trực tiếp chỉ đạo các cấp Hội vận động cán bộ, hội viên xây dựng nhiều mô hình sản xuất mới, chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi nhằm khai thác, tận dụng tối đa tiềm năng của từng vùng, miền. Đến nay, toàn huyện có 1.518 mô hình sản xuất giỏi, trong đó có 763 mô hình cho thu nhập từ 100 triệu đồng trở lên.

Ngoài ra, chị luôn tìm kiếm nguồn hỗ trợ từ chương trình, dự án của UBND huyện để thúc đẩy vai trò của Hội phụ nữ các cấp trong xây dựng NTM. Đặc biệt, để thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM, cán bộ, hội viên HLHPN huyện đã tích cực vận động các hộ gia đình xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh thuộc Dự án Cải thiện vệ sinh cộng đồng tại 15 xã trên địa bàn huyện. Hiện toàn huyện đã hoàn thành 5.282 công trình, với số tiền 3,5 tỷ đồng, nâng tỷ lệ hộ dân có nhà vệ sinh tự hủy lên 68%. Năm 2017, sau khi tham quan phong trào xây dựng NTM kiểu mẫu tại Hà Tĩnh, chị Thủy cùng với Ban Thường vụ HLHPN huyện đã xây dựng kế hoạch và trình UBND huyện xin chủ trương, kinh phí thực hiện các đoạn đường NTM kiểu mẫu. Trong dịp kỷ niệm 87 năm Ngày thành lập HLHPN Việt Nam (tháng 10/2017), HLHPN huyện Lệ Thủy đã



tổ chức phát động phong trào tại một số đoạn đường của các xã Phú Thủy, Mai Thủy, Mỹ Thủy, chiều dài 3,5 km, tạo không khí thi đua sôi nổi trong các tầng lớp phụ nữ và cộng đồng dân cư về xây dựng vườn, khu dân cư kiểu mẫu. Đến nay, 26/28 xã trên địa bàn huyện có đường giao thông được trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả các loại, tổng chiều dài trên 100 km. Những kết quả bước đầu của mô hình không chỉ thúc đẩy các hoạt động của Hội, mà còn góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân vùng nông thôn.

Với những đóng góp cho HLHPN huyện Lệ Thủy nói riêng, công cuộc BVMT, xây dựng NTM nói chung, nhiều năm qua, chị Võ Thị Thanh Thủy đã được xếp loại công chức, đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở liên tục trong các năm 2012, 2013, 2014; Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh năm 2015, cùng nhiều bằng khen, giấy khen của các cấp, ngành.

Có thể nói, diện mạo NTM ở Lệ Thủy đang khởi sắc từng ngày, trong đó có một phần công sức không nhỏ của các cán bộ, hội viên phụ nữ, đặc biệt là Chủ tịch HLHPN huyện Võ Thị Thanh Thủy. Thời gian tới, chị sẽ tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở Hội đẩy mạnh tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên phụ nữ thực hiện tốt các tiêu chí về xây dựng NTM; tích cực đổi mới phương thức hoạt động và có nhiều giải pháp góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho hội viên gắn với phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo ■

BÍCH PHƯƠNG

Nâng cao ý thức của người dân trong thu gom, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật ở Lâm Đồng

Thời gian qua, tình trạng ô nhiễm môi trường do bao bì thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) ở Lâm Đồng diễn ra phức tạp và đáng lo ngại. Ở nhiều địa phương trong tỉnh, sau mỗi vụ sản xuất, người nông dân sử dụng và thải ra môi trường một lượng lớn bao bì, chai lọ thuốc BVTV, làm môi trường đất, nước bị ô nhiễm, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

Lâm Đồng có lợi thế về điều kiện tự nhiên, đất đai, khí hậu thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp, nhất là các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao. Theo Sở NN&PTNT Lâm Đồng, năm 2017, tổng diện tích gieo trồng của tỉnh đạt 373.840,9 ha (tăng 2,25% so với cùng kỳ), trong đó, cây hàng năm đạt 129.247,2 ha; cây lương thực đạt 30.342,5 ha... Với diện tích gieo trồng lớn, diễn biến sâu bệnh ngày càng

tăng, nên mức độ sử dụng thuốc BVTV cao. Ước tính, hàng năm, thuốc BVTV sử dụng của người dân trong tỉnh từ 8.000 - 10.000 tấn. Theo đó, lượng bao gói thuốc BVTV thải ra môi trường tại Lâm Đồng khoảng 357 - 391 tấn/năm, trong đó tỷ lệ bao bì thuốc BVTV là chai nhựa chiếm 70%, gói và loại khác chiếm 30%.

Các loại cây trồng sử dụng thuốc BVTV nhiều nhất là chè, cà phê, rau và hoa. Đặc biệt, phần lớn người dân thường sử dụng các nhóm thuốc có độc tố cao (nhóm II và III) kết hợp việc trộn từ 2 - 3 loại thuốc để phun một lần, nhiều nông dân sử dụng thuốc với liều lượng tăng gấp 1,5 - 2 lần so với khuyến cáo. Mặc dù, các cơ quan chức năng đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho bà con nông dân sử dụng và thu gom thuốc BVTV đúng cách nhưng tình trạng lạm dụng thuốc



▲ Thu gom bao bì thuốc BVTV trên cánh đồng lúa ở huyện Đạ Tẻh (Lâm Đồng)



BVTV trong sản xuất nông nghiệp vẫn tăng cao. Tại một số vùng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn, vỏ bao bì thuốc BVTV chưa được thu gom, xử lý đúng quy định, như tại cánh đồng rau màu rộng 100 ha tại thị trấn Thanh Mỹ (huyện Đơn Dương). Nhiều người dân tại đây chia sẻ, do khoảng cách đặt quá xa nên người dân vẫn chọn cách thu gom vỏ thuốc lại thành đồng nhỏ sau đó chôn, đốt.

Mỗi bao bì thuốc BVTV thường có khoảng 1,8% lượng hóa chất dính vào, khi bị thải bỏ, lượng hóa chất này sẽ lan truyền ra môi trường và xâm nhập trở lại cơ thể sinh vật thông qua thức ăn. Tại Lâm Đồng có khoảng 90% lượng bao bì thuốc BVTV được nông dân tiêu hủy theo hình thức chôn, đốt hoặc thải ra môi trường. Trong khi, Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT của Bộ NN&PTNT và Bộ TN&MT về hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao bì thuốc BVTV sau sử dụng quy định, bao bì thuốc BVTV lưu chứa ở bể chứa hoặc khu vực lưu chứa phải được chuyển đi xử lý trong vòng 12 tháng và chuyển giao cho đơn vị có chức năng, năng lực phù hợp để xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

Để hạn chế lượng bao bì thuốc BVTV sau sử dụng phát sinh trên địa bàn, hiện nay tại 12 huyện, TP của tỉnh Lâm Đồng đã xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý. Tuy nhiên, chỉ có các huyện Đạ Tẻh, Đạ Huoai, TP. Đà Lạt đã triển khai thực hiện thí điểm thu gom, vận chuyển và xử lý bao bì thuốc BVTV, còn lại hầu hết các địa phương khác đã có kế hoạch nhưng chưa triển khai thực hiện nên việc tuyên truyền, hướng dẫn nông dân thu gom bao bì thuốc BVTV đúng quy định còn gặp nhiều vướng mắc.

Nhiều địa phương do khó khăn cho việc phân bổ kinh phí nên số lượng bể chứa bao bì thuốc BVTV còn hạn chế, khoảng cách đặt bể

quá xa khiến thói quen của người dân chưa thay đổi. Chẳng hạn như huyện Đam Rông, theo kế hoạch năm 2018 sẽ xây dựng 65 bể chứa/65 thôn. Nếu tính mỗi thôn có diện tích rau màu, cây công nghiệp với diện tích trung bình khoảng 380 ha thì một bể chứa bao bì thuốc BVTV là quá ít, rất khó khăn khi tuyên truyền, vận động người dân thực hiện đúng quy định. Còn tại huyện Đạ Tẻh và Đạ Huoai, 2 địa phương triển khai sớm nhất việc đặt bể chứa trên địa bàn tỉnh nhưng đến nay việc tiêu hủy bao bì thuốc BVTV cũng khá nan giải. Theo UBND huyện Đạ Tẻh và Đạ Huoai, sau đợt chống bọ xít muỗi trên cây điều vào tháng 5 - 6/2017, lượng bao bì thuốc BVTV lên tới gần 3 tấn vỏ thuốc Wamtox 100EC, nhưng do chưa có kinh phí tiêu hủy kịp nên người dân đã tự tiêu hủy theo hình thức tự đốt hay thu gom như rác thải thông thường.

Nhằm tăng cường công tác thu gom, xử lý bao bì thuốc BVTV, trong thời gian tới, tỉnh Lâm Đồng cần tiến hành điều tra cơ bản đặc điểm các vùng canh tác nông nghiệp tập trung, sử dụng nhiều thuốc BVTV, qua đó, xác định, lựa chọn địa điểm xây dựng các bể chứa, khu vực lưu chứa bao bì thuốc BVTV sau sử dụng phù hợp. Đồng thời, giao nhiệm vụ cụ thể cho đơn vị quản lý bể chứa, khu vực lưu

chứa ở từng địa phương và hướng dẫn các đơn vị này lập sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định; hàng năm, lập kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân sử dụng, phát sinh nhiều bao bì thuốc BVTV; các địa phương tổng hợp, báo cáo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý bao bì thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn quản lý; đồng thời, bố trí kinh phí kịp thời để thực hiện công tác này.

Ngoài nguồn lực từ Trung ương, tỉnh cần huy động nguồn lực từ các tổ chức, thành phần kinh tế tham gia công tác BVMT nói chung và việc thu gom, vận chuyển, xử lý bao bì thuốc BVTV sau sử dụng nói riêng; thực hiện chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân tham gia thu gom, vận chuyển, xử lý bao bì thuốc BVTV; tăng cường sự phối hợp giữa các Sở, ngành liên quan, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, chính quyền các cấp, tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan truyền thông trong công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm trong hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và sử dụng bao bì thuốc BVTV; thường xuyên nghiên cứu, xây dựng nội dung các chương trình, kế hoạch truyền thông theo hướng đổi mới, phong phú, hấp dẫn, phù hợp...■

VŨ CÚC



Tình hình buôn bán động, thực vật hoang dã qua thương mại điện tử tại Việt Nam

Trong thời gian qua, TRAFFIC - Mạng lưới giám sát buôn bán động, thực vật hoang dã đã có nghiên cứu về “Thực trạng thương mại điện tử tại Việt Nam: Đánh giá tức thời về hành vi thương mại điện tử động, thực vật hoang dã ở Việt Nam trong năm 2017”. Nghiên cứu đã khảo sát trên 13 địa chỉ website với tên miền kết thúc bằng .vn thông qua việc sử dụng từ khóa tìm kiếm sản phẩm động vật hoang dã như voi, báo đốm hoa, tê tê, tê giác, linh dương Saiga, rùa biển và hổ. Trên tổng số những website được khảo sát, chỉ có 30% trong số đó xuất hiện quảng cáo cho loài mục tiêu. Có tổng số 14 quảng cáo với kết quả tương tự xuất hiện 1.072 sản phẩm từ động, thực vật hoang dã, 90% trong số những sản phẩm này được tìm thấy trong một quảng cáo từ tháng 3 - 10/2017. Trong số đó, chỉ có 6 trên tổng số những sản phẩm quảng cáo được làm từ ngà voi, các sản phẩm còn lại được làm từ hổ.

Kết quả này trái ngược với kết quả của những nghiên cứu trước đây về thực trạng thương mại điện tử động, thực vật hoang dã tại Việt Nam bao gồm cả những trang web có tên miền kết thúc bằng đuôi .com, trong đó có cả những trang mạng xã hội với nhiều quảng cáo về sản phẩm động, thực vật hoang dã hơn. Những trang web này nằm trong khảo sát năm 2017 của TRAFFIC đã tìm thấy 1.095 sản phẩm từ hổ được bày bán trên 187 quảng cáo từ 85 người bán hàng trực tuyến, tại 4 trang mua sắm trực tuyến và 2 trang mạng xã hội trong khoảng thời gian 25 ngày tiến hành khảo sát. Phần lớn, những quảng cáo này (chiếm 95% trên tổng số) được tìm thấy ngay trên một trang mạng xã hội duy nhất. Website mua sắm trực tuyến tương tự cũng chiếm 89% tổng số sản phẩm từ động vật hoang dã (ngoại trừ những sản phẩm được tính bằng khối lượng).

Tất cả các loài thuộc phạm vi của nghiên cứu này được liệt kê trong Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES). Như vậy, việc buôn bán các loài này bị hạn chế hoặc bị cấm theo Nghị định số 82/2006/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cấy nhân tạo các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm. Việc buôn bán các loài được liệt kê trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm cũng bị cấm hoặc hạn chế. Việc buôn bán bất hợp pháp các loài trong Phụ



▲ Ngà voi là một trong những mặt hàng được rao bán nhiều trên mạng

lục I hoặc II của CITES và/hoặc được liệt kê trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP sẽ bị xử lý hình sự theo Luật Hình sự số 37/2009/QH12 có hiệu lực từ ngày 1/1/2018, Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi Bộ luật Hình sự. Theo đó, voi châu Á, hổ, 2 loài tê tê (*Manis javanica*, *M. pentadactyla*), tê giác Java, 4 loài rùa biển (*Eretmochelys imbricata*, *Lepidochelys olivacea*, *Caretta caretta*, *Chelonia mydas*) và báo bị cấm khai thác thương mại dưới mọi hình thức theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP và Nghị định số 32/2006/NĐ-CP.

Luật Thương mại điện tử Việt Nam được quy định bởi Bộ luật số 51/2005/QH11 về những giao dịch điện tử và Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về hoạt động thương mại điện tử, trong đó nghiêm cấm mọi hành vi thương mại điện tử cho một số danh mục hàng hóa, bao gồm những sản phẩm từ động, thực vật hoang dã nếu như được phát hiện. Những đối tượng vi phạm này sẽ bị xét xử cùng mức như những đối tượng buôn bán động, thực vật hoang dã trực tiếp. Tuy nhiên, việc xác định nghi phạm và thu thập bằng chứng về buôn bán

động, thực vật hoang dã qua mạng bất hợp pháp vẫn là một thách thức đối với việc thực thi pháp luật. Rất ít vụ bắt giữ tội phạm buôn bán động, thực vật hoang dã qua mạng được thực hiện.

Với những phát hiện từ nghiên cứu này, TRAFFIC đưa ra các khuyến nghị: Chính phủ Việt Nam nên tìm hiểu và áp dụng những khung chương trình hiện hành nhằm đưa ra những biện pháp xử lý vi phạm hiệu quả cho những kênh thương mại điện tử. Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam có thể thành lập Nhóm chuyên gia giám sát hành vi thương mại điện tử động, thực vật hoang dã. Nghiên cứu còn đề ra giải pháp yêu cầu những đơn vị thực thi pháp luật và cộng đồng báo cáo về tội phạm buôn bán động, thực vật hoang dã trái phép. Hoạt động này có thể tiến hành thông qua việc sử dụng ứng dụng trên điện thoại Giám sát động, thực vật hoang dã, Mẫu báo cáo về thương mại điện tử của Phòng Công an Môi trường Việt Nam, hoặc thông qua đường dây nóng của Tổ chức Giáo dục Thiên Nhiên Việt Nam (18001522) ■

KIM DUNG



Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai: Mái nhà chung của nhiều loài động, thực vật quý hiếm

PHẠM THỊ LAN ANH

Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững vùng

Được thành lập trên cơ sở đổi tên Khu bảo tồn (KBT) thiên nhiên và di tích Vĩnh Cửu, KBT thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai nằm trải dài qua địa bàn các xã của huyện Vĩnh Cửu, Tân Phú, Trảng Bom, Thống Nhất và Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Hiện KBT giữ vai trò quan trọng trong công tác bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học (ĐDSH), BVMT, điều hòa nguồn nước cho thủy điện Trị An, chống xói lở, bảo vệ đất, khu dân cư sống ven khu rừng và bảo tồn các giá trị di tích lịch sử nhân văn.

Theo Báo cáo “Quy hoạch bảo tồn ĐDSH tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và điều tra, đánh giá bổ sung, cập nhật hiện trạng ĐDSH tỉnh đến năm 2015”, KBT thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai có tổng diện tích tự nhiên là 100.303,8 ha, trong đó, rừng và đất rừng 67.903,8 ha, hồ Trị An 32.400 ha. Nơi đây tập trung phần lớn rừng tự nhiên còn lại của tỉnh Đồng Nai, với hầu hết các loại rừng trong khu vực được hình thành, từ kiểu rừng trên đất thấp ven sông đến rừng trên núi, giữ chức năng quan trọng trong phòng hộ đầu nguồn hồ Trị An, góp phần tái tạo sự cân bằng sinh thái cho vùng tam giác trọng điểm phía Nam.

GIÁ TRỊ ĐDSH

Theo thống kê cho thấy, KBT có tổng số 1.552 loài thực vật bậc cao, 166 họ, 95 bộ, 10 lớp, thuộc 6 ngành, trong đó, 43 loài nằm trong Danh lục đỏ IUCN (2015), 36 loài trong Sách đỏ Việt Nam (2007), 11 loài nguy cấp, quý hiếm theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP, 6 loài thực vật đặc hữu của Đồng Nai như: Cù đèn, lát hoa, ngâu, bướm bạc, hạ đệ, xú hương Biên Hòa. Ngoài ra, KBT còn có 103 loài cây được liệt quý, hiếm cần được bảo vệ nguồn gen và phát triển rộng như: Củ bình vôi, rau sắng, giảo cổ lam, ba kích, lan kim tuyến (nhóm 1B)...

Không chỉ đa dạng về các loài thực vật, KBT thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai còn phong



▲ *Cò thìa châu Âu - Loài chim có tên trong Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ IUCN, được ghi nhận tại KBT*

phú về động vật, với 1.817 loài. Nhiều loài được ghi vào Sách đỏ Việt Nam như: Voi, báo gấm, gấu chó, bò tót... Lớp thú có 85 loài, 27 họ và 10 bộ, trong đó, có 36 loài quý hiếm, đặc hữu của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á gồm: bò tót, bò bangten, voi, gấu chó, sói lửa...; 25 loài ghi trong Danh lục đỏ IUCN; 27 loài ghi trong Sách đỏ Việt Nam; 27 loài ghi trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP. Chim có 284 loài, 59 họ và 18 bộ (với 21 loài chim quý hiếm, 12 loài ghi trong Sách đỏ Việt Nam; 11 loài ghi trong Danh lục đỏ IUCN). Nhóm lưỡng cư - bò sát đã ghi nhận 27 loài quý hiếm, với 13 loài trong Danh lục đỏ IUCN, 19 loài trong Sách đỏ Việt Nam, 15 loài ghi trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP. Nhóm cá gồm 27 loài quý hiếm hoặc có giá trị bảo tồn, trong đó, 6 loài nằm trong Sách đỏ IUCN và 6 loài trong Sách đỏ Việt Nam. Đặc biệt, có 2 loài bướm phượng cánh

chim chấm liến và rừng đuôi trái đào được ghi tên trong Danh sách các loài nguy cấp, quý hiếm thuộc Nghị định số 32/2006/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, KBT thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai còn có 3 di tích lịch sử được công nhận là di tích cấp quốc gia, bao gồm: Căn cứ Khu ủy miền Đông Nam bộ; căn cứ Trung ương cục miền Nam; địa đạo Suối Linh. Ngoài ra, trong KBT có nhiều hồ như Bà Hào, đặc biệt hồ Trị An, với diện tích đất ngập nước khoảng 32.400 ha xen lẫn một số đảo nhỏ trên hồ, là nơi lý tưởng để phát triển nghề đánh bắt và nuôi trồng thủy sản cũng như du lịch, tham quan, nghỉ dưỡng.

CÔNG TÁC BẢO TỒN CÁC LOÀI ĐỘNG, THỰC VẬT QUÝ HIẾM

Hiện nay, KBT thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai cơ bản đã giám sát được tài nguyên rừng, không còn khai thác rừng.



▲ Cán bộ KBT thiên nhiên - văn hóa và người dân Đồng Nai hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới năm 2014

Nhằm sử dụng bền vững tài nguyên rừng, vùng nước nội địa, ngày 21/11/2011, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3107/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án quy hoạch tổng thể KBT thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2020. Đây là quy hoạch không chỉ có ý nghĩa về mặt bảo vệ đa dạng tài nguyên thiên nhiên mà còn có giá trị về mặt nhân văn, bảo tồn giá trị văn hóa - lịch sử. Tổng vốn đầu tư là 1.055.213 triệu đồng và được chia thành nhiều hạng mục: Phát triển rừng và phục hồi sinh thái; phòng cháy và chữa cháy rừng; bảo tồn ĐDSH; nghiên cứu khoa học; quản lý, khai thác tổng hợp hồ Trị An...

Ngày 8/12/2017, HĐND tỉnh Đồng Nai đã thông qua Nghị quyết về Quy hoạch bảo tồn ĐDSH tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Cụ thể, tỉnh đề ra mục tiêu, đến năm 2020 bảo vệ và phát triển bền vững khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai, KBT thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai, các rừng tự nhiên, bao gồm rừng kín thường xanh, hệ sinh thái rừng tre nửa thuần loại và hỗn giao, rừng ngập mặn; quy hoạch, nâng cấp hệ thống các cơ sở bảo tồn chuyển chỗ ĐDSH (các vườn sưu tập cây thuốc, vườn

động vật, vườn thực vật, các trung tâm cứu hộ động vật hoang dã). Đặc biệt, tỉnh sẽ xây dựng khu Safari (Vườn thú hoang dã) tại KBT thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai, kết hợp giữa hoạt động bảo tồn ĐDSH và phát triển du lịch, nhằm tăng cường xã hội hóa công tác bảo tồn.

Bên cạnh đó, Ban Quản lý (BQL) KBT còn thường xuyên tổ chức các hoạt động tuần tra, trồng rừng và bảo vệ rừng; theo dõi các cá thể voi rừng thường xuyên xuất hiện tại xã Phú Lý; xây dựng dự án bảo tồn, bảo vệ và phát triển quần thể bò tót, bò rừng; tiếp tục thực hiện các đề tài nghiên cứu như chương trình giám sát, đánh giá một số loài động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm, loài chỉ thị cho sinh cảnh và môi trường có sự tham gia của người dân địa phương; nghiên cứu bảo tồn quần xã thú móng guốc chẵn... Ngoài ra, BQL KBT còn tiến hành điều tra, khảo sát, thu thập các loài cây thuốc và bài thuốc của cộng đồng

dân tộc Chơ Ro; tiếp nhận 172 bộ hồ sơ hiện vật tại Bảo tàng tỉnh Đồng Nai và 97 hồ sơ tại Trung tâm lưu trữ II viết về Chiến khu Đ; phát hành 1.200 cuốn sách nhằm quảng bá, giới thiệu về KBT; tổ chức các đợt tuyên truyền lưu động tại các xã trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu về công tác BVMT, quản lý bảo vệ rừng trong cộng đồng dân cư, cùng nhiều hoạt động thiết thực hưởng ứng Ngày ĐDSH, Ngày Môi trường thế giới...

Ngoài nhiệm vụ khôi phục, bảo tồn và phát triển sự ĐDSH hệ sinh thái của rừng cây tự nhiên bản địa, duy trì nguồn gen các loài động, thực vật quý hiếm của Đồng Nai và vùng Đông Nam bộ, KBT thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai còn ẩn chứa nhiều tiềm năng phát triển du lịch. Thời gian tới, tỉnh sẽ đẩy mạnh khai thác du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh, sinh thái - nghỉ dưỡng và coi đó là một trong những điểm nhấn của du lịch Đồng Nai trong tương lai■



Hành trình của túi ni lông



Ra đời từ đầu những năm 1970, ngày nay túi ni lông đã trở thành một sản phẩm phổ biến toàn cầu, được sản xuất với tốc độ 1.000 tỷ túi mỗi năm. Túi ni lông thậm chí có mặt ở nơi sâu nhất của đại dương cho đến nơi cao nhất là đỉnh núi Everest, tạo ra thách thức lớn về môi trường. Chúng ta hãy cùng nhìn lại chặng đường phát triển của loại vật liệu này.

1933: Polyethylene, loại nhựa được sử dụng phổ biến nhất hiện nay để sản xuất túi ni lông, được tạo ra do một tai nạn hóa chất ở thị trấn Northwich, hạt Cheshire, Anh. Trước đó, nhựa polyethylene thường được sản xuất với số lượng rất ít, đây là lần đầu tiên vật liệu này được sản xuất với số lượng lớn trong ngành công nghiệp và được quân đội Anh sử dụng bí mật trong thế chiến thứ 2.

1965: Công ty Celloplast, Thụy Điển cấp bằng sáng chế cho túi ni lông. Với sự thiết kế của kỹ sư Sten Gustaf Thulin, túi ni lông nhanh chóng thay thế vải và hộp nhựa ở châu Âu trong các hoạt động mua sắm.

1979: Túi ni lông chiếm 80% thị trường túi ở châu Âu, được xuất khẩu sang nước ngoài, tiêu biểu như thị trường Mỹ. Các công ty nhựa bắt đầu tích cực đưa ra thị trường các sản phẩm túi ni lông với nhiều ưu điểm vượt trội hơn túi giấy và các loại túi tái sử dụng khác.

1982: Safeway và Kroger, 2 trong số các chuỗi siêu thị lớn nhất ở Mỹ, chuyển sang sử dụng túi ni lông. Nhiều cửa hàng đi theo xu hướng này và đến cuối thập kỷ, túi nhựa đã

gần như thay thế toàn bộ túi giấy trên toàn thế giới.

1997: Nhà nghiên cứu kiểm thủy thủ Charles Moore đã phát hiện ra "đảo rác Thái Bình Dương", nơi mật độ rác thải trên biển lớn nhất thế giới, đe dọa nghiêm trọng đến sinh vật biển. Trong đó, túi ni lông là nguyên nhân chính dẫn đến cái chết của nhiều loài rùa biển, do rùa biển tưởng nhầm túi ni lông là sứa biển và ăn chúng.

2002: Băng-la-đét là quốc gia đầu tiên trên thế giới thực thi lệnh cấm các túi nhựa mỏng, sau khi phát hiện ra chúng là nguyên nhân quan trọng làm tắc nghẽn hệ thống thoát nước trong các thảm họa lũ lụt. Từ đây, các quốc gia khác cũng bắt đầu lưu ý hơn về vấn đề này.

2011: Cứ mỗi phút trôi qua, trên thế giới có 1 triệu túi ni lông được tiêu thụ.

2017: Kenya ban hành lệnh cấm túi ni lông. Đây là 1 trong hơn 20 nước trên thế giới thực hiện các biện pháp mạnh mẽ để giảm thiểu sử dụng túi ni lông, thông qua việc

đánh thuế hoặc cấm sử dụng túi ni lông.

2018: "Chống ô nhiễm nhựa và ni lông" được chọn làm chủ đề của ngày Môi trường thế giới", được tổ chức tại Ấn Độ. Các công ty và Chính phủ trên khắp thế giới tiếp tục công bố các cam kết nhằm đối phó với chất thải nhựa và túi ni lông.

Từ khi ra đời đến nay, đã có khoảng 9,1 tấn nhựa, bao gồm cả túi ni lông được sản xuất trên toàn thế giới. Nếu số lượng nhựa này được xếp cạnh nhau thì độ rộng của nó có thể bao phủ khoảng 98% toàn bộ bề mặt Trái đất. Nghiêm trọng hơn, theo một nghiên cứu công bố trên Tạp chí Science Advances, 79% lượng vật liệu này có điểm đến cuối cùng là bãi rác, sông hồ, hay các đại dương, bao gồm cả những nơi xa nhất của biển, đảo và trong cơ thể của nhiều loài cá, cũng như động vật hoang dã. 12% trong số chất thải được đốt, thải ra khí nhà kính và góp phần gây ô nhiễm không khí, chỉ có 9% được tái chế. Tuy nhiên, ngay cả khi tái chế, rác thải vẫn bị rò rỉ ra môi trường do quy trình tái chế còn nhiều hạn chế.

Khác với vật liệu sinh học, nhựa có thể không phân hủy trong hàng trăm năm, ngay cả khi nằm trong cơ thể của sinh vật, khi sinh vật chết, cơ thể của chúng bị phân hủy, nhựa vẫn tồn tại. Các nhà khoa học cho biết, khoảng 270.000 tấn rác thải nhựa đang trôi nổi trên biển, tuy nhiên, con số rác thải nhựa nằm trong lòng biển phải lên đến vài triệu tấn.

HUYỀN TRANG (Theo UN)



Cuộc chiến chống lại rác thải nhựa tại một số quốc gia

Do tính tiện lợi của các vật dụng từ nhựa nên lượng rác thải nhựa phát sinh ngày càng nhiều. Nạn ô nhiễm rác thải nhựa sử dụng một lần, không hoặc khó phân hủy đang trở thành vấn đề cấp thiết toàn cầu và được xem là thách thức môi trường lớn thứ hai thế giới, sau biến đổi khí hậu. Theo báo cáo của Liên hợp quốc, mỗi phút, toàn thế giới tiêu thụ 1 triệu chai nhựa, trong khi mỗi năm có đến 5.000 tỷ túi nhựa dùng một lần được sử dụng. Nhằm khắc phục thực trạng này, nhiều quốc gia đã đưa ra các chính sách phù hợp để ngăn ngừa, giảm thiểu nhựa, đồng thời tái sử dụng loại phế liệu này.

1. CÔLÔMBIA ĐÁNH THUẾ TÚI NI LÔNG NHẪM BẢO VỆ VÙNG BIỂN CARIBÊ

Côlômbia là một trong những nước giàu nhất thế giới về đa dạng sinh học biển, với 2.900 km bờ biển (gần 1 triệu km²) thuộc vùng biển Caribê và Thái Bình Dương. Côlômbia sở hữu 2.600 loài sinh vật biển, 155 loài san hô đá và 6 trong 7 loài rùa. Tuy nhiên, tình trạng ô nhiễm rác thải nhựa đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ sinh thái biển và hoạt động sinh kế của người dân. Trước tình hình đó, Chính phủ Côlômbia đã đưa ra các giải pháp thân thiện với môi trường nhằm thay thế cho nhựa sử dụng một lần. Kể từ ngày 1/1/2017, Côlômbia đã cấm sử dụng túi ni lông kích thước nhỏ hơn 30x30 cm, đồng thời đưa ra các lựa chọn thay thế có khả năng chịu tải cao hơn, giúp giảm 27% lượng tiêu thụ loại vật liệu này.

Tháng 7/2017, Chính phủ đã ban hành thuế đối với toàn bộ túi ni lông nhằm khuyến khích người dân chuyển hướng sang loại túi có khả năng tái sử dụng, từ đó, hạn chế rác thải trong lòng đại dương, mà phần lớn là chất thải nhựa - một trong những mối đe dọa lớn nhất đối với môi trường sống của các loài sinh vật biển. Người dân phải trả một xu Mỹ (khoảng 233 đồng) cho mỗi chiếc túi ni lông, hàng năm mức thuế sẽ tăng lên 50%. Khoản tiền thu được sẽ dùng để phục hồi nguồn sinh vật biển bị suy giảm và thúc đẩy nền kinh tế phát triển.



▲ Côlômbia đánh thuế túi ni lông nhằm bảo vệ vùng biển Caribê

Trong những năm gần đây, các tổ chức môi trường tại Côlômbia cũng góp phần nâng cao nhận thức người dân về việc tiêu dùng có trách nhiệm, đẩy mạnh hoạt động tái sử dụng, tái chế rác thải nhựa và tổ chức các chiến dịch làm sạch bãi biển. Thêm vào đó, Côlômbia đã thể hiện quyết tâm chống lại chất thải nhựa thông qua việc tham gia vào chiến dịch làm sạch biển của Liên hợp quốc. Tuy nhiên, những giải pháp trên chưa đủ để ngăn chặn rác xả ra từ nguồn nước của các đô thị hay các dòng hải lưu tại Côlômbia. Số liệu thống kê của Chính phủ và Quỹ Động vật hoang dã thế giới cho thấy, mức tiêu thụ trung bình hàng năm tại quốc gia này là khoảng 288 túi ni lông/người. Chính phủ muốn giảm rác thải nhựa sử dụng một lần xuống 75% nhằm mang lại những lợi ích cho xã hội, môi trường và kinh tế (tiết kiệm được khoảng 825 triệu đô la từ việc cắt giảm nhựa). Các nhà hoạt động môi trường ở Côlômbia hy vọng, chính

sách mới này sẽ thay đổi thói quen tiêu dùng của người dân, từ đó, góp phần giảm ô nhiễm nhựa trên vùng biển Caribê.

2. CHILÊ CẤM SỬ DỤNG TÚI NI LÔNG Ở TẤT CẢ CÁC THÀNH PHỐ VEN BIỂN

Tháng 10/2017, Chilê đã trở thành quốc gia tiên phong ở khu vực Mỹ Latinh trong nỗ lực BVMT biển khi Tổng thống Michelle Bachelet ký văn bản dự thảo luật nhằm cấm việc cung cấp túi ni lông trong hoạt động kinh doanh thương mại tại 102 TP ven biển của Chilê. Là quốc gia có khoảng 4.300 km bờ biển, Dự luật này là tiền đề để giúp Chilê kiểm soát một cách hiệu quả hơn vấn đề ô nhiễm đại dương, đồng thời, tạo cơ hội để người dân hợp tác nhằm giảm những thiệt hại về môi trường, đóng góp vì một sự thay đổi tích cực. Theo khảo sát, 92% người dân Chilê ủng hộ Chính phủ kiểm soát việc cung cấp túi nhựa trong các hoạt động mua sắm, điều này



tạo thuận lợi cho việc thực thi các chính sách chống lại rác thải nhựa trên toàn lãnh thổ.

Theo số liệu của Bộ Môi trường Chilê, mỗi năm, 8 triệu tấn nhựa nằm lại trong biển và nghiêm trọng hơn, có tới 90% số chim biển chứa nhựa trong ruột. Nếu tình trạng này cứ tiếp diễn, thì đến năm 2050, số lượng nhựa trong lòng đại dương sẽ nhiều hơn cá. Lệnh cấm được Chính phủ Chilê ban hành nhằm BVMT và đa dạng sinh học đại dương, sẽ có tác động đến ít nhất 230 khu định cư (khu vực trên 5.000 cư dân thì được Chính phủ quy định là 1 khu định cư) tại Chilê.

Trước đó, phát biểu trong phiên họp lần thứ 72 của Đại hội đồng Liên hợp quốc tại TP. New York, Tổng thống Chilê Michele Bachelet đã thông báo rằng, nước này sẽ cấm sử dụng túi nylon ở tất cả các TP ven biển trong vòng 12 tháng tới, nhằm góp phần bảo vệ các đại dương. Đây là quốc gia đầu tiên của châu Mỹ phát động chiến dịch này. Bên cạnh đó, Tổng thống Bachelet cũng nhấn mạnh các cam kết của Chilê đối với Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc. Ngoài việc giảm thiểu chất thải nhựa, Chilê cũng sẽ tăng cường các giải pháp giảm phát thải CO₂ nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, thông qua việc thay đổi các mô hình sản xuất và đưa ra các chính sách khuyến khích tăng trưởng xanh.

3. ẤN ĐỘ CẤM SỬ DỤNG NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI TRONG CÁC CƠ QUAN CHÍNH PHỦ

Mặc dù là bang có diện tích nhỏ thứ 2 (7.096 km²) với dân số ít nhất Ấn Độ và nằm trên dãy Himalaya, vị trí gần như cô lập với các bang khác ở Ấn Độ, song Sikkim lại là điểm sáng về môi trường, dẫn đầu một cuộc cách mạng xanh chống lại ô nhiễm rác thải, đặc biệt là rác thải nhựa.

Năm 1998, Sikkim đã trở thành bang đầu tiên của Ấn Độ cấm sử dụng túi ni lông dùng một lần. Đây cũng là một trong những bang tiên phong chống lại chai nhựa sử dụng một lần. Năm 2016, Sikkim đã đưa ra 2 lệnh cấm: Cấm sử dụng nước uống đóng chai trong các cơ quan Chính phủ và các sự kiện của Chính phủ; Cấm sử dụng đĩa, dao, kéo, thìa, đĩa làm từ nhựa polystyren trong toàn bang nhằm cắt giảm ô nhiễm nhựa độc hại và giảm thiểu rác thải. Theo chính quyền Sikkim, các sản phẩm nhựa dùng một lần đã gây nguy hại nghiêm



▲ Sikkim (Ấn Độ) nỗ lực giảm thiểu rác thải nhựa, nhằm bảo tồn đa dạng sinh học dãy Himalaya

trọng đến môi trường nông thôn và thành thị, tạo ra một lượng rác thải khổng lồ, gây quá tải tại các bãi chứa.

Nhờ các quy định nghiêm ngặt và các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức của chính quyền bang, người dân Sikkim đã có những thay đổi tích cực, như chuyển từ đĩa nhựa sang đĩa giấy, thậm chí họ sử dụng lá cây, bã mía và mo cau làm vật dụng đựng thức ăn. Văn phòng Chính phủ cũng đưa ra các giải pháp thay thế cho nước uống đóng chai như dùng máy lọc nước cỡ lớn tại cửa các phòng họp, hay dùng chai, lọ có thể tái sử dụng để chứa nước uống phục vụ trong các buổi họp.

Tuy nhiên, với số lượng lớn khách du lịch tới thăm Sikkim, kiểm soát sử dụng nước đóng chai nhựa là một thách thức không nhỏ. Chính phủ đang cân nhắc thi hành lệnh cấm trên toàn bang, đồng nghĩa, khách du lịch phải mang theo nước uống từ máy lọc nước của khách sạn, nhà hàng hoặc từ các điểm uống nước công cộng.

Giám đốc điều hành Hội Du lịch sinh thái và bảo tồn Sikkim (ECOSS) Rajendra P Gurung cho biết, Sikkim đang thực hiện nhiều đợt thu gom rác thải hàng ngày vào buổi sáng, tuy nhiên, chỉ có khoảng 20 - 30% chất thải được tái chế. Mặt khác, người dân tại Sikkim đang lựa chọn túi polypropylen không dệt, có kết cấu giống vải, nhưng thực chất là ni lông. Vì vậy, theo ông Gurung, Chính phủ cần phải tăng cường thực hiện nghiêm túc và thúc đẩy đưa ra các lựa chọn thay thế cho túi ni lông, đồng thời nâng cao nhận thức của người dân. Ngoài ra, chai nhựa, vỏ bim bim, vỏ mì tôm cũng là những chất thải không phân hủy sinh học, cần có giải pháp để giảm thiểu.

Hiện, khoảng 66% các cửa hàng ở Sikkim sử dụng túi giấy hoặc báo, 34% còn lại sử dụng túi ni lông, bao gồm cả túi không dệt. Với những thành quả đạt được, Sikkim đang từng bước thoát khỏi thảm họa ô nhiễm rác thải, đặc biệt là rác thải nhựa.

LƯU TRANG (Theo UN)



Saerbeck, Đức - Thị trấn xanh của tương lai

Saerbeck - Một thị trấn nhỏ ở huyện Steinfurt, bang North Rhine-Westphalia, miền Tây Bắc nước Đức thu hút khách không chỉ bởi vẻ đẹp cổ kính và yên bình, mà còn ở cách người dân địa phương tạo ra nguồn năng lượng sạch, quản lý nguồn năng lượng này và duy trì cuộc sống thân thiện với môi trường. Vì thế, Saerbeck được xem là mô hình "thị trấn xanh" tiêu biểu mà các thị trấn, TP khác trong khu vực và trên thế giới muốn học hỏi, hướng tới trong tương lai.

TỪ KHO ĐẠN DƯỢC CŨ ĐẾN CÔNG VIÊN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Nằm cách trung tâm Saerbeck khoảng 1,5 km, khu căn cứ quân sự cũ rộng 90 ha với lô cốt, hầm xe tăng và lựu đạn từ Thế chiến thứ 2 hiện đã trở thành công viên năng lượng sinh học. Theo đó, khu vực này đã cải tạo để lắp đặt 7 tuabin gió, mỗi tuabin có công suất 3 MW. Các hầm chứa đạn cũ được sửa chữa lại và trang bị các tấm pin mặt trời, có khả năng tạo ra 5,7 MW. Tổng vốn đầu tư Dự án khoảng 70 triệu Euro, được huy động từ các hợp tác xã, công ty địa phương và sự đóng góp tự nguyện của người dân. Tại đây, 4 nhà máy khí sinh học cung cấp nhiệt, điện, nhiên liệu sinh học và một số sản phẩm như phân bón chất lượng cao, vật liệu cách nhiệt, nhựa... Ngoài ra, còn có một trung tâm nghiên cứu chuyên sâu về năng lượng sinh học do các cơ sở giáo dục môi trường hợp tác với viện nghiên cứu hàng đầu thành lập.

Vào năm 2008, Hội đồng Thị trấn Saerbeck đã quyết định chuyển đổi năng lượng truyền thống sang năng lượng tái tạo và nguyên liệu sạch, nhờ đó, điện năng được sản xuất từ mặt trời, gió, nước, sinh khối. Theo kế hoạch, thị trấn sẽ hoàn thành mục tiêu chuyển đổi năng lượng vào năm 2030, tuy nhiên, với những chính sách hợp lý và sự chung tay của nhiều bên liên quan (người dân, chính quyền địa phương, doanh nghiệp...), thị trấn đã đạt được mục tiêu vào năm 2012 - 2013. Lúc đầu, năng lượng mặt trời chỉ tạo ra khoảng 9,9 MW, chiếm 26% sản lượng địa phương, đủ cung cấp điện cho khoảng 2.000 gia đình. Khi 7 tua bin gió được lắp đặt, hệ thống tiếp tục sản xuất được thêm 7,2 triệu kWh điện. Đến năm 2007, thị trấn đã giảm 25% phát thải khí CO₂ và cung cấp được 50% nhu cầu điện của



▲ Các tấm pin mặt trời trên nóc nhà của một trường học tại thị trấn Saerbeck

người dân thông qua nguồn năng lượng tái tạo.

Hiện, Saerbeck đã tạo ra nguồn năng lượng tái tạo lớn gấp khoảng 3,5 lần nhu cầu sử dụng tối đa của cả thị trấn. Nhờ đó, thị trấn đã đạt được những thành tích như 2 lần đoạt giải Năng lượng châu Âu và nhận được giải thưởng Bền vững của Đức vào năm 2013. Năng lượng tái tạo còn mang lại doanh thu đáng kể cho thị trấn và các nhà đầu tư địa phương từ lượng điện dư thừa được bán vào lưới điện quốc gia.

KHI CON NGƯỜI LÀ NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH

Theo Thị trưởng thị trấn Wilfried Roos, Dự án năng lượng tái tạo sẽ không thể thành công nếu không có sự hỗ trợ và những sáng kiến của cộng đồng địa phương. Mỗi người dân đều được khuyến khích tìm hiểu, tham gia vào quá trình xây dựng và phát triển Dự án. Thị trưởng Wilfried Roos chia sẻ, mỗi tháng một lần, chính quyền thị trấn thảo luận với người dân về năng lượng. Người dân là nhân tố quan trọng trong

việc đưa ra quyết định.

Trên cơ sở đó, Dự án xác định quyền sử dụng và các lợi ích sinh ra từ nguồn năng lượng tái tạo là thuộc về cộng đồng, việc quản lý đô thị gắn liền với lợi ích của người dân địa phương. Không chỉ người lớn, trẻ em cũng được tham gia vào các dự án giáo dục môi trường hàng ngày, hay tham gia lắp đặt tấm pin mặt trời trong trường học... Ngoài ra, trong năm 2009, với sự cộng tác của các học sinh trung học tại thị trấn, Saerbeck đã xây dựng một con đường đi bộ với nhiều mô hình về công nghệ, thiết bị sử dụng trong ngành năng lượng tái tạo, cho phép người dân tham quan, tìm hiểu một cách trực quan.

Dự kiến, trong tương lai, Saerbeck có kế hoạch triển khai các dự án mới, bao gồm xây dựng thêm một nhà máy địa nhiệt lớn trong công viên năng lượng sinh học nhằm tận dụng tối đa nguồn năng lượng tái tạo, phát triển nền kinh tế theo hướng bền vững, đồng thời cải thiện cuộc sống của người dân■

TRUNG THẢO

(Theo National Observer)



EDITORIAL COUNCIL

Nguyễn Văn Tài
(Chairman)
Prof. Dr. **Đặng Kim Chi**
Dr. **Mai Thanh Dung**
Prof. DrSc. **Phạm Ngọc Đăng**
Dr. **Nguyễn Thế Đồng**
Prof. Dr. **Nguyễn Văn Phước**
Dr. **Nguyễn Ngọc Sinh**
Assoc.Prof.Dr. **Nguyễn Danh Sơn**
Assoc.Prof.Dr. **Lê Kế Sơn**
Assoc.Prof.Dr. **Lê Văn Thắng**
Prof. Dr. **Trần Thục**
Dr. **Hoàng Văn Thúc**
Assoc.Prof.Dr. **Trương Mạnh Tiến**
Prof. Dr. **Lê Văn Trình**
Prof.Dr. **Nguyễn Anh Tuấn**
Dr. **Hoàng Dương Tùng**
Prof. Dr. **Bùi Cách Tuyền**

EDITOR - IN - CHIEF

Đỗ Thanh Thủy
Tel: (024) 61281438

OFFICE

● **Hanoi:**
Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.,
Cau Giay Dist. Hanoi
Managing board: (024) 66569135
Editorial board: (024) 61281446
Fax: (024) 39412053
Email: tapchimoitruongtcm@gmail.com
<http://www.tapchimoitruong.vn>
● **Ho Chi Minh City:**
A 403, 4th floor - MONRE's office complex,
No. 200 - Ly Chinh Thang Street,
9 ward, 3 district, Ho Chi Minh city
Tel: (028) 66814471; Fax: (028) 62676875
Email: tcmtpgianam@gmail.com

PUBLICATION PERMIT

Nº 1347/GP-BTTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page:

**Illegal imported waste discovered
at HCM City port**

Photo by: *Báo Hải quan*

Processed & printed by:

Hải Anh Co., Ltd

Nº 7/2018

Price: 20.000VND

IN THIS ISSUE



EVENTS - ACTIVITIES

- [4] • Strengthening control of scrap import and usage in Việt Nam
- [6] • Natural resources and environment sector: proactively identifying and solving local issues
- [7] • Prime Minister Nguyen Xuan Phuc inspects Formosa Ha Tinh
- [8] • Completing environmental legal framework
- [9] • 10th meeting of ASEAN Working Group on Environmental Education
- [10] • GEF marks notable improvement of Việt Nam



LAW - POLICY

- [12] **PHẠM ĐÌNH ĐƠN:** Completing national technical regulations on aquaculture wastewater
- [14] **DƯƠNG VĂN MÃO:** Bạc Liêu focuses on developing clean energy towards green growth
- [16] **HUỲNH HUY VIỆT:** Status of waste sources to lagoons and bays in Phú Yên Province and environmental solutions
- [18] **LƯU TRỌNG QUANG:** Thanh Hóa strives for applying environmental criteria in new rural development



VIEW EXCHANGE - FORUM

- [21] **LÊ HOÀNG LAN:** IMPORTED SCRAPS: raw materials or waste?
- [23] **ĐỖ NAM THẮNG:** GEF 6th Assembly - Orientations for global environmental protection in the coming period
- [26] **NAOKO ISHII:** Need for transforming from business as usual economy to circular economy
- [28] **Abdelrazq Khalil:** Water security - an urgent issue
- [30] **NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG, NGUYỄN HẢI YẾN:** Coordination mechanisms in dealing with environmental complaints, denounces and disputes: status and solutions



GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

- [32] **NGUYỄN CÔNG VỊNH, NGUYỄN KIM PHƯƠNG:** Developing technical solution providing systems for efficient use of marine transport
- [34] **LÂM VĂN MIỄN:** Waste segregation at source using smart phones



GREEN GROWTH

- [36] **NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC:** Green growth in Thanh Hóa: from visions to actions
- [38] **NGUYỄN VĂN LÂM:** Effectiveness of greenhouse gas mitigation rice cultivation model in An Giang Province



ENVIRONMENT & BUSINESS

- [41] **NGUYỄN MINH PHONG, NGUYỄN TRẦN MINH TRÍ:** Enhancing FDI corporate social responsibilities for environmental protection and employees
- [44] **PHẠM OANH:** Developing new cooperative models of value chain tea production and trade in Thái Nguyên



ENVIRONMENT & DEVELOPMENT

- [46] **BÍCH PHƯƠNG:** Good example of new rural development in Quảng Bình
- [47] **VŨ CÚC:** Awareness raising in collection and disposal of herbicide and pesticide packages in Lâm Đồng
- [49] **KIM DUNG:** Wildlife E-commerce in Việt Nam
- [50] **PHẠM THỊ LAN ANH:** Đồng Nai natural and culture protected area: home for numerous precious fauna and flora



AROUND THE WORLD

- [52] **HUYỀN TRANG:** Plastic bag movement
- [53] **TRANG LƯU:** Fights against plastic waste in some countries
- [55] **TRUNG THẢO:** Saerbeck - future's green town

CÔNG TY TNHH MTV GIẤY THANH HUYỀN
Chuyên cung cấp các loại: Giấy in, Giấy photo
 Địa chỉ: 19/13 Vĩnh Phú 35, KP Tây, P.Vĩnh Phú, TX.Thuận An, Bình Dương

Chào mừng
 kỷ niệm 73 năm
 Cách mạng tháng Tám và
 Quốc khánh 2/9

ROYAL HOLIDAY HOTEL
 CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ JOYLAND JSC
 JOYLAND INTERNATIONAL CORPORATION
 "ĐIỂM ĐẾN MỚI CHO KHÁCH KHÁNH HÒA"

★ **TRUNG ƯƠNG 1000 PHÒNG KHÁCH**
 ★ **TRUNG ƯƠNG 1000 PHÒNG KHÁCH**
 ★ **TRUNG ƯƠNG 1000 PHÒNG KHÁCH**

ROYAL HOLIDAY HOTEL
 150 Đường Công Đình, P.3, TP. Vũng Tàu
 VP Bà Rịa: 33 Lê Quý Đôn, P. Phước Trung, TP. Bà Rịa

Vietravel
 CHI NHÁNH VŨNG TÀU

**BIỂN XANH
 NẮNG VÀNG
 HÈ TRẦN
 CẨM VŨC**
 Từ ngày 12/5 - 5/8

1 **HOÀN TIỀN** KHI THANH TOÁN ĐẾN 3 triệu
 2 **THẺ THÀNH VIÊN** đến 3.5 triệu
 3 **ƯU ĐÃI TOUR** ÁU - ỨC - MỸ ĐẾN 9 triệu KHI MUA TOUR SỚM
 4 **GIẢM GIÁ** KHI CHỌN ĐẾN 500 nghìn
 5 **QUÀ TẶNG VÀ HOÀN TIỀN TỶ**
 6 **ƯU ĐÃI TOUR KH TẠI BRVT** ĐẾN 200 nghìn KHI MUA TOUR

Vietravel Vũng Tàu: 150 Đường Công Đình, P.3, TP. Vũng Tàu. **Điện thoại:** 0254 38 38 138
VP Bà Rịa: 33 Lê Quý Đôn, P. Phước Trung, TP. Bà Rịa. **Điện thoại:** 0254 37 38 338



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ CÁT KHÁNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thanh, Xã Cam Thịnh Đông, Thành Phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Cát Khánh (Thôn Hiệp Thanh, Xã Cam Thịnh Đông, Thành Phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa) hoạt động trong lĩnh vực khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Ngoài ra, Công ty còn hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng; đồng thời còn cung cấp cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dụng hữu hình khác.

Công ty Cát Khánh được UBND tỉnh Khánh Hòa cho phép nạo vét cát trong lòng hồ chứa nước Cam Ranh (xã Cam Tân, huyện Cam Lâm). Trong quá trình làm việc và khai thác Công ty có sử dụng một số xe tải để chở cát. Một số luồng thông tin đã lợi dụng điểm này nói Công ty Cát Khánh cho xe chở cả ngày lẫn đêm, gây xói hỏng đường gây ô nhiễm môi trường là không chính xác. Đây là dự án nạo vét bãi bồi lòng suối đầu nguồn, khơi thông dòng chảy và vật liệu bồi lấp lòng hồ chứa nước Cam Ranh được UBND tỉnh phê duyệt và giao cho Công ty Cát Khánh thực hiện từ tháng 11/2016, thời gian nạo vét là 3 năm. Đến nay đã 2 năm trôi qua, khối lượng công việc trước mắt vẫn còn rất nhiều, dù vậy Công ty vẫn

thực hiện rất tốt và chỉ đúng theo pháp luật đúng theo pháp luật đúng quy trình để kịp tiến độ chứ không có chuyện khai thác ồ ạt vào ban đêm là không đúng thực tiễn. Những nhà dân gần đường chắc chắn sẽ không tránh khỏi ồn ào, bụi bặm do các phương tiện di chuyển qua lại chủ yếu là xe chở gỗ và của các doanh nghiệp khác, điều này ở bất kỳ cung đường nào cũng như vậy, chứ không riêng gì xe của Công ty Cát Khánh di chuyển gây ra sự ồn ào. Mặc dù vậy, Công ty luôn cố gắng làm việc đạt hiệu suất cao nhất vào ban ngày và hạn chế tối đa việc chở cát vào những khung giờ cao điểm để tránh ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân.

Trên tuyến đường mà xe tải chở cát của công ty di chuyển có xảy ra tình trạng hư hỏng. Tuy nhiên đầu năm 2018, Công ty Cát Khánh đã có văn bản gửi các cơ quan chức năng báo cáo đã khắc phục, hoàn trả lại hiện trạng tuyến đường từ xã Cam Tân lên xã Sơn Tân; đồng thời bổ sung các vị trí cấm mọc phạm vi ranh giới cấp phép đã bị hư hỏng, cấm băng thông tin dự án thi công tại khu vực nạo vét.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÉ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Thôn 10 Bình Dương - Phường Thuận Giao - Thị xã Thuận An -
Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 0274.5718.091

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ HOÀNG ANH**

Địa chỉ: Thôn Cầu Lộ - Xã Đại Mỹ - Huyện Đại Minh - Tỉnh Hòa Nam
VPHQ: 04/06/2014/03/Pháp Thước L/C/LP, Giấy chứng nhận L/C/LP, Giấy chứng nhận L/C/LP

**CÔNG TY TNHH MTV 618**

Địa chỉ: Thôn Tân Lập 1, Xã Tân Lập, Huyện Tân Lập, Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại: 0235.8100.100

**CÔNG TY TNHH MTV THT TIỀN THÀNH**

Địa chỉ: Thôn Vàm Tây 2, Xã Điện Thắng Bắc, Điện Bàn, Quảng Nam

Chung tay bảo vệ môi trường

XANH SẠCH ĐẸP

Kỷ niệm 73 năm Cách mạng Tháng 8 và Quốc Khánh 2/9/2018



CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG PHAN NGỌC ANH

Địa chỉ: Thôn 4, Xã Duy Hòa, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam

Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Phan Ngọc Anh có 3 cơ sở tại xã Duy Hòa, xã Duy Châu và xã Duy Thu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Là công ty hàng đầu về sản xuất gạch ngói đất sét nung chất lượng cao, rất được ưa chuộng trên thị trường. Công ty có tổng diện tích nhà xưởng trên 74.000 m². Công ty có 8 hệ máy đùn ép chân không theo quy trình công nghệ mới, cùng với 5 hệ thống lò sấy nung tuyne; công suất đạt 70 triệu viên thành phẩm quy chuẩn/năm.

Năm 2016, Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Phan Ngọc Anh long trọng tổ chức Lễ kỉ niệm 15 năm thành lập công ty và vinh dự được đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba. Với đội ngũ quản lý năng động, linh hoạt, sáng tạo cùng với mạng lưới đại lý tiêu thụ, phân phối sản phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng, Công ty đã khẳng định được thương hiệu và uy tín của mình trên thị trường trong nước. Cùng với đó là những kết quả nổi bật trong kinh doanh và an sinh xã hội, Công ty đã được nhận nhiều phần thưởng cao quý khác: Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của UBND tỉnh, được công nhận là doanh nhân tiêu biểu của tỉnh. Và đặc biệt hơn nữa là trong lễ kỉ niệm 15 năm ngày thành lập, Công ty vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.

Trải qua 15 năm gây dựng và phát triển, công ty luôn chủ động xây dựng kế hoạch chiến lược sản xuất kinh doanh, vạch ra bước đi cụ thể của từng giai đoạn về sản xuất, kinh doanh, đầu tư đổi mới công nghệ để tăng năng suất chất lượng sản phẩm mỗi năm một tốt hơn. Điều này càng khẳng định sự đóng góp của doanh nghiệp đối sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhà nói riêng và cộng đồng doanh nghiệp tỉnh Quảng Nam nói chung.

KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN NAM NUNG

Thực Hiện Tốt Công Tác Quản Lý, Bảo Vệ Và Phát Triển Rừng

Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung hiện quản lý 21.865,87ha/29 tiểu khu nằm trên địa giới hành chính của 07 xã thuộc 03 huyện: Xã Nam Nung, Nam N'Đie, Đúc Xuyên thuộc huyện Krông Nô; xã Quảng Sơn thuộc huyện Đắk Glông; xã Đắk Hoà, Đắk Mol, Nam N'jang thuộc huyện Đắk Song.

Trên lâm phần đơn vị quản lý không xảy ra cháy rừng. Từ đầu năm đến nay trên lâm phần đơn vị quản lý không bị phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật.

Khu bảo tồn thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật lâm nghiệp bằng các hình thức như: Hội nghị họp dân, đóng băng tuyên truyền, ký cam kết, v.v... Nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong thực hiện

công tác quản lý bảo vệ rừng, PCCCR, sẵn sàng tổ chức tội phạm. Trong 6 tháng đầu năm 2018, đơn vị đã thực hiện: Ký 400 bản cam kết có nội dung "quản lý bảo vệ và PCCCR". Phát được 2.500 tờ rơi về công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng. Đóng mới 150 băng tuyên truyền về bảo vệ rừng và 200 biển ranh giới lâm phần và 200 băng cấm lửa. Tổ chức được 09 cuộc họp về công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và công tác phát triển rừng với 452 lượt người tham gia.

Công tác phát triển rừng đơn vị đã chủ động phối hợp với chính quyền địa phương như: Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô; UBND các xã Quảng Phú, Đắk Nang, Nam Nung, Đúc Xuyên tiến hành tổ chức 06 cuộc họp đối thoại trực tiếp với các hộ dân đang canh tác trong vùng quy hoạch trồng rừng của Khu BTNN Nam Nung, để tuyên truyền, vận động người dân trả lại đất và tham gia trồng rừng năm 2018. Có 162 lượt người tham gia họp/03 xã và hiện nay đã vận động được 54 hộ dân đăng ký trả lại đất, tham gia trồng rừng năm 2018 với diện tích đăng ký trồng

là khoảng 77 ha, hiện nay đã trồng được khoảng 70 ha.

Công tác tuần tra, ngăn chặn tình hình vi phạm luật Bảo vệ và Phát triển rừng 2004 đã có tiến triển tích cực, các điểm nóng đã được hạn chế. Lực lượng đơn vị đã tổ chức tuần tra, kiểm tra trên toàn lâm phần quản lý được hơn 600 đợt. Phối hợp với các ban ngành 10 đợt chốt chặn tại các điểm nóng có nguy cơ xảy ra phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật.

Khu BTNN Nam Nung thường xuyên đến đốc các hộ dân nhận khoán bảo vệ rừng tăng cường tuần tra, kiểm tra nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng. Trong 6 tháng đầu năm tình hình khai thác gỗ, phá rừng, lấn chiếm đất rừng không xảy ra.

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; địa bàn được giao quản lý rộng trên nhiều địa hình phức tạp, nguy cơ mất an toàn về an ninh trật tự đã ảnh hưởng không nhỏ tới công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng nhưng tập thể cán bộ công chức viên chức và người lao động Khu BTNN Nam Nung vẫn luôn đoàn kết một lòng, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được giao, giữ bình yên cho những cánh rừng.

UBND XÃ CANH NẬU

Địa chỉ: Xã Canh Nậu, Huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội

Chào Mừng Kỷ Niệm
73 Năm

CÁCH MẠNG THÁNG 8 VÀ QUỐC KHÁNH 2/9
(2/9/1945 - 2/9/2018)

CÔNG TY TNHH TÙNG THÀNH

Địa chỉ: Đồng Dương - Xã Nam Sơn - Thành phố Bắc Ninh - Bắc Ninh

Chào Mừng Kỷ Niệm
73 Năm

CÁCH MẠNG THÁNG 8 VÀ QUỐC KHÁNH 2/9
(2/9/1945 - 2/9/2018)

CÔNG TY TNHH BÁNH MỨT HOÀN TIẾN

Địa chỉ: Số 118 Đường Bạch Đằng, TT. Hải đảo, H. Thụy Nguyên, TP. Hải Phòng

Chào Mừng Kỷ Niệm 73 Năm
CÁCH MẠNG THÁNG 8 VÀ QUỐC KHÁNH 2/9
(2/9/1945 - 2/9/2018)

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BÁ THƯỚC

Kết Quả Hoạt Động Công Tác Y Tế 6 Tháng Đầu Năm 2018

Trung tâm y tế có 5 khoa, 2 phòng; 1 cơ sở điều trị Methadone và 23 Trạm y tế xã, thị trấn. Trung tâm y tế gồm có 35 cán bộ công chức, viên chức (3 thực sĩ, 8 bác sĩ) và 4 cán bộ hợp đồng tại cơ sở điều trị Methadone; Trạm y tế xã, thị trấn có 125 cán bộ (có 26 bác sĩ), 225 nhân viên y tế thôn bản và 44 cô đỡ thôn bản; 22/23 Trạm y tế xã có bác sĩ (trừ Trạm y tế thị trấn Cảnh Nang).

Trong 6 tháng đầu năm Trung tâm đã triển khai hoạt động theo kế hoạch các chương trình mục tiêu Quốc gia; chủ động trong công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn huyện, kịp thời phát hiện sớm các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm gây dịch, giám sát chặt chẽ các ổ dịch cũ, phối hợp với các cơ quan, ban ngành trong huyện, tổ chức truyền thông giáo dục sức khỏe, vệ sinh môi trường.

Phối hợp liên ngành tổ chức thanh, kiểm tra các cơ sở kinh doanh và chế biến lương thực, thực phẩm trên địa bàn huyện. Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh tại trạm y tế xã. Chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, vật tư thuốc, hóa chất phòng chống dịch bệnh. Chỉ đạo các trạm y tế xã, thị trấn thực hiện tốt Bộ tiêu chuẩn quốc gia về y tế, khám chữa bệnh. Phần đầu năm 2018 xây dựng mới 03 xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2020.

CÔNG TY TNHH TM ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TÂM AN

Địa chỉ: 42/1/30 đường số 13, KP 4, P. Linh Xuân, Q. Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Chào Mừng Kỷ Niệm
73 Năm
CÁCH MẠNG THÁNG 8 VÀ QUỐC KHÁNH 2/9
(2/9/1945 - 2/9/2018)

HỘI KỸ THUẬT NÓ MÌN VIỆT NAM

ĐC: P502 Tòa Nhà 12 Tầng Trường Đại Học Mĩ Thuật, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Chào Mừng Kỷ Niệm
73 Năm
CÁCH MẠNG THÁNG 8 VÀ QUỐC KHÁNH 2/9
(2/9/1945 - 2/9/2018)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI KHOÁNG LONG ĐẠT

Vượt Khó, Kiên Định Hướng Tới Phát Triển Bền Vững

Thành lập từ năm 2009 nhưng phải đến năm 2016, Công ty CP Khai Khoáng Long Đạt (Xã Tiên Sơn, Huyện Lương Sơn, Hòa Bình) mới thực sự đi vào hoạt động ổn định sau khi tái cấu trúc lại bộ máy và tiến hành đầu tư chiều sâu, trang bị nhiều máy móc thiết bị hiện đại để thực hiện ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Khai thác đá để cung cấp vật liệu xây dựng cho các công trình giao thông, xây dựng công nghiệp và xây dựng dân dụng... tại xã Tiên Sơn, Huyện Lương Sơn, Hòa Bình.

Công ty đã đầu tư kinh phí hơn 7 tỷ đồng để khai thác theo đúng thiết kế được UBND Tỉnh phê duyệt về làm đường cắt tăng lên núi để đảm bảo an toàn và

hiệu quả cho công nhân công ty. Công ty đã mua và nộp bảo hiểm đầy đủ cho người lao động, luôn kiểm định nghiêm ngặt các thiết bị máy móc để đảm bảo an toàn cho người lao động và tiến hành trồng cây xanh bao quanh khu vực khai thác tạo thành một hành lang xanh, là tấm lá chắn, giúp giảm bụi, tiếng ồn ra khu vực xung quanh và góp phần tạo ra môi trường xanh.

Phát triển sản xuất, khai thác tài nguyên phục vụ cho các ngành công nghiệp, giải quyết việc làm cho đồng bào người dân địa phương, tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương; công ty là đơn vị điển hình chấp hành nộp các loại thuế phí, khoản thu của nhà nước quy định như: Thuế cấp quyền 6 tỉ đồng, quỹ

bảo vệ môi trường hơn 450 triệu đồng, ngoài ra công ty rất quan tâm đến Việc An Sinh xã hội cụ thể như: đóng góp làm đường nội thôn, nội đồng cho bà con 02 xã tiên sơn và liên sơn.

Là đơn vị tiên phong trong các chủ trương xã hội hóa và thực hiện tốt các quy định của tỉnh Hòa Bình; Công ty CP Khai Khoáng Long Đạt đã và đang góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết 26-NQ/TW của BCH Trung ương về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, giúp người dân Xã Tiên Sơn, Huyện Lương Sơn, Hòa Bình từng bước xóa đói, giảm nghèo và phát triển bền vững.



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỨC VIỆT

ĐC: Số 68 ngõ 35 đường Đinh Ngạc, P. Đinh Ngạc, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
Điện thoại: 0343.757.9155

Ngành Nghề Kinh Doanh:

Sản xuất, phân phối các mặt hàng sơn nước và tư vấn công trình.



BQL DỰ ÁN DT XD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG & CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Địa chỉ: 159 Tô Hiệu - Cầu Giấy - Hà Nội



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 - URENCO 11

CHUYÊN NGHIỆP, HIỆU QUẢ, ĐÚNG PHÁP LUẬT VÀ HÀI LÒNG KHÁCH HÀNG

SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CHÍNH

- THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CÁC LOẠI CHẤT THẢI: SINH HOẠT, CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI, Y TẾ VÀ XÂY DỰNG
- DỊCH VỤ VỆ SINH CÁC CÔNG TRÌNH, CẢI TẠO MÔI TRƯỜNG SINH THÁI
- SẢN XUẤT, KINH DOANH CÁC SẢN PHẨM TÁI CHẾ, TÁI SỬ DỤNG CHẤT THẢI
- TƯ VẤN, LẬP CÁC DỰ ÁN VỀ MÔI TRƯỜNG, QUAN TRẮC, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
- TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG
- ĐÀO TẠO, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG
- KINH DOANH, XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ, THIẾT BỊ, VẬT LIỆU
- CẢI TẠO, SẢN XUẤT, SỬA CHỮA CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG NGÀNH MÔI TRƯỜNG
- TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Xã Đại Đồng, Văn Lâm, Hưng Yên

Website: urencodaidong.com.vn / ĐT: 02213 999 072

Email: urencodaidonghungyen@gmail.com / Fax: 02213 981 489

73

Chào Mừng Kỷ Niệm

Cách Mạng Tháng 8 Và Quốc Khánh 2/9
(2/9/1945 - 2/9/2018)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIM QUAN

Địa chỉ: Xã Kim Quan, Huyện Thạch Thất, Thành Phố Hà Nội

Chào Mừng Kỷ Niệm 73 Năm

CÁCH MẠNG THÁNG 8 VÀ QUỐC KHÁNH 2/9
(2/9/1945 - 2/9/2018)

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT TÀI SẢN PHÁT

Địa Chỉ: Số 1/82A, KP.Bình Thuận - P. Bình Nhâm - TX. Thuận An, T.Bình Dương

Chào Mừng Kỷ Niệm 73 Năm

Cách Mạng Tháng 8 Và Quốc Khánh 2/9

(2/9/1945 - 2/9/2018)

Biotech Việt Nam tự hào là nhà nhập khẩu độc quyền và đối tác tiếp thị thương mại độc quyền các thương hiệu vi sinh nổi tiếng thế giới. Chúng tôi sẵn sàng mang đến cho Quý khách hàng các dịch vụ và sản phẩm vi sinh mới nhất của Mỹ trong lĩnh vực môi trường, nông nghiệp thủy sản.

Hiện tại chúng tôi, có những mặt hàng như thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản hoa quả bằng vi sinh học uống được của Mỹ được lưu hành và sử dụng trong các lĩnh vực sau:

MÔI TRƯỜNG: Các loại thuốc vi sinh làm sạch bề mặt bồn cầu, ống thoát nước thải, xử lý nước thải nhà hàng, khách sạn, khử dầu mỡ nhà bếp, khử mùi hôi chuồng trại, xử lý rong rêu ô nhiễm, xử lý nước thải công nghiệp...

NÔNG NGHIỆP: Các dòng sản phẩm vi sinh cải tạo đất, phòng và trị bệnh nấm hại, tuyến trùng trong đất, kích thích tăng trưởng, bảo vệ vật không độc hại cho con người và môi trường. Nước vi sinh bảo quản hoa quả. Thuốc diệt cỏ sinh học, trừ sâu sinh học.

THỦY SẢN: Các loại thuốc giúp xử lý, giảm các chất nặng mùi, độc hại và các chất ô nhiễm trong ao, hồ, xử lý bùn đáy, mùi nước, khí độc trong ao nuôi thủy sản.

Liên hệ số điện thoại tư vấn và đặt hàng: 0968 81 5555 – 0888 53 6666 –
Giám đốc: Lê Bá Tịnh



Công ty **BĂNG KEO PHÁT LỘC** chuyên cung cấp các loại Jumbo băng keo cuộn lớn nhập khẩu từ Trung Quốc – Đài Loan – Malaysia. Các loại Jumbo băng keo cuộn lớn như: Băng keo giấy, băng keo trong đục các loại và băng keo màu. Sản phẩm của công ty chúng tôi luôn đảm bảo chất lượng và giá cả hợp lý.



Địa chỉ: Số A7/22, Kp. Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao
Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

CÔNG TY CP TM BÁCH NIÊN KHANG

Địa chỉ: Số nhà 52, Hẻm 143/150/31, P. Giáp Nhĩ, T.Đ. P. Thịnh Đức, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội



CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SAO PHƯƠNG BẮC



Địa Chỉ: Số 42B5 đường 30/4, P. 9, TP. Vũng Tàu, T. Bà Rịa - Vũng Tàu

UBND HUYỆN THIỆU HÓA

Địa chỉ: TT. Vạn Hà, H. Thiệu Hoá, T. Thanh Hoá



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NGỌC PHƯƠNG VT



Địa chỉ: Số 921/1 Đường Bình Giả, P. 18 - TP. Vũng Tàu, T. Bà Rịa - Vũng Tàu

TẠO TIỀN ĐỂ HƯỚNG TỚI KỶ NIỆM 15 NĂM THÀNH LẬP QUẬN HOÀNG MAI

Khi sự tập trung quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành ngay từ đầu năm, sức chiến đấu hành chính, kỷ luật công vụ trên tất cả các lĩnh vực, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của quận Hoàng Mai 6 tháng đầu năm năm 2018 đạt được một số kết quả tích cực.

Năm 2018 là năm kỷ niệm 15 năm Ngày thành lập quận. Thực hiện chủ đề: **"15 năm Hoàng Mai xanh - sạch - đẹp"**, quận đã triển khai đồng bộ, bước đầu đạt hiệu quả, được nhân dân đồng thuận và hưởng ứng. Theo đó, quận đã rà soát vị trí các ô đất trống theo quy hoạch, trong khu dân cư để đầu tư xây dựng công viên cây xanh, vườn hoa, hồ nước phục vụ cộng đồng. Chỉ đạo đầu tư xây dựng các tuyến đường mới như: Đường phía Đông, đường Tam Trinh..., triển khai tuyến phố xanh - sạch - đẹp cấp phường tại toàn bộ các tuyến phố có tên, đảm bảo mỹ quan đô thị. Triển khai xây dựng mô hình **"Cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp"** tại các phường, thực hiện năm chủ đề

"Vì quận Hoàng Mai sáng - xanh - sạch - đẹp - nở hoa" hiệu quả tại các trường MN, TH, THCS trên địa bàn.

6 tháng đầu năm, quận đã triển khai phương án thu gom rác đối với các hộ kinh doanh. Phát động phong trào tổng vệ sinh hàng tuần tại trụ sở cơ quan, đơn vị trường học và khu dân cư. Duy trì hiệu quả hoạt động của các CLB tình nguyện vì môi trường tại các phường. Thực hiện các biện pháp đảm bảo cảnh quan và vệ sinh môi trường tại các khu đất trống chưa sử dụng. Tổ chức duy tu, duy trì, cải tạo, sửa chữa hệ đường đã xuống cấp, hư hỏng, bỏ vỉa gốc cây, sơn kẻ vạch... trên tuyến phố đăng ký vào mình đô thị.

Cùng với thực hiện chủ đề năm, hướng tới kỷ niệm 15 năm thành lập quận, Hoàng Mai đã nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội. 6 tháng đầu năm, các nội dung công việc đã được các phường, ban, đơn vị tập trung triển khai thực hiện, cơ bản tiến độ được đảm bảo. Thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 51% dự toán được giao.

Công tác GPMB đáp ứng tiến độ. Đến nay, quận đã triển khai công tác GPMB tại hơn 71 dự án, với diện tích thu hồi khoảng 983 ha liên quan đến khoảng 18.335 hộ.

Trong 6 tháng đầu năm, quận đã rà soát, tập trung cao độ thực hiện các nội dung công việc hướng tới chào mừng kỷ niệm 15 năm thành lập quận. Triển khai quyết liệt, đồng bộ các biện pháp trong công tác thu hồi nợ thuế, tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo đơn đốc thu hồi nợ đọng thuế. Tập trung quyết liệt thực hiện công tác GPMB, đặc biệt, các nhóm dự án trọng điểm đã đăng ký chào mừng kỷ niệm 15 năm thành lập quận.

Tiếp tục triển khai các nội dung công việc thực hiện chủ đề **"Vì một Hoàng Mai xanh - sạch - đẹp"**; khai mở hình **"Tuyến phố văn minh ATTP dịch vụ an uống, thức ăn đường phố"**, **"Cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp"** và phong trào thi đua **"Tổ dân phố xanh - sạch - đẹp"**. Duy trì mô hình **"Trường học sáng - xanh - sạch - đẹp - nở hoa"**, tuyên truyền đến cán bộ, giáo viên, học sinh và phụ huynh.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ DÂN HÓA

Dân Hòa là xã miền núi rẻo cao huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, tổng diện tích rừng tự nhiên là 16.801,77 ha, trong đó: đất rừng phòng hộ 8.383,63ha; đất vùng đệm thuộc vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng 109,18 ha; đất rừng xã quân là 8.276,27 ha. Độ che phủ của rừng là 74,3%; Toàn xã hiện có 888 hộ gia đình với gần 4.000 nhân khẩu, trong đó có 767 hộ gia đình thuộc diện nghèo. Đa số người dân trên địa bàn là đồng bào dân tộc thiểu số, đời sống ở mức thấp, cuộc sống mưu sinh chủ yếu dựa vào rừng.

Trong những năm qua công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn có những chuyển biến tích cực, đã hạn chế các hiện tượng phá rừng làm nương rẫy, săn bắt động vật hoang dã, khai thác, vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép.

Tuy vậy, đa số bà con nhân dân thuộc diện nghèo, đời sống rất khó khăn, trong đó nhà ở là một vấn đề cần phải được quan tâm đặc biệt. Toàn xã hiện có trên 230 hộ dân trong tình trạng nhà ở tạm bợ, đột nát cần phải được sửa chữa hoặc làm mới, với phong tục, tập quán truyền

thống nhà ở là nhà sàn bằng gỗ, nguy cơ người dân khai thác gỗ phục vụ việc làm nhà, sửa chữa nhà là rất lớn. Các ngành, các cấp cần tiếp tục tổ chức tuyên truyền nhân dân chấp hành tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng, đồng thời cần có các giải pháp, phương án cụ thể về nhà ở cho các hộ nghèo trên địa bàn, nhằm góp phần hạn chế việc phá rừng, nâng cao chất lượng sống về nhà ở theo tiêu chí Nông thôn mới và Chương trình giảm nghèo theo tinh thần Nghị quyết 30A của Chính phủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI MIỀN BẮC

"Thương Hiệu Vàng Nông Nghiệp Việt Nam"

Công ty CP Thức Ăn Chăn Nuôi Miền Bắc chính thức thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 5 năm 2010. Công ty có chức năng sản xuất và mua bán xuất nhập khẩu nguyên liệu thức ăn ngành chăn nuôi. Với phương châm hoạt động là cung cấp tất cả các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cho các nhà máy trong nước và thị trường quốc tế như Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc... với giá cả cạnh tranh nhất và chất lượng bảo đảm tốt nhất.

Là đơn vị chuyên cung cấp MEN BIA KHÔ nội địa và quốc tế. Phần lớn mặt hàng này được công ty xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc và được các khách hàng phản hồi tích cực về chất lượng và giá cả. Với nguồn nguyên liệu được lấy từ các nhà máy bia khu vực phía bắc Việt Nam như: Tổng công ty CP bia rượu - NGK Hà Nội

(Habecco) và các công ty con của Habecco, nhà máy bia Châu Á Thái Bình Dương (sơ các loại bia Laroc, Tiger, Heniken), Công ty Carlsberg Việt Nam - nhà máy bia Đồng Nam Á (sản xuất các loại bia Carlsberg, Hahida...).

Được sản xuất từ sinh khối nấm men bia (Sitra men) thu nhận được trong quá trình lên men bia của chúng nấm men đặc trưng là *Saccharomyces cerevisiae* và *Saccharomyces uvarum* có giá trị dinh dưỡng rất cao. Sản phẩm có mùi đặc trưng của men bia khô làm cho vật nuôi ham ăn. Các thành phần có trong men bia khô như các axit amin tự do, lipid, khoáng chất và quan trọng hơn là men bia chứa rất nhiều vitamin nhóm B như: B1, B2, B3, B5, B6, B10... và Beta - glucan có tác dụng tăng khả năng đề kháng, giúp hấp thu tốt thức ăn và bổ sung nhiều

khương chất cần thiết cho sự phát triển của vật nuôi.

Ngoài lĩnh vực sản xuất chính là Men Bia Khô, hiện tại chúng tôi cũng đang cung cấp cho các khách hàng nước ngoài một số sản phẩm như: dầu nhân điều, bã nhân điều sấy khô, DCP, bã hèm bia khô... với giá cả và chất lượng ổn định.

Bằng sự nỗ lực của các công ty đã góp phần không nhỏ thúc đẩy ngành nông nghiệp nước nhà ngày một phát triển. 6 tháng đầu năm 2018, tình hình chăn nuôi trong nước rất khả quan giúp cho năng suất sản xuất của công ty tăng 20% so với tăng trưởng cùng kỳ năm ngoái. Công ty luôn chấp hành tuân thủ đúng quy trình và xả thải môi trường theo quy định, định kỳ công ty 1 năm quan trắc 2 lần và kinh doanh theo đúng tinh thần thượng tôn pháp luật.

CÔNG TY CP BÊ TÔNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC THÀNH

Địa chỉ: BT7, Ô 11, KĐT Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 024 3200 6505 / Email: betongphucthanh@gmail.com

Là đơn vị hàng đầu chuyên cung cấp các sản phẩm bê tông: bê tông thương phẩm, thi công ép cọc bê tông và các cấu kiện bê tông đúc sẵn như cọc ty tâm, ống cống, sản phẩm ứng dụng... tại Hà Nội cũng như các tỉnh lân cận.

Công Ty Cổ Phần Bê Tông Xây Dựng Và Thương Mại Phúc Thành được trang bị hệ thống máy móc thiết bị hiện đại theo tiêu chuẩn Châu Âu, với quy trình sản xuất nghiêm ngặt nhằm đem lại những sản phẩm bê tông chất lượng và đẳng cấp. Là một trong những đơn vị sản xuất bê tông lớn, Công ty CP Bê tông xây dựng và thương mại Phúc Thành có đội ngũ kỹ sư & cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm lâu năm được đào tạo tại các trường đại học danh

tiếng như: ĐH Bách Khoa, ĐH Xây Dựng, ĐH Giao Thông, ĐH Kiến Trúc...

Công ty chúng tôi xây dựng với mục tiêu Đáp ứng mọi yêu cầu khách hàng, đem đến cho khách hàng những sản phẩm tốt nhất.

Công ty Cổ Phần Bê Tông xây dựng và thương mại Phúc Thành luôn dựa trên 5 tiêu chí sau:

- + Chất lượng: Luôn đảm bảo tốt nhất
- + Khối lượng: Luôn đầy đủ
- + Thời gian: Đảm bảo chính xác nhất
- + Giá: Hợp lý nhất
- + Kỹ thuật: Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của từng lĩnh vực, từng hạng mục công trình.



CÔNG TY CP CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG NAM THÀNH AN

Địa chỉ: Khu 1, Thị trấn Ngô Đồng, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định

Điện thoại: 0228 373 6666

Công ty thành lập từ năm 2009 đến nay luôn sát cánh và chia sẻ với khách hàng để đem lại cho khách hàng những sản phẩm hiệu quả và ưu việt nhất mà vẫn đảm bảo môi trường. Từ đó, công ty có được những kinh nghiệm hết sức quý báu, kết hợp với nỗ lực cải tiến không ngừng, đã cho ra đời những sản phẩm với chuẩn mực cao, tạo được uy tín và sự tin nhiệm từ khách hàng đối với công ty.

Cho đến nay môi trường làm việc của công ty chúng tôi đã và đang được khách hàng tin nhiệm, sử dụng. Để đạt được điều đó, chúng tôi luôn khẳng định phương châm của mình là: “Xem khách hàng là tri ân của mình, chinh phục khách hàng bằng uy tín và chất lượng, đem lại cho khách hàng sự hài lòng cao nhất”.

Với đội ngũ cán bộ - công nhân viên - kỹ thuật giỏi, nhiệt tình, dày dặn kinh nghiệm và hệ thống xây dựng với máy móc trang bị hiện đại đã cho ra đời những sản phẩm với chất lượng cao.

Chúng tôi luôn mong muốn tiếp cận và tạo được sự tin nhiệm với khách hàng, đáp ứng tối đa mọi nhu



cầu của khách hàng, lấy sự tin nhiệm của khách hàng làm mục tiêu hoạt động.

Với một môi trường làm việc không ngừng cải tiến về kỹ thuật, công nghệ sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Chúng tôi mong muốn sản phẩm của mình sẽ có thương hiệu và uy tín tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh cơ khí và xây dựng.

Chúng tôi luôn không ngừng phát triển về kỹ thuật, công nghệ cũng như sự tận tâm với khách hàng nhằm mang lại cho khách hàng những lợi ích tốt nhất khi sử dụng sản phẩm của chúng tôi.

CHÀO MỪNG KỶ NIỆM 73 NĂM
CÁCH MẠNG THÁNG 8 VÀ QUỐC KHÁNH 2/9
(2/9/1945 - 2/9/2018)



CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN DUYÊN HẢI:

Sản xuất điện gắn liền với bảo vệ môi trường

Công ty Nhiệt điện Duyên Hải là đơn vị trực thuộc Tổng công ty phát điện 1, được thành lập ngày 29/01/2015 theo Quyết định số 27/EVNGENCO1; được Tổng công ty Phát điện 1 giao nhiệm vụ quản lý Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1, Nhà máy Nhiệt điện (NMND) Duyên Hải 3 và Cảng biển Trung tâm Điện lực Duyên Hải.

Từ khi thành lập đến nay, với sự nỗ lực không ngừng của CBCNV Công ty, sự quan tâm hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của Tổng công ty, Công ty Nhiệt điện Duyên Hải đã đạt được các kết quả quan trọng về sản xuất kinh doanh. Tính đến hết Quý II/2018, Công ty đã sản xuất được hơn 21,385 tỷ kWh điện, góp phần quan trọng trong công tác đảm bảo cung cấp điện phục vụ sản xuất và đời sống của khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung.

Công nghệ lò hơi NMND Duyên Hải 1

Lò hơi chính sử dụng cho NMND Duyên Hải 1 là lò hơi thông số cận tới hạn, đốt than phun, tuần hoàn tự nhiên, ngọn lửa cháy hình W, tải nhiệt 1 cấp, và vận hành khởi gió cân bằng. Lò hơi có cấu trúc hoàn toàn từ thép được bố trí ngoài trời có mái che và được treo trên kết cấu khung thép, lò có hình dạng chữ π . Nhiên liệu sử dụng cho lò hơi là than Anthracit cấp 6A.1.

Lò hơi được bố trí 36 vòi đốt than bột dạng cyclone kép, vòi đốt được sắp theo dãy ở phần vai lò của phía tường trước và tường sau của buồng lửa. Vòi đốt than bột dạng cyclone kép là kiểu vòi đốt than anthracit, được sử dụng để đốt cháy những loại than có chất bốc thấp. Đặc biệt, công nghệ vòi đốt này dùng phần xoay cyclone để tập trung gió cấp 1, sau đó dựa vào sự điều chỉnh để tạo khả năng bắt cháy nhanh và ổn định cho buồng đốt. Vòi đốt bao gồm ống dẫn vào gió cấp 1, thiết bị phân phối, cyclone kép dạng ống, các "damper" điều chỉnh...

Công nghệ phân lò hơi NMND Duyên Hải 3

Lò hơi được thiết kế là kiểu lò hơi cận tới hạn, đốt than phun, tuần hoàn tự nhiên, tải nhiệt một cấp, các vòi đốt được đặt ở vách trước và vách sau của buồng đốt, kết cấu bằng thép, có dạng hình chữ π . Nhiên liệu sử dụng cho lò hơi là than bitum và á bitum.

Các vòi đốt được đặt đối diện ở vách trước và vách sau buồng đốt thông qua áp suất dương. Lò hơi được cung cấp bao gồm tổng cộng 30 vòi đốt, cung cấp than bột theo dòng chảy xoay cho vòi đốt. Tại mỗi vách trước và vách sau có 3 tầng vòi đốt, mỗi tầng có 5 vòi, các vòi đốt tương ứng ở vách trước và vách sau được đặt đối xứng qua mặt phẳng song song đi qua tâm lò. Phần phía trên của vòi đốt được bố trí các bộ điều chỉnh gió Overfire (OFA). Có tổng cộng 10 bộ điều chỉnh gió Overfire được đặt ở vách trước và vách sau, mỗi vách tường có 5 bộ điều chỉnh, do đó hạn chế được sự hình thành NO_x .

Các hệ thống xử lý khói thải

Khí thải của nhà máy chủ yếu phát sinh từ buồng đốt lò hơi và thành phần ô nhiễm chủ yếu là bụi, NO_x , SO_x . Khí thải phát sinh từ lò hơi sẽ đi qua hệ thống xử lý khí thải như sau: Trước tiên, khí thải được dẫn qua hệ thống khử NO_x bằng SCR (Selective Catalytic Reduction) để khử NO_x có trong khói thải, sau khi khói thải loại bỏ NO_x có trong khói thải sẽ được dẫn qua bộ lọc bụi tĩnh điện (ESP) để tách và thu hồi tro bay có trong khói thải, sau khi khói thải được loại bỏ tro bay sẽ được dẫn qua bộ xử lý khử SO_x , sau khi loại bỏ SO_x khí thải được thải ra môi trường thông qua ống khói.

Giảm thiểu NO_x bằng phương pháp chọn lọc xúc tác SCR

NO_x là cách gọi chung cho nhóm NO và NO_2 phát sinh trong quá trình đốt lò, trong đó chủ yếu là NO chiếm khoảng 90%; Khi NO_x này ảnh hưởng đến thành phần không khí dùng hệ thống SCR đặt tại khu vực cuối của lò giảm thiểu NO_x đạt tiêu chuẩn thải cho phép.



▲ Toàn cảnh Nhà máy Nhiệt Điện Duyên Hải

Hệ thống ammoniac NH_3 sẽ được cung cấp đến khu vực khoang phản ứng SCR, sau khi hòa trộn với không khí, NH_3 sẽ được phun vào trong đường ống vào SCR; sau khi hỗn hợp NH_3 , không khí sẽ trộn với khói thải và cấp đến khoang phản ứng; sự khử NO_x sẽ xảy ra bởi sự xúc tác của tấm xúc tác trong khoang phản ứng. Tại đây khí NO_x sẽ được chuyển hóa thành các khí vô hại là N_2 và H_2O nhờ phản ứng xúc tác với NH_3 .

Hệ thống lọc bụi tĩnh điện ESP

Có nhiệm vụ tách và thu hồi tro bay trong sản phẩm cháy (khói) để bảo vệ môi trường, phù hợp với tiêu chuẩn nồng độ bụi, tổng tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp nhiệt điện đốt than là 140 mg/m^3 . Ngoài ra, nó cũng giúp chống mài mòn cánh của các quạt khói và hạn chế tro bụi ảnh hưởng đến sự vận hành của hệ thống khử lưu huỳnh của tổ máy.

Mỗi lò hơi được trang bị 1 hệ thống lọc bụi tĩnh điện gồm 5 trường với 40 phễu thu tro gồm 2 bộ lọc bụi tĩnh điện đặt cạnh nhau, mỗi bộ có 2 khoang không có vách ngăn dọc theo các trường, mỗi khoang có 4 dãy do Công ty Fujian Longking sản xuất. Mỗi bộ được lắp sau bộ sấy không khí kiểu quay, trên một nhánh của hệ thống đường khói của lò hơi. Ưu điểm của hệ thống ESP này là hiệu suất khử bụi cao (nồng độ tro bụi trong khói giảm >99%); thu hồi được các hạt bụi có kích thước rất nhỏ ($0.1 \mu\text{m}$); tổn thất áp suất trên đường khói nhỏ, không ảnh hưởng nhiều đến công suất của quạt khói; chịu được nhiệt độ cao (lên đến 400°C).

Hệ thống ESP của mỗi tổ máy bao gồm 20 máy biến áp trường tương ứng 1 máy biến áp sử dụng cho khu vực 2 phễu thu tro. Trong đó,

4 máy biến áp trường cao áp sử dụng cho trường đầu tiên và 16 máy biến áp hạ áp dùng cho 4 trường còn lại.

Việc cải tiến đưa hệ thống ESP vào vận hành ngay từ đầu là rất cần thiết để khắc phục khói đen gây ô nhiễm môi trường trong quá trình khởi động tổ máy. Tổ máy S1 thử nghiệm vận hành đưa ESP từ đầu trong lần khởi động ngày 04/9/2016, tổ máy S2 thử nghiệm lần đầu ngày 25/6/2016.

Công nghệ khử lưu huỳnh bằng nước biển (SeaWater - Flue - Gas Desulfurization) cho NMND Duyên Hải

Hệ thống khử lưu huỳnh bằng nước biển gồm: hệ thống đường khói, hệ thống hấp thụ SO_2 , hệ thống cung cấp nước biển, hệ thống xử lý nước biển và hệ thống điện, đo lường, điều khiển... Trong đó, thiết kế tháp hấp thụ của hệ thống có kích thước $18.350 \times 16.550 \times 18.550 \text{ m}$, thiết kế với lưu lượng nước biển đầu vào và đầu ra là $18.200 \text{ m}^3/\text{h}$, vận tốc khói thải trong tháp là khoảng $2,5 - 5 \text{ m/s}$, thời gian khói lưu lại trong tháp khoảng $2 - 4 \text{ s}$, đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống đạt 90%.

Biện pháp kiểm soát quá trình chuyển hóa ion sunfit

Để đảm bảo toàn bộ ion HSO_3^- (thành phẩm gây ô nhiễm) đều được chuyển hóa thành SO_4^{2-} (thành phẩm vô hại trong nước biển), nhà máy sẽ lắp đặt hệ thống quan trắc tự động liên tục các thông số DO và COD. Xây dựng quy trình vận hành kiểm soát DO trong nước biển hệ thống FGD đảm bảo đủ oxy thực hiện phản ứng chuyển hóa.

Để kiểm soát nồng độ H^+ trong nước thải sau FGD, pH cũng được quan trắc tự động, liên tục.

Bột Giặt



**Sạch
Tinh Tươi**



CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN VÀ KHOÁNG SẢN THĂNG LONG HÀ NỘI

Địa chỉ : 537 Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

**KỶ NIỆM 71 NĂM
NGÀY THƯƠNG BINH - LIỆT SỸ
(27/7/1947 - 27/7/2018)**

